TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU

PHẬT HỌC

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

NĂM THỨ 19 - SỐ 3-2009 (102) * RA NGÀY 15/05/2009

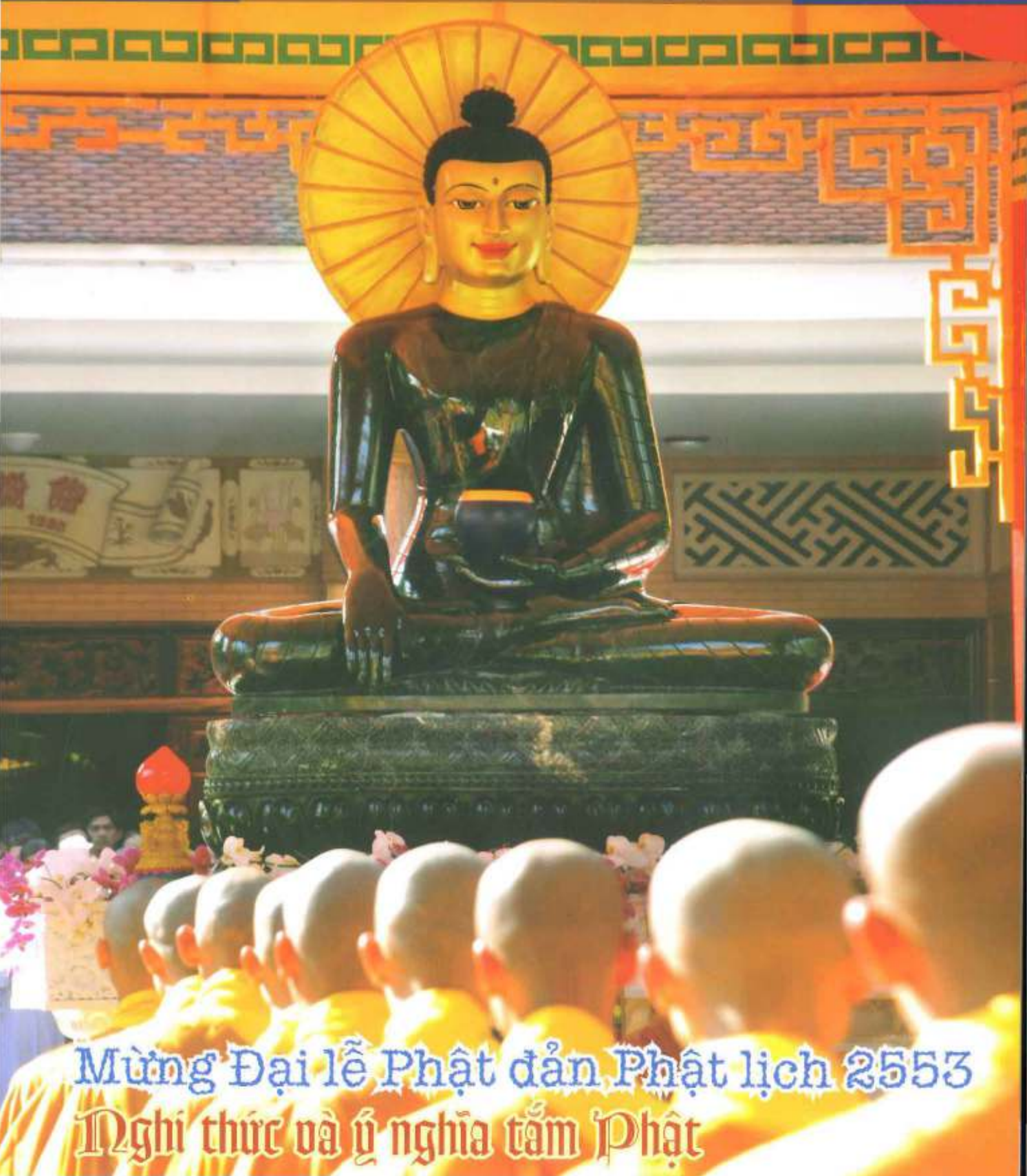

Mừng Đại lễ Phật đản Phật lịch 2553

Nghi thức và ý nghĩa tắm Phật

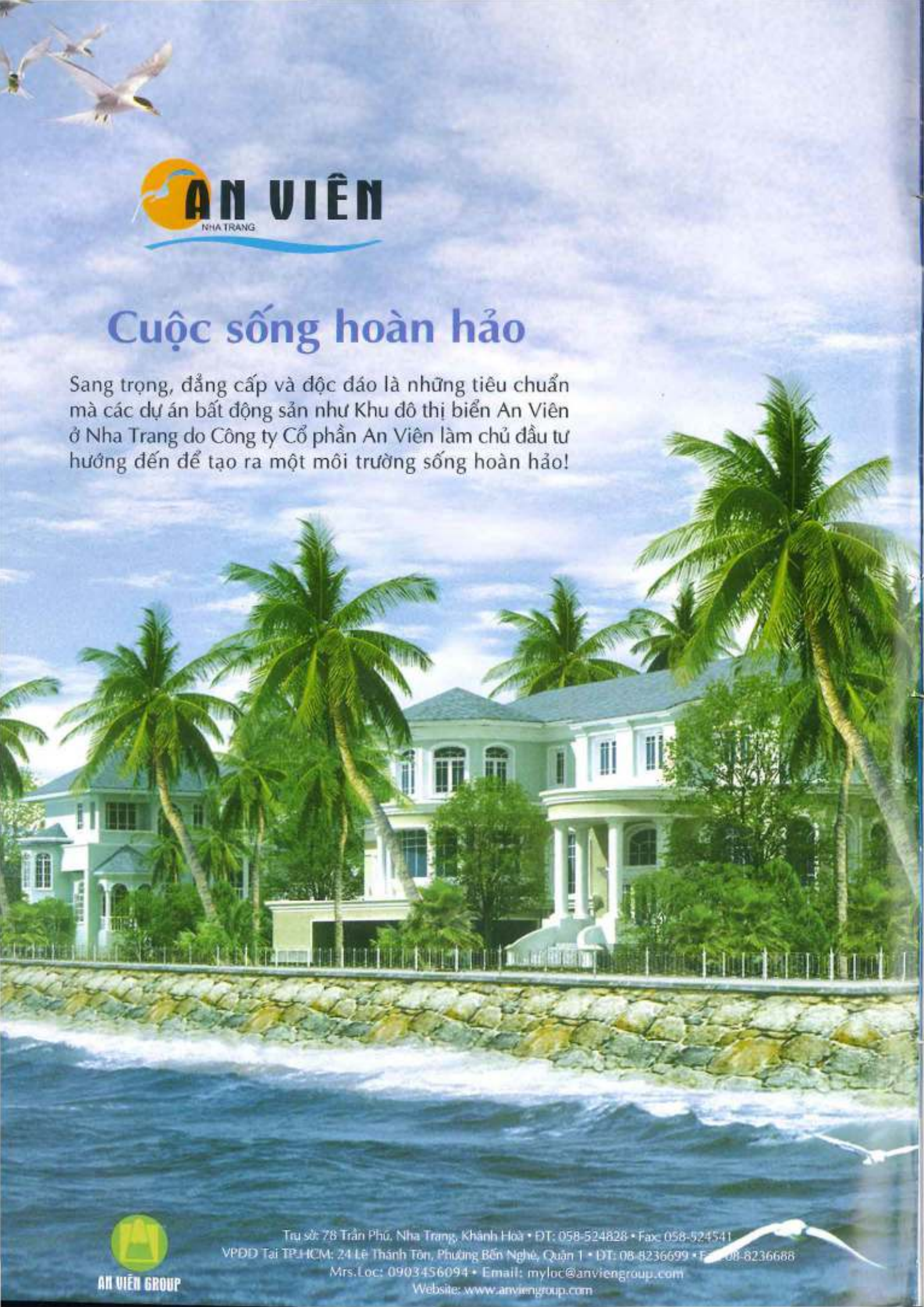
AN VIÊN
NHA TRANG
Cuộc sống hoàn hảo
Sang trọng, đẳng cấp và độc đáo là những tiêu chuẩn mà các dự án bất động sản như Khu đô thị biển An Viên ở Nha Trang do Công ty Cổ phần An Viên làm chủ đầu tư hướng đến để tạo ra một môi trường sống hoàn hảo!
AN VIÊN GROUP
Trụ sở: 78 Trần Phú, Nha Trang, Khánh Hoà • ĐT: 058-524828 • Fax: 058-524541
VPĐD Tại TP.HCM: 24 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1 • ĐT: 08-8236699 • F 08-8236688
Mrs.Loc: 0903456094 • Email: myloc@anviengroup.com
Website: www.anviengroup.com

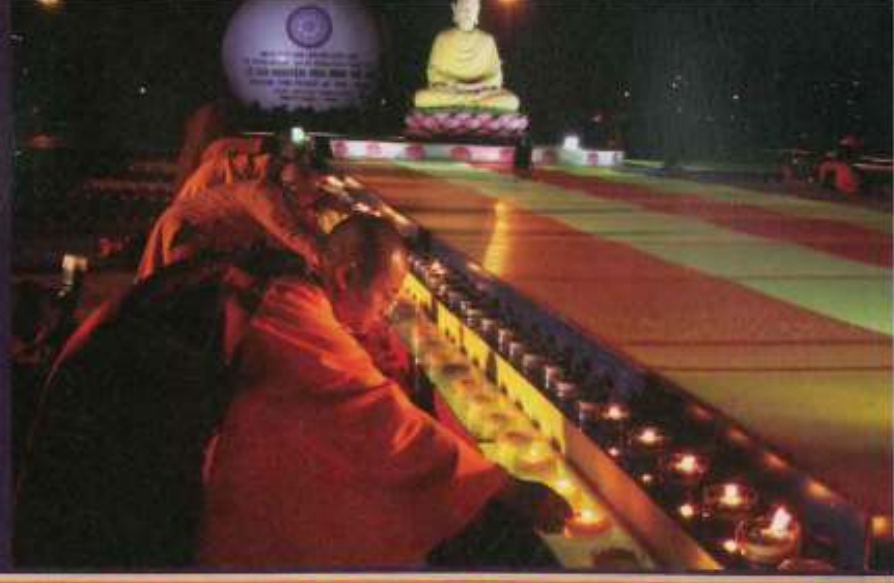

Tổng biên tập
Thượng toạ THÍCH THANH DUỆ

Phó tổng biên tập
Thượng toạ THÍCH THANH NHIỀU
Thượng toạ THÍCH GIA QUANG
Đại đức THÍCH ĐỨC THIỆN
Cư sĩ PHẠM NHẬT VŨ

Ban biên tập
NGUYỄN XUÂN HƯNG
TRẦN THUÝ NGA
TRẦN THỊ KIM CHI
HÀ VIỆT ANH

Trình bày
LÊ MẠNH THẮNG

Hội đồng cố vấn
Hoà thượng THÍCH PHỔ TUỆ
Hoà thượng THÍCH THANH TỨ
Giáo sư VŨ KHIÊU
Giáo sư HÀ VĂN TẤN
Giáo sư PHẠM MINH HẠC
Cư sĩ TRẦN KHÁNH DƯ
Ông BÙI HỮU DƯỢC

Toà soạn và trị sự
CHÙA QUÁN SỨ
Số 73 phố Quán Sứ, Hà Nội
Điện thoại: 04. 39423887
Email: phathocvietnam@gmail.com
Tài khoản: 10201000032825 - Sở Giao dịch I
Ngân hàng Công thương Việt nam

Đại diện phía Nam
CHÙA VĨNH NGHIÊM
Số 339, Nam Kỳ khởi nghĩa, P.7, Q.3, TP. HCM
Đại đức THÍCH THANH PHONG
Điện thoại: 08. 38 483 153
Email: vinhnghiemvn@yahoo.com

Giấy phép xuất bản
Số 01/GP-BVHTT ngày 02/01/2002

Chế bản và in tại
Công ty In và Văn hoá phẩm - Bộ VHTT

Giá: 20.000 Đồng

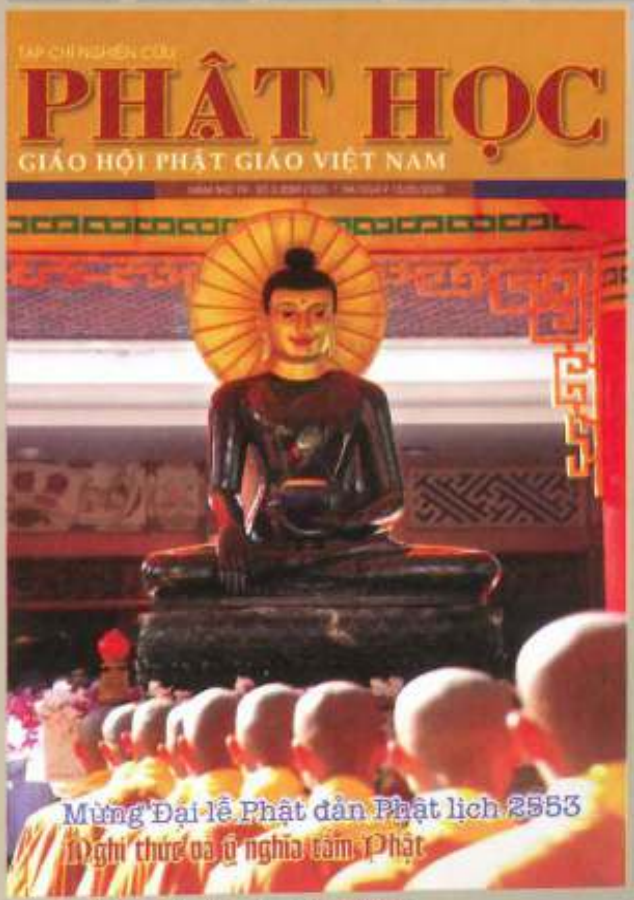

Tượng Phật Ngọc tại chùa Hoằng Pháp-TP. Hồ Chí Minh
Ảnh: Thích Giác Thông

TRONG SỐ NÀY

Thông điệp của HT Pháp chủ nhân Đại lễ Phật đản Phật lịch 2553 - 2009 4

Diễn văn của HT Chủ tịch HĐTS 5

Bài Phát biểu của Chủ tịch UBTWMTTQ Việt Nam Huỳnh Đảm 7

GIÁO LÝ

Bản nguyện của đức Phật A Di Đà 9

LỊCH SỬ - TƯ TƯỞNG

Sự xuất hiện kỳ diệu 12

Ngày Phật đản với ý nghĩa tắm Phật 16

Đại lễ Phật đản - đôi điều cần biết 19

Cảm niệm về ngày đại lễ Phật đản PL 2553 22

Thiền sư Huyền Quang và lễ hội Côn Sơn 25

Báo chí Phật giáo những năm 1932 - 1936 28

Ý KIẾN - TRAO ĐỔI

Tìm hiểu về thuyết vô thường, vô ngã trong giáo lý của Phật giáo 32

Người Phật tử tu điều gì ? 35

PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG

Hòa thượng đàm đạo với bác nông dân.....40

Hoạt động từ thiện xã hội - Nét đẹp văn hóa của đạo Phật.....45

Hoằng Pháp trong thời đại kỹ thuật số.....47

Hướng dẫn thực tập Thiền.....51

Lễ hội chùa Dâu.....55

PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Sống động lễ hội Phật đản tại các nước Châu Á.....58

TRA CỨU GIÚP BẠN.....61

PHÓNG SỰ ẢNH.....62

Phương danh cúng dàng.....64

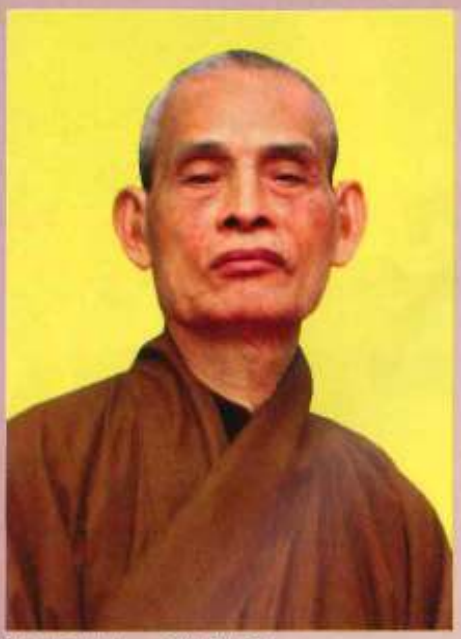

Pháp chủ, Hòa thượng Thích Phổ Tuệ.

Thông điệp Phật Đản PL. 2553 - 2009

của Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Hòa chung không khí đại hoan hỷ và hòa hợp của Tăng Ni, Phật tử trên khắp hành tinh, hôm nay các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cũng như mỗi cơ sở tự viện trong toàn quốc, Tăng Ni, Phật tử cả nước long trọng tổ chức Đại lễ Kỷ niệm ngày Đản sinh của Đức Từ Phụ giáo chủ Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật - Phật lịch 2553, dương lịch 2009. Thay mặt Ban Thường trực Hội đồng chứng minh và nhân danh cá nhân, tôi có lời cầu chúc đến chư tôn đức giáo phẩm, cùng toàn thể quý vị Đại đức, Tăng, Ni, cư sĩ Phật tử ở trong nước và ở nước ngoài thân tâm thường an lạc, Phật sự thành tựu.

Kỷ niệm ngày Đản sinh của Đức Bản Sư là sự kiện quan trọng của mỗi người Phật tử, đó cũng là cơ duyên để mỗi chúng ta khẳng định sự trong sáng của giáo lý Đức Phật và sự đóng góp của Phật giáo trong suốt chiều dài hơn 2.500 năm qua đối với nhân loại. Tư tưởng giáo lý về hòa bình, từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha và tự giác ngộ đối với chính bản thân mỗi người vẫn luôn là kim chỉ nam đối với người con Phật trên con đường tu tập và phụng sự đạo pháp, dân tộc, đó cũng là tư tưởng phù hợp với sự tiến bộ xã hội. Đây chính là cốt lõi mà chúng ta cần phải nhận thức đúng đắn và trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp thích hợp trong việc giải quyết những vấn đề của thời đại như nghèo đói, chiến tranh, xung đột tôn giáo, sắc tộc và công bằng xã hội.

Hai nghìn năm hiện diện, đồng hành với dân tộc và trở thành tôn giáo của dân tộc, Phật giáo Việt Nam phát huy những giá trị tích cực của giáo lý Đức Phật, góp phần tích cực đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Nhiều hoạt động Phật sự ích đạo lợi đời được các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và cá nhân mỗi Tăng Ni, Phật tử quan tâm chú trọng, triển khai toàn diện không chỉ ở trong nước mà còn đối với cộng đồng quốc tế và cộng đồng Phật tử Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài. Thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, tôi có lời tán thán công đức đến các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng như cá nhân mỗi chư tôn giáo phẩm và Tăng Ni, Phật tử đã không ngừng tinh tấn, phụng sự Đạo pháp và Dân tộc để Phật pháp được xương minh, thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc.

Nhân dịp ngày Đản sinh của Đức Bản Sư, tôi kêu gọi các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và mỗi Tăng Ni, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài, với vai trò trách nhiệm của mình, hoàn thành tốt mọi Phật sự để thiết thực chào mừng Đại lễ 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội và Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo Thế giới lần thứ VI được tổ chức tại Việt Nam vào trung tuần tháng 11 năm 2010.

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tác đại chứng minh.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC HĐ CHỨNG MINH GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

PHÁP CHỦ
Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

Diễn văn đại lễ Phật đản Phật lịch 2553

của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni,

Thưa toàn thể Phật tử,

2633 năm trước đây, vào tháng tư, mùa Hạ, ngày trăng tròn, Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni đản sanh tại vườn Lâm Tỳ Ni, cách kinh thành Ca Tỳ La Vệ 25 cây số về phía Đông của nước Ấn Độ cổ. Theo truyền thống, bấy giờ ánh sáng chan hòa khắp vũ trụ, mặt đất rung chuyển, nhạc trời lừng vang, hoa trời tuôn rải... báo hiệu sự xuất hiện của đấng Toàn giác, Toàn năng, cứu độ hết thảy chúng sanh trên đời. Như Khế Kinh đã đề cập: "Sự xuất hiện của một người, này các Tỳ kheo, là sự xuất hiện của mắt lớn, của đại quang, đại minh; là sự xuất hiện của thù thắng và sự chứng ngộ vô ngại giải, là sự chứng đạt các giới và các giới sai biệt, là sự chứng ngộ minh và giải thoát, là sự chứng ngộ quả Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, A-la-ha. Người ấy là ai? Chính là Như Lai A-la-ha".

Kỷ niệm ngày Khánh đản của Đức Bổn Sư, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam để lòng hướng về quá khứ, về vùng đất thiêng và tưởng như trong hiện tại, chúng ta đang tắm mình trong ánh vàng rực rỡ của kim thân Đức Phật. Lâm Tỳ Ni nay thuộc phía Nam Nepal, giáp giới Ấn Độ với những di tích linh thiêng, trụ đá của vua A Dục, đền thờ Thánh mẫu Ma Da, cây Bồ đề xanh tốt, ao thiêng mà Thánh Thái tử Tất Đạt Đa tắm mát lúc chào đời... Vùng đất thiêng liêng này, nơi Đức Phật đã sinh ra và đã một thời dừng chân thuyết pháp trên đường du hóa của Ngài, ngày nay đã trở thành Thánh địa Phật giáo, được UNESCO công nhận là di sản của thế giới, được bao quanh bởi rất nhiều chùa chiền, tự viện của Phật giáo nhiều nước, trong đó có Phật giáo Việt Nam. Ký ức, tưởng niệm của người con Phật không chỉ hạn hẹp trong không gian và thời gian mà là ký ức, tưởng niệm về một đại sự nhân duyên hy hữu luôn luôn tỏa sáng, hướng dẫn cho sự phát triển tâm linh, làm tăng trưởng quyết tâm tu tập, thực hành theo giáo pháp của Đức Từ Phụ. Ý nghĩa lớn lao nhất cho sự xuất hiện của Đấng Đại giải thoát là lòng Đại từ bi muốn cứu khổ hết thảy chúng sanh. Ngài dạy: "Ta thương các vị hơn cha mẹ thương con. Ta làm Phật ở thế gian này để đối trị với cái xấu ác, loại trừ cái khổ sanh tử, khiến mọi người được đầy phước đức, đạt đến sự an ổn vô vi".

Chính sách bảo vệ và phát huy tư tưởng, văn hóa truyền thống dân tộc của nhà nước ta đã tạo những thuận duyên lớn cho việc phát triển tôn giáo trên đất nước Việt Nam thân yêu này, đặc biệt là cho Phật giáo chúng ta. Trong hơn hai thập niên qua, sự vững mạnh và những thành tựu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã được thể hiện rõ rệt về tổ chức, nhân sự, về khả năng hoạt động Phật sự vì Đạo pháp và Dân tộc... Sự phát triển của Phật giáo Việt Nam, như từ suốt hơn 2.000 năm trước đây, luôn luôn song hành với sự phát triển của đất nước. Mặt khác, trong thời đại mới, những hiện tượng suy giảm đạo đức ở khắp nơi trên thế giới cũng như tại Việt Nam cũng là mối quan ngại lớn cho phương hướng phát triển chung. Tăng Ni và Phật tử chúng ta trước hết cần củng cố niềm tin Tam Bảo, biết sợ hãi và biết đối trị với những điều xấu ác, biết

hổ thẹn về những hành vi xấu ác của mình; từ đó kiên trì, nhẫn nại, tinh tấn trong việc phát triển trí tuệ, tâm linh. Trong Kinh Tăng Chi Bộ, Đức Phật dạy: "Này các Tỳ kheo, thành tựu 5 pháp này thì ngay trong hiện tại sống an lạc, không tổn não, không ưu não, không nhiệt não; và sau khi mạng chung, được chờ đợi là cõi lành. Thế nào là 5? Này các Tỳ kheo, đó là có lòng tin, có lòng hổ thẹn, có lòng sợ hãi, có tinh cần, tinh tấn và có trí tuệ". Lời dạy trên nhấn mạnh đến nỗ lực tự tu, nhưng mặt khác sự khuyến khích mọi người tự tu, tạo nên một xã hội hiền hòa, lành mạnh với những cái tâm trong sáng, hướng đến giải thoát mới là mục tiêu của Phật giáo: Tu tập Tam vô lậu học, vượt khỏi phiền trược, chấp trước, đạt đến trí tuệ toàn hảo. Đức Phật dạy tiếp: "Này các Tỳ kheo, tự mình đầy đủ giới hạnh và khuyến khích người khác đầy đủ giới hạnh; tự mình đầy đủ thiền định và khuyến khích người khác đầy đủ thiền định; tự mình đầy đủ trí tuệ và khuyến khích người khác đầy đủ trí tuệ; tự mình đầy đủ giải thoát và khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát; tự mình đầy đủ giải thoát tri kiến và khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát tri kiến. Và các Tỳ kheo nếu thành tựu 5 pháp này thì đem lại hạnh phúc cho mình và cho người".

Hiện nay, như đã nói, 28 năm qua từ khi được thành lập, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã vượt qua những khó khăn, để đạt được những thành tựu khả quan, chứng tỏ uy tín, năng lực của mình đối với quần chúng nhân dân trong và ngoài nước. Nhưng uy tín, năng lực lớn lao nhất thì thuộc về đạo hạnh tu hành của Tăng Ni, Phật tử chúng ta; điều này thì khó thể hiện, khó được đo lường, lại là cái cốt lõi của mạng mạch Phật giáo. Chúng ta chỉ biết nhắc nhở nhau giữ trọn cốt cách của người tu Phật, giữ trọn tâm minh cho thanh tịnh, làm việc Đạo, việc Đời mà không quên tu tâm, dưỡng tánh; nói pháp cho người làm, nhưng chính mình không quên hành trì theo pháp cho chính mình. Tôi cũng xin kêu gọi các vị Bổn sư, các vị Thân giáo, các Giảng sư, ngành Hoằng pháp, ngành Giáo dục Phật giáo nỗ lực lưu tâm trong việc đào luyện đội ngũ Tăng Ni trẻ mà tương lai sẽ là "những vị Như Lai sứ hành Như Lai sự", làm gương cho quần chúng Phật tử. Phật giáo phát triển như thế nào là tùy thuộc chủ yếu vào những người tu tập và thực hiện Phật sự. Khó khăn không phải chỉ đến từ ngoại cảnh mà thường phát sinh tự chính trong tâm chúng ta. Hãy cố giữ lấy tâm mình và lòng tin Tam Bảo để nỗ lực vượt khó, đem công sức thành tựu các Phật sự lợi Đạo ích Đời và tinh tiến trong tu tập. Thực hiện như thế, tôi tin rằng chúng ta sẽ cảm nhận được một sức mạnh mới trong tự thân mỗi người, và tôi nghĩ rằng đây chính là năng lực gia trì thiêng liêng mà Đức Phật đã hộ trì cho chúng ta.

Nhân kỷ niệm ngày Đản Sanh của Đức Phật PL.2553, tôi chân thành cầu chúc chư Tôn giáo phẩm, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni và toàn thể quý Phật tử trong và ngoài nước được an khang, Phật sự viên thành. Mong sao hết thảy chúng sanh được tắm gội trong năng lượng từ bi, ánh sáng trí tuệ của Đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni và tất cả đều được bình an, hạnh phúc.

Nam mô Bổn Sư Thích - ca Mâu - ni Phật.

Bàu Sen - Phan Thiết - Bình Thuận.
Ảnh: Lê Mạnh Thắng

Bài phát biểu của Chủ tịch UBTW MTTQ Việt Nam Huỳnh Đảm

tại Đại lễ Phật đản năm 2009 - PL.2553

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và MTTQ Việt Nam!

Kính thưa chư tôn đức giáo phẩm Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam!

Kính thưa chư vị Hoà thượng, Thượng toạ, Ni trưởng, Ni sư cùng quý vị Tăng ni và đồng bào Phật tử Phật giáo Việt Nam ở trong và ngoài nước !

Kính thưa quý vị đại biểu!

Lễ Phật đản năm nay được tổ chức trong không khí tưng bừng, phấn khởi của nhân dân cả nước vừa kỷ niệm 34 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; 55 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và tiến tới kỷ niệm 119 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại; đồng bào Phật giáo cả nước vui mừng phấn khởi trước thành công rực rỡ của Đại lễ Phật đản Liên Hợp quốc năm 2008 và Đại lễ tưởng niệm 700 năm ngày Đức Vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông nhập Niết bàn...

Trong niềm vui mừng phấn khởi, trong không khí trang nghiêm, đoàn kết của Đại lễ Phật đản long trọng này, thay mặt Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tôi xin gửi đến chư vị tôn đức giáo phẩm, quý vị Hoà thượng, Thượng toạ, Ni trưởng, Ni sư, các vị khách quý, cùng toàn thể đồng bào Phật giáo Việt Nam lời chúc mừng Phật đản đại hoan hỷ và thường tinh tiến, an lạc.

Kính mừng Phật đản hôm nay là dịp để ôn lại lịch sử hai nghìn năm của Phật giáo Việt Nam chúng ta vui mừng nhận thấy rằng: Đoàn kết hoà hợp, đồng hành cùng dân tộc luôn là kim chỉ nam cho mọi hoạt động Phật sự của Tăng ni, Phật tử; là nền móng vững chắc để xây dựng ngôi nhà chung Phật giáo Việt Nam đáp ứng với yêu cầu sự nghiệp chung của đất nước. Các bậc cao tăng thạc đức và những người con Phật chân chính luôn lấy việc tinh tiến tu hành, phục vụ chúng sinh, phụng sự Tổ quốc, bảo vệ hoà bình làm mục tiêu hướng tới. Qua đó làm cho đạo đời hoà hợp, nhân duyên thuận lý, góp phần xây dựng cuộc sống an lạc và hạnh phúc trong nhân gian.

Kỷ niệm đại lễ Phật đản hàng năm cũng là dịp để tôn vinh các giá trị giáo huấn nhân bản của đức Phật: Từ bi và trí tuệ; khoan dung và hoà hợp; tôn trọng bảo vệ con người, sự sống và môi trường sinh thái; không ngừng tiến bộ và giải thoát; thực hiện dân chủ và công bằng xã hội; chống bạo lực, tội ác, chiến tranh, khủng bố và các tệ nạn xã hội...; xây dựng con người và cộng đồng xã hội an lạc, phát triển hài hoà bền vững trong hoà bình hữu nghị và hợp tác thân thiện...

Kính thưa quý vị đại biểu!

Qua nghe Thông điệp Phật đản của Đức Pháp chủ và Diễn văn Phật đản của Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi rất vui mừng trước những thành tựu Phật sự quan trọng của Giáo hội trong thời gian qua trên các lĩnh vực: Kiện toàn các ban, ngành, viện trung ương và triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hoạt động Phật sự của Giáo hội tại các địa phương; tăng cường công tác hoằng pháp, mở rộng đối ngoại nhân dân và có nhiều hoạt động thiết thực để đoàn kết, tập hợp đồng bào Phật tử Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài. Từ khi thành lập đến nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn phát huy truyền thống gắn bó đồng hành cùng dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo

vệ Tổ quốc; đồng thời tỏ rõ chính kiến đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc, chống phá khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch; vun đắp cho khối đoàn kết đạo - đời ngày càng đơm hoa, kết trái.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã động viên Tăng ni, Phật tử cả nước thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hăng hái tham gia các phong trào thi đua yêu nước, sống "tốt đời, đẹp đạo", đặc biệt là tham gia 2 cuộc vận động lớn "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư", cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" do Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động và các phong trào "Xây dựng chùa cảnh tinh tiến", "Chùa cảnh văn hoá"; hoạt động từ thiện xã hội của Giáo hội trong năm qua đạt được gần 200 tỷ đồng, góp phần cùng Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đẩy mạnh sự nghiệp xoá đói, giảm nghèo; đền ơn đáp nghĩa; chăm lo đời sống nhân dân ngày càng no ấm, hạnh phúc.

Những thành tựu Phật sự và thế sự trong 28 năm qua đã minh chứng sâu sắc cho sự nghiệp "Hộ quốc an dân" và sự nghiệp thống nhất Phật giáo trong cả nước, làm cơ sở vững chắc để Giáo hội tiếp tục đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên con đường "Hoằng dương chính pháp, lợi lạc quần sinh" của mình. Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệt liệt hoan nghênh và đánh giá cao những thành quả hoạt động "phụng đạo yêu nước" của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong những năm qua. Thực tiễn sinh động đó khẳng định chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về đại đoàn kết toàn dân tộc, tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân, luôn tạo điều kiện để các tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng hoạt động theo đường hướng "tốt đời đẹp đạo".

Kính thưa quý vị tôn đức và các vị đại biểu!

Năm 2009, đất nước ta tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế; bên cạnh những thời cơ thuận lợi còn có không ít khó khăn thách thức; các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách chống phá khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trước bối cảnh đó, đòi hỏi Phật giáo Việt Nam luôn thống nhất về tổ chức và lãnh đạo, mục tiêu và hành động, tăng cường đoàn kết hoà hợp, củng cố, mở rộng và trang nghiêm Giáo hội; thắt chặt mối quan hệ gắn bó giữa các thành viên, các hệ phái; mở rộng và tăng cường mối quan hệ đồng đạo; phát huy hơn nữa các giá trị văn hoá tốt đẹp của Phật giáo Việt Nam, kết hợp văn hoá Phật giáo với bản sắc văn hoá của các dân tộc anh em trong đại gia đình Việt Nam. Chủ động phòng ngừa, khắc phục các hiện tượng, trào lưu văn hoá phi nhân bản đã và đang xâm hại đến các giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc ta; khắc phục tình trạng mê tín hủ tục và lợi dụng Phật giáo vì những động cơ không lành mạnh, đưa Phật giáo Việt Nam tiếp tục phát triển trong thời kỳ mới, vừa hoằng dương chính pháp vừa khế hợp Phật giáo với thời đại để "Hộ quốc an dân"; góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá Việt Nam; mở mang các giá trị và văn hoá Việt Nam với bạn bè quốc tế; tham gia giữ vững chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời tăng cường tình đoàn kết hữu nghị và sự hợp tác thân thiện giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới; từng bước đưa Phật giáo Việt Nam vươn lên thành một trong những trung tâm lớn của Phật giáo quốc tế. Trước mắt, Chủ động phối hợp tổ chức tốt Đại hội Ni giới Thế giới lần thứ 11 vào cuối năm 2009 và Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo thế giới lần thứ 6 vào năm 2010.

Kính thưa chư tôn đức giáo phẩm và các vị khách quý,

Trong tiến trình lịch sử, Phật giáo luôn gắn bó, đồng hành cùng dân tộc và có những đóng góp xứng đáng vào quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chúng tôi tin tưởng rằng, trong thời gian tới, Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn phát huy tốt vai trò là một tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, không ngừng tuyên truyền, vận động Tăng ni, Phật tử cả nước thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, nhất là cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" và cuộc vận động "Ngày vì người nghèo"; lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VII vào cuối năm 2009; góp phần xây dựng ngôi nhà chung đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng vững mạnh. Đó cũng chính là thực hiện giáo lý của Đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni "Phật pháp không tách rời các pháp thế gian" và truyền thống "nhập thế" của Phật giáo Việt Nam theo phương châm "Đạo pháp - Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội", vì "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Một lần nữa xin kính chúc chư tôn đức giáo phẩm, các vị đại biểu khách quý, cùng toàn thể tăng ni, phật tử Phật giáo Việt Nam luôn mạnh khoẻ, hạnh phúc và thành tựu viên mãn trong mọi công việc Phật sự, thế sự.

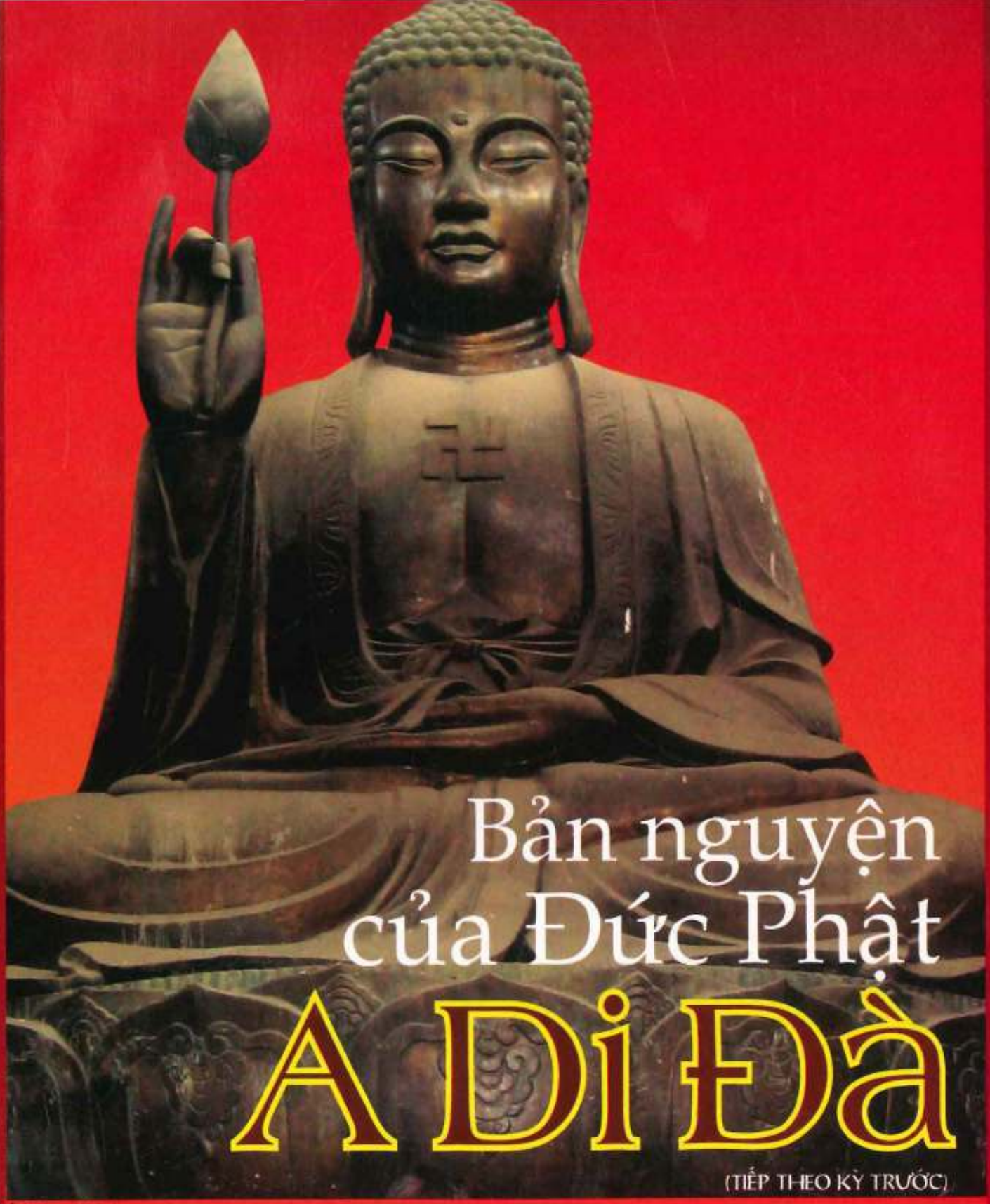

Bản nguyện của Đức Phật A Di Đà

(TIẾP THEO KỲ TRƯỚC)

Ảnh: Phùng Anh Tuấn

Tỷ khiêu THÍCH TIỄN ĐẠT

Từ biểu đồ trên ta thấy 2 bản dịch đời Nguỵ, đời Đường đều có 48 nguyện, cả 2 bản dịch này về số nguyện và nội dung của các nguyện là tương đồng, có thể bao quát nội dung, chủ yếu của 5 bản dịch đời Hán, Ngô, Tống. Còn 2 bản dịch đời Ngô và đời Tống về nguyện mục và nội dung nguyện văn tương đối trùng hợp, song có một vài nội dung khác hẳn với nội dung 48 nguyện của hai bản Nguỵ, Đường. Để giúp cho độc giả đối với nguyện của Đức Phật A Di Đà có cái nghĩa minh khác, nay đem ba

bản dịch đời Hán, Ngô, Tống để đối chiếu bổ sung.

1. Hán dịch - Nguyện thứ 23: *"Khi tôi thành Phật các Bồ tát trong nước tôi khi muốn ăn thì trong bát bảy báu tự nhiên sinh ra trăm món cơm canh mỹ diệu. Khi ăn xong lại tự nhiên biến mất. Nếu không như vậy thì tôi không thành Phật"* (Bát phạn tự chi nguyện)

2. Ngô dịch - Nguyện thứ 23: *"Khi tôi thành Phật, trong nước tôi không có phụ nữ. Người nữ muốn sinh sang nước tôi liền thành nam tử. Có vô lượng vô số trời người cùng các loài bò bay máy cựa động, sinh sang nước tôi đều được hoá sinh, trưởng thành trong hoa sen nơi ao bảy báu* (tu tập) *trở thành Bồ Tát, La Hán, số nhiều chẳng tính đếm. Được như nguyện mới thành Phật, nếu chẳng như nguyện thề không thành Phật".*

Nguyện này bao hàm các nguyện (1) Quốc vô nữ nhân; (2) Nữ chuyển nam thân; (3) Liên hoa hóa sinh; (4) Thiên nhân quyên phi đắc sinh giai tác Bồ Tát La Hán; (5) Bồ Tát La Hán vô lượng.

3. Ngô dịch - Nguyện thứ 17: *"Giả sử khi tôi thành Phật, tôi có khả năng nhìn thấu, nghe khắp, bay đi gấp bội mười phần chư Phật. Được như nguyện mới thành Phật, nếu chẳng như nguyện thề không thành Phật"* (Thiên nhân, thiên nhĩ, thần túc thắng bội chư Phật nguyện.)

4. Ngô dịch - Nguyện thứ 18: *"Giả sử khi tôi thành Phật, tôi có trí tuệ, thuyết pháp hành đạo gấp bội 10 phần chư Phật, được như nguyện mới thành Phật, nếu chẳng như nguyện thề không thành Phật"*

5. Tống dịch - Nguyện thứ 9: *"Khi tôi chứng đắc Bồ đề thành bậc Chính Giác, phàm có chúng sinh nào sinh sang nước tôi, tuy ở địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, trải qua trăm nghìn Câu Chi Na Do Tha cõi nước chư Phật làm các Phật sự ắt thành tựu Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác"* (Nguyện này tương ứng với nguyện nhất sinh Bổ xứ của Nguy dịch)

6. Tống dịch - Nguyện thứ 20: *"Khi tôi chứng Bồ Đề thành bậc Chính Giác, trong cõi nước tôi phàm có các Bồ Tát phát Đại Đạo Tâm muốn dùng chân châu, anh lạc, bảo cái, tràng phan, y phục, ngoạ cụ, đồ ăn, thuốc thang, hương hoa, âm nhạc đem đi cúng dàng vô lượng vô biên chư Phật Thế Tôn ở các thế giới khác, mà không thể đến được, khi ấy tôi dùng sức Túc nguyện khiến chư Phật khắp các thế giới đều được đưa cánh tay tới trong nước tôi tiếp nhận sự cúng dàng, khiến cho các vị Bồ Tát ấy nhanh chóng thành tựu Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác".*

7. Tống dịch - Nguyện thứ 21: *"Khi tôi chứng Bồ Đề thành bậc Chính Giác, trong cõi nước tôi phàm có các vị Bồ Tát tuỳ theo ý thích của mình không muốn rời khỏi thế giới Cực Lạc mà dùng chân châu, anh lạc, bảo cái, tràng phan, y phục, ngoạ cụ, ẩm thực, thuốc thang, hương hoa, âm nhạc cúng dàng vô lượng chư Phật ở thế giới khác, lại suy nghĩ rằng: Nếu Phật phải đưa tay đến đây để nhận sự cúng dàng thì phiền cho chư Phật, chúng ta thật là có lỗi. Khi suy nghĩ như thế, Ta liền dùng thần lực khiến cho các vật phẩm cúng dàng đó đến ngay trước mắt chư Phật mười phương, mỗi mỗi cúng dàng, khi ấy các vị Bồ Tát đó không bao lâu ắt thành Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác".*

8. Tống dịch - Nguyện thứ 30: *"Khi tôi chứng Bồ Đề thành bậc Chính Giác; Nếu có chúng sinh nào phát tâm Tịnh tín, vì các vị Sa Môn, Bà La Môn, nhuộm y, giặt y, may vá y, làm các y phục của chư Tăng, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người làm, làm rồi đem hồi hướng, người đó chiêu cảm được 81 đời được y phục tối thượng, các vật dụng tuỳ thân đều được đầy đủ, đến đời cuối cùng, sinh sang nước tôi thành tựu Vô Thượng Chính Đẳng Giác".*

9. Tống dịch - Nguyện thứ 25: *"Khi tôi chứng Bồ Đề thành bậc Chính Giác, phàm có vị Bồ Tát nào ở trong cõi nước tôi, hoặc muốn thuyết pháp, hoặc muốn nghe pháp, hoặc hiện thần túc, hoặc đến nước khác tuỳ ý tu tập đều được viên mãn, đều chứng được quả vị vô thượng Chính Đẳng Chính Giác".*

Ở trên, đã nêu nội dung của chín nguyện trong ba bản dịch đời Hán, Ngô, Tống; Về nguyện mục dường như khó tìm thấy sự tương ứng với các nguyện mục trong bản dịch đời Ngụy, nhưng xét về ý nghĩa nội dung 48 nguyện của hai bản dịch đời Ngụy Đường ở đây ta có thể thấy Hán dịch - Nguyện thứ 23 *(Bát phạn tự chí nguyện)* có thể nhiếp vào Ngụy dịch - Nguyện thứ 24 *(Cúng cụ tuỳ ý nguyện)*; Ngô dịch - Nguyện thứ 2 *(Quốc vô phụ nữ nguyện)* có thể nhiếp vào Ngụy dịch - Nguyện thứ 35 *(Thoát ly nữ thân nguyện)*; Ngô dịch - Nguyện thứ 17, 18 *(Thần thông, trí tuệ thắng vu chư Phật nguyện)* có thể nhiếp vào Ngụy dịch - Nguyện thứ 12 *(Quang minh vô lượng nguyện)*. Tống dịch Nguyện thứ 9 *(Trụ Thanh Văn vị biến tác Phật sự nguyện)* có thể nhiếp vào Ngụy dịch - Nguyện thứ 22 *(Nhất sinh Bổ xứ nguyện)*; Tống dịch - Nguyện thứ 20 và 21 *(Tha Phật thư tý thụ cúng nguyện)* có thể nhiếp vào Ngụy dịch - Nguyện thứ 23 *(Cúng dàng chư Phật nguyện)*; Tống dịch - Nguyện thứ 30 *(Tịnh tín tác phúc tối hậu vãng sinh nguyện)* có thể nhiếp vào Ngụy dịch - Nguyện thứ 22 *(Nhất sinh Bổ xứ nguyện)*.

Qua đó, có thể thấy: Ba bản dịch đời Hán, Ngô, Tống nội dung các nguyện, văn không vượt ra khỏi nội dung các nguyện văn 48 của bản dịch đời Ngụy. Đời Đường, chỉ là cách sắp xếp, trình bày hoặc chi tiết có đôi chút khác biệt. Do đó có thể kết luận: Bản dịch đời Ngụy với 48 nguyện là bản dịch tiêu chuẩn với đầy đủ nội dung các nguyện chuẩn mực, chương cú miên mật, nghĩa lý thâm thuý, kết cấu nghiêm cẩn, chặt chẽ tạo thành một thể thống nhất. Đem nội dung nguyện văn của 5 bản dịch so sánh đối chiếu dung hợp thành một thể thống nhất càng thấy nội dung dịch bản đời Ngụy là chính xác và đầy đủ nhất.

II. PHÂN LOẠI KẾT CẤU CỦA 48 ĐẠI NGUYỆN

Đem 48 đại nguyện của Đức Phật Di Đà nói trong Kinh Vô Lượng Thọ, bản dịch thời Ngụy ra phân loại

kết cấu, và nếu căn cứ vào bản chú giải kinh này của Đại sư Tuệ Viễn - Sơ Tổ của Tông Tịnh Độ, thì có thể phân thành ba nhóm lớn (1) Nhiếp Pháp Thân nguyện, (2) Nhiếp Tịnh Độ nguyện, (3) Nhiếp chúng sinh nguyện. Cách phân loại này mạch lạc rõ ràng, do vậy căn cứ vào đó ta có biểu đồ sau:

(1) Nhiếp Pháp Thân nguyện (Có 3 nguyện)
- Nguyện 12: Quang minh vô lượng
- Nguyện 13: Thọ mệnh vô lượng
- Nguyện 17: Chư Phật xưng tán

(2) Nhiếp Tịnh Độ nguyện (Có 5 nguyện)
- Nguyện 27: Nhất thiết nghiêm tịnh
- Nguyện 28: Đạo thụ cao hiển
- Nguyện 31: Chiếu kiến thập phương
- Nguyện 32: Bảo hương diệu nghiêm
- Nguyện 40: Thụ trung hiển sái

Riêng Nhiếp chúng sinh nguyện thì tương đối phức tạp, nên có thể phân thành 4 loại; Nhiếp Tịnh Độ thiên nhân nguyện; Nhiếp Tịnh Độ Thánh Chúng nguyện; Nhiếp tha phương chúng sinh nguyện; Nhiếp tha phương Bổ Tát nguyện, theo biểu đồ sau:

(3). Nhiếp chúng sinh nguyện

3.1 Nhiếp Tịnh độ Nhân nguyện (Có 16 nguyện)

↓

- Nguyện 1: Quốc độ vô ác
- Nguyện 2: Bất cánh ác đạo
- Nguyện 3: Thân chân kim sắc
- Nguyện 4: Hình sắc tương đồng
- Nguyện 5: Túc mệnh trí thông
- Nguyện 6: Thiên nhãn phả kiến
- Nguyện 8: Tha tâm tất tri
- Nguyện 9: Thần túc vô ngại
- Nguyện 10: Bất tham kế thân
- Nguyện 11: Trụ định chứng diệt
- Nguyện 15: Tuỳ nguyện tu đoản
- Nguyện 16: Bất văn ác danh
- Nguyện 21: Tam thập nhị tướng
- Nguyện 38: Y phục tuỳ niệm
- Nguyện 39: Lạc như lậu tận

3.2 Nhiếp Tịnh Độ Thánh chúng (Có 8 nguyện)
- Nguyện 14: Thanh Văn vô số
- Nguyện 21: Nhất sinh Bổ xứ
- Nguyện 23: Cúng dàng chư Phật
- Nguyện 24: Cúng cụ tuỳ ý
- Nguyện 25: Diễn thuyết diệu trí
- Nguyện 26: Na La diên thân
- Nguyện 29: Tụng rành các kệ
- Nguyện 30: Tuệ biện vô hạn

3. 3 Nhiếp tha phương chúng sinh nguyện (Có 6 nguyện)
- Nguyện 18: Thập niệm tất sinh
- Nguyện 19: Lâm chung tiếp dẫn
- Nguyện 20: Dục sinh quả toại
- Nguyện 33: Mông quang nhu nhuyễn
- Nguyện 35: Thoát ly nữ thân
- Nguyện 41: Chư căn vô khuyết

3.4 Nhiếp tha phương nguyện (Có 10 nguyện)
- Nguyện 34: Văn danh đắc nhẫn
- Nguyện 36: Thường tu phạm hạnh
- Nguyện 37: Thiên nhân chi kính
- Nguyện 42: Thanh tịnh giải thoát
- Nguyện 43: Văn danh đắc phúc
- Bổ tát Nguyện 44: Tu hành cụ đức
- Nguyện 45: Phả đẳng Tam muội
- Nguyện 46: Tuỳ nguyện văn pháp
- Nguyện 47: Văn danh bất thoái
- Nguyện 48: Đắc tam pháp nhẫn

Thông qua phân loại kết cấu 48 đại nguyện của Đức Phật A Di Đà chúng ta có thể đi đến một số nhận định sau:

Một là: Đức Phật A Di Đà với những đại nguyện thu nhiếp vào *"Nhiếp Pháp thân nguyện"* có số lượng ít nhất, vì mục đích của Ngài hoàn toàn ở chỗ dùng nó làm phương tiện cứu độ chúng sinh. Dùng trí tuệ làm Phật sự *"Quang minh vô lượng nguyện"* ở đời lâu dài, thường hằng độ chúng sinh *"Thọ mệnh vô lượng"* khiến cho mười phương chư Phật xưng dương tán thán công đức của mình nhằm đề cao *"Nghe danh hiệu liền được giải thoát"* làm cho chúng sinh mười phương biết được có đức Phật A Di Đà và thế giới Cực lạc mà phát câu Niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ.

Hai là: Với *"Nhiếp Tịnh Độ nguyện"* của Đức Phật A Di Đà; Đây chỉ vì chúng sinh trong mười phương thế giới mà xây dựng một đạo tràng tu học, lý tưởng trang nghiêm thù thắng, khiến cho chúng sinh đến được đạo tràng này *(Thế giới Cực Lạc)* sống trong một môi trường sạch sẽ đẹp đẽ trang nghiêm, mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương, tiếp xúc với ánh sáng trí tuệ mà tuỳ ý đoạn hoặc chứng chân, nhanh chóng thành tựu quả vị Phật. Thế giới Tây phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà quả là một đạo tràng lý tưởng bậc nhất trong tất cả mười phương chư Phật.

Ba là: *"Nhiếp chúng sinh nguyện"* đây mới thực là đại nguyện trọng tâm của Đức Phật A Di Đà. Trong đó *"Nhiếp Tịnh Độ chúng sinh nguyện"* lại phân thành *"Nhiếp Tịnh Độ Thiên Nhân nguyện"* và *"Nhiếp Tịnh Độ Thánh chúng nguyện"*. Trong nhiếp Tịnh Độ Thiên Nhân nguyện thì thấy nguyện thứ 10 *"Trụ Định Chứng Diệt nguyện"* làm trọng tâm, nhờ nguyện lực của Đức Phật A Di Đà gia trì, ba nghiệp thân khẩu ý vãng sinh Tịnh Độ, khiến cho từ nơi quả Giác mà khởi tu, nhanh

chóng thành tựu Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác (Phật quả). Trong nhiếp Tịnh độ Thánh chúng nguyện, bao quát Thánh chúng trong mười phương quốc độ vãng sinh Tịnh độ và Thánh Chúng ở ngay cõi Tịnh độ đang tiến tu đạo nghiệp, đều được Đức Phật A Di Đà dùng nguyện lực gia trì, khiến cho họ kiêm tu Phúc - Tuệ, viên thành Phật quả. Nguyện lực của Đức Phật A Di Đà gia trì một cách bình đẳng, mà Tịnh độ, phàm Thánh công đức diệu dụng lại có sự sai khác, điều đó chứng tỏ "Viên dung không ngại sai biệt; Sai biệt không ngại viên dung". Tự lực công đức, nhân quả không sai.

Bốn là: *"Nhiếp tha quốc chúng sinh nguyện"* lấy nguyện thứ 18 *"Thập niệm tất sinh nguyện"* làm trọng tâm. Điểm trọng yếu ở đây là dùng nguyện lực nhiếp thọ chúng sinh phàm phu *"Đới nghiệp vãng sinh"* hoành siêu ba cõi, một đời viên thành Phật đạo. Để bổ trợ cho *"Thập niệm tất sinh nguyện"* thành tựu, Đức Phật A Di Đà còn dùng *"Lâm dung tiếp dẫn nguyện"* nhằm cung cấp cho chúng sinh phàm phu vãng sinh thêm một phần chắc chắn nữa. Nhiếp tha quốc chúng sinh nguyện gồm có 6 nguyện, thể hiện một cách đầy đủ trọn vẹn, bi tâm tột cùng của Đức Phật A Di Đà *"Nhiếp tha quốc Bồ Tát nguyện"* lấy nguyện 42 *"Thanh tịnh giải thoát nguyện"* làm trọng tâm, lấy *"Văn danh bất thoái và hiện chứng Tam muội"* làm tông chỉ quy thú. Điều này chứng minh nguyện môn của Đức Phật A Di Đà là hết sức rộng lớn, pháp môn thù thắng, lợi ích cùng khắp cả ba hạng căn cơ *(Thượng căn, trung căn, hạ căn)* thu nhiếp hết thảy phàm, Thánh. Sự gia trì của Phật A Di Đà với chư Bồ Tát là hết sức thiết yếu và to lớn, cũng thuộc về chẳng thể nghĩ bàn, cũng biểu thị nhận địa bản nguyện của Phật A Di Đà là *"Muốn cho hết thảy Thánh, phàm đều nhanh chóng thành tựu quả vị Phật - Vô Thượng Chính Đẳng Giác"*. Cho nên chư đại Bồ Tát trong mười phương thế giới đều phát nguyện vãng sinh Tây phương Tịnh Độ để được cung kính lễ bái cúng dàng Đức Phật A Di Đà, được Đức Phật A Di Đà thụ ký.

Năm là: Tỷ lệ phân bố 48 nguyện là phù hợp với hoàn cảnh của chúng sinh ở thế giới Sa Bà, có thể nói thích hợp căn cơ mà thuyết *(đối cơ nhị thuyết)* khác hợp tự nhiên. 48 đại nguyện hiển bằng đầy đủ Bi - Trí của Đức Phật Di Đà trải qua 5 đại kiếp lựa chọn, tiếp nhận và tư duy, lại trải qua vô lượng kiếp tu hành chứa công góp đức mới thành tựu đại nguyện, quả là công lao thật không uổng phí. Trong 48 đại nguyện đó ẩn chứa tinh tuý mầu nhiệm vô cùng của pháp môn Tịnh độ, muốn thấu hiểu điều này cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng 48 đại nguyện của Ngài, rồi như pháp tu hành mới có thể thành tựu.

(Còn nữa)

Thắp nến trước tượng Đức Phật trong lễ cầu nguyện vì hòa bình tại lễ Phật đản LHQ 2008
Ảnh: Hứa Bình

Theo kinh tạng Nam truyền Phật giáo, sự kiện Đản sinh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được ghi chép khá đầy đủ, trung thực, sát với thực tế lịch sử. Nhân kỷ niệm Đại lễ Phật Đản PL 2553 (2009), xin giới thiệu cùng quí độc giả tư liệu về sự kiện Đản sinh của Đức Phật theo quan điểm của Phật giáo Nam truyền.

Sự xuất hiện kỳ diệu

● Lăng nghiêm THÍCH TIẾN ĐẠT

I. THỈNH BỒ TÁT GIÁNG THẾ

Tiền kiếp của Đức Phật Gotama đã tu hành đầy đủ các pháp hạnh Ba La Mật trong suốt ba A tăng kỳ kiếp và được 24 Đức Phật Chính đẳng giác thụ ký. Đến kiếp cuối cùng Đức Bồ tát tái sinh làm vị Thiện Nam có tên là Sotaketu *(Hộ Minh)* ở cõi trời Đâu Suất Đà Thiên, hưởng sự an lạc trong các cõi trời ấy.

Bấy giờ Tứ đại thiên vương, cùng chư thiên các cõi trời Dục giới, chư Phạm thiên các cõi trời Sắc giới, đồng tụ hội đến hầu Đức Bồ tát Hộ Minh chắp tay bạch rằng: "Kính bạch Đức Bồ tát, Ngài đã tạo đầy đủ, trọn vẹn pháp hạnh Ba La Mật xong rồi, các pháp hạnh hỗ trợ Ngài chứng đắc thành Phật Chính đẳng giác, để thuyết pháp độ sinh giải thoát khỏi sinh tử luân hồi trong ba cõi bốn loài. Kính bạch Ngài, bây giờ đúng là lúc, đúng thời kỳ, để Ngài trở thành Đức Phật Chính Đẳng Giác.

Kính bạch Đức Bồ tát! Tất cả chúng con thành kính thỉnh Ngài tái sinh làm người, để trở thành một Đức Phật Chính Đẳng Giác, để thuyết pháp tế độ chúng sinh, giải thoát khỏi khổ sinh tử luân hồi trong ba cõi bốn loài."

Lắng nghe lời thỉnh cầu của chư Thiên, Đức Bồ tát Hộ Minh chưa nhận lời ngay, mà ngài quán xét trong thời quá khứ xem chư Bồ Tát đã tái sinh như thế nào để trở thành Đức Phật Chính Đẳng Giác. Ngài

Ảnh: Hà Anh

thấy: Theo Thường pháp, chư Bồ tát kiếp chót tái sinh xuống làm người, đều quán xét đầy đủ 5 điều kiện như sau: 1. Quán xét thời kỳ tuổi thọ con người; 2. Quán xét châu đến tái sinh; 3. Quán xét xứ sở đến tái sinh; 4. Quán xét dòng họ nơi tái sinh; 5. Quán xét tuổi thọ của thân mẫu để đầu thai.

1. Quán xét thời kỳ tuổi thọ con người

Chư Phật không xuất hiện trên thế gian trong thời kỳ con người có tuổi thọ trên một ngàn năm và dưới một trăm năm. Khi ấy con người có trí tuệ sáng suốt, nếu lắng nghe Đức Phật thuyết pháp thì có thể hiểu rõ được chính pháp, rồi thực tập theo chính pháp dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc bốn Thánh quả Niết Bàn. Đức Bồ Tát Hộ Minh quán xét thấy rằng: *"Khi ấy, thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 năm, đó là thời kỳ thích hợp cho Đức Phật Chính Đẳng Giác xuất hiện ở thế gian"*.

2. Quán xét các châu đến tái sinh

Loài người sinh sống trong bốn châu: Đông thắng thần châu, Tây ngưu hoá châu, Nam thiệm bộ châu, Bắc câu lư châu. Trong quá khứ, chư Phật chỉ xuất hiện trong cõi Nam thiệm bộ châu mà thôi, không xuất hiện ở ba châu khác. Do vậy Đức Bồ Tát Hộ Minh quyết định tái sinh trong cõi Nam thiệm bộ châu.

3. Quán xét xứ sở đến tái sinh

Trong cõi Nam thiệm bộ châu rộng lớn mênh mông, trong quá khứ chư Phật chỉ xuất hiện ở *"Trung xứ"* mà thôi, không xuất hiện ở nơi *"Biên địa"*. Do đó Đức Bồ Tát Hộ Minh quyết định tái sinh nơi *"Trung xứ vùng Sakka kinh thành Kapila vatthu"*.

4. Quán xét dòng họ nơi tái sinh

Trong quá khứ, chư Bồ Tát kiếp chót trở thành Đức Phật không tái sinh trong dòng họ hạ tiện, nghèo khổ, mà chỉ sinh một trong hai dòng họ là *"Dòng dõi vua chúa hoặc dòng dõi Bà la môn"*. Đức Bồ Tát Hộ Minh quán xét thấy, thời kỳ ấy, tất cả mọi người đều kính trọng dòng dõi vua chúa hơn dòng dõi Bà la môn, nên Ngài quyết định *"Sinh vào dòng dõi vua Sakya (Thích Ca), đức vua Suddhodana (Tịnh Phạn Vương) trải nhiều đời vua tinh khiết"*.

5. Quán xét thân mẫu và tuổi thọ để đầu thai

Thân mẫu của Bồ Tát phải là người đã từng tạo 10 pháp hạnh Ba la mật suốt một trăm ngàn đại kiếp và được Đức Phật quá khứ thụ ký *"Bà sẽ là thân mẫu của Đức Phật trong thời vị lai"* và phải là người có 5 giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn, ngoài ra còn thụ trì 8 giới vào 6 ngày trai hằng tháng. Đức Bồ Tát Hộ Minh quán xét thấy bà Ma Da phu nhân chính cung Hoàng hậu của Đức Vua Tịnh Phạn có đầy đủ tiêu chuẩn trên và tuổi thọ của bà còn đúng 10 tháng lẻ 7 ngày, nên Đức Bồ tát chọn bà Ma Dạ phu nhân làm thân mẫu của Ngài.

Sau khi quán xét đầy đủ 5 điều rồi Đức Bồ Tát truyền dạy rằng: *"Này chư thiên, ta đồng ý nhận lời thỉnh cầu của các ngươi. Ta sẽ tái sinh xuống làm người trong cõi Nam thiệm bộ châu, nơi Trung xứ, kinh thành Ca Tỳ La Vệ, trong dòng họ Thích Ca, Đức Vua Tịnh Phạm là phụ thân, Hoàng hậu Ma Da là mẫu thân của ta"*.

Sau khi lắng nghe lời truyền dạy của Đức Bồ tát Hộ Minh, tất cả chư Thiên vô cùng hoan hỷ, cùng nhau tán dương ca tụng, tán dương Đức Bồ Tát và loan báo cho khắp toàn thế giới và chúng sinh biết rằng: *"Đức Phật sẽ xuất hiện trên thế gian!"*.

II. ĐỨC BỒ TÁT TÁI SINH LÀM NGƯỜI

Đức Bồ tát Hộ Minh quyết định rời cung trời Đâu Suất tái sinh đầu thai vào lòng thân mẫu Ma Da chính cung Hoàng hậu của vua Tịnh Phạn.

Vào ngày rằm tháng 6 âm lịch, chính cung Hoàng hậu Ma Da đến hầu vị Đạo sư Kaladecvala xin thụ trì Bát quan trai giới. Canh chót đêm ấy, trước khi Đức Bồ tát đầu thai, bà Ma Da nằm mộng thấy bốn vị Thiên vương cung nghinh bà lên núi Hy Mã Lạp Sơn, đặt bà trên tảng đá lớn gần hồ Anotatta *(A Nậu Trì)*. Sau đó, bốn chính cung Hoàng hậu của Tứ Đại Thiên vương cùng chư thiên nữ đến tắm sạch sẽ cho bà, thoa các thứ hương thơm cõi trời, dâng những đoá hoa tươi xinh đẹp, rồi cung nghinh bà đến một ngọn núi bằng bạc,

có một lâu đài bằng vàng nguy nga tráng lệ và đặt bà nằm nghiêng bên phải nghỉ ngơi ở đó. Khi ấy một con Bạch tượng cao thượng hiện đến, đi vòng quanh nơi bà nằm ba vòng rồi chui vào hông bên phải của bà.

Khi bà Hoàng hậu Ma Da đang nằm mộng cũng chính là lúc Đức Bồ tát từ bỏ cõi trời Đâu Suất để đầu thai vào lòng mẫu thân vào ngày thứ năm canh chót đêm rằm tháng 6 âm lịch. Khi ấy Hoàng hậu Ma Da có tuổi thọ được 55 năm 6 tháng 20 ngày. Ngay khi ấy trái đất rung động và có 32 hiện tượng lạ xảy ra chưa từng thấy bao giờ. Chư Thiên, Phạm thiên trong 10 ngàn thế giới chúng sinh vô cùng hoan hỷ loan báo tin rằng: *"Đức Bồ tát đã tái sinh"*.

Từ khi Đức Bồ tát tái sinh vào lòng thân mẫu, do oai lực của Bồ tát, nên ngày đêm Tứ Đại Thiên vương theo hầu để tỏ lòng cung kính. Mẫu thân của Đức Bồ tát có giới đức trang nghiêm tự nhiên, nên không phải đến nơi các vị Đạo sư đương thời để thụ giới nữa, thân tâm của bà thường an lạc. Tâm ham muốn dục lạc không hề phát sinh và khi Đức vua nhìn thấy bà liền phát sinh thiện tâm trong sáng.

Đức Bồ tát phát triển và tăng trưởng ở trong bào thai thân mẫu, như ở trong một căn phòng sạch sẽ, sang trọng. Đức Bồ tát ngồi kết già như một vị pháp sư đang ngồi trên pháp toà cho đến khi tròn đủ 10 tháng.

III. ĐỨC BỒ TÁT ĐẢN SINH

Chính cung Hoàng hậu Ma Da biết gần đến ngày Đản sinh Thái tử liền đến xin phép Đức vua trở về Cố quốc. Khi vua chấp thuận và lệnh cho các quan chuẩn bị, khi mọi việc chuẩn bị sẵn sàng, Hoàng hậu ngồi trên chiếc kiệu đi từ kinh thành Ca Tỳ La Vệ đến kinh thành Ma Kiệt Đà. Trên đường đi đoàn người đi đến khu vườn Lâm Tỳ Ni, hôm ấy thật tuyệt vời! Cả muôn hoa đều đua nở và muôn chim cùng ca hót như hân hoan đón mừng một sự kiện trọng đại. Bà Ma Da muốn dừng kiệu tại vườn Lâm Tỳ Ni để du ngoạn.

Khi chính cung Hoàng hậu ngự đến vườn Lâm Tỳ Ni, hôm ấy chư Thiên, Phạm thiên tụ hội tại khu vườn và cả vạn thế giới chúng sinh vui mừng reo hò rằng:

"Hôm nay Đức Bồ tát sẽ Đản Sinh".

Chư Thiên, chư Phạm thiên tay cầm những món quà từ cõi trời, những đoá hoa trời, nhạc trời trỗi lên để cúng dàng Đức Bồ Tát cùng những chiếc lọng trắng che phủ khắp không gian.

Chính cung Hoàng hậu Ma Da ngự đến một cây có thân to, cành cây đang đầy hoa nở rộ, khi bà đưa cánh tay phải lên thì cành cây tự nhiên sà xuống, bà đưa tay nắm lấy cành cây với tư thế đứng rất đẹp. Đức Bồ tát cao thượng sẽ ra đời trong tư thế dáng đứng này, cho nên các cung nữ liền che màn xung quanh nơi bà đang đứng. Khi ấy *"Đức Bồ tát cao thượng sinh ra đời khỏi lòng chính cung Hoàng Hậu Ma Da bằng đôi chân ra trước, rồi xuôi 2 tay, toàn thân mình sạch sẽ ra sau một cách suôn sẻ an lành cả Đức Bồ tát và thân mẫu của ngài. Lúc đó vào lúc ban mai của ngày thứ sáu, nhằm trăng tròn tháng Vakhca"*. Khi ấy hai dòng nước ấm và lạnh từ trên hư không chảy xuống làm cho sạch sẽ thân hình của Bồ Tát và thân mẫu của Ngài.

Khi Đức Bồ tát cao thượng vừa ra khỏi lòng bà Hoàng hậu Ma Da, trước tiên có 4 vị Đại Phạm Thiên vương có thiện tâm trong sạch không bị ô nhiễm bởi phiền não, mỗi vị cầm một góc tấm lưới bằng vàng đón nhận Đức Bồ tát xong, rồi đặt trước mặt bà Hoàng hậu và tâu rằng: *"Muôn tâu Hoàng hậu, xin bà phát tâm hoan hỷ! Đây là Thái tử của bà, cũng là Đức Bồ Tát kiếp chót cao thượng. Ngài là bậc Đại Phúc có nhiều uy lực nhất trong tất cả chúng sinh trong Tam giới"*.

Sau đó Đức Bồ tát từ trên tay bốn vị Đại Phạm Thiên được trao sang cho bốn vị Tứ Đại Thiên vương đón tiếp bằng tấm da mềm mại. Một lần nữa Đức Bồ tát được trao sang cho các quan đón tiếp bằng một tấm vải trắng tinh.

Khi ấy, Đức Bồ tát từ trên tay các quan, bước xuống đạp trên mặt đất bằng đôi chân bằng phẳng của Ngài. Đức Bồ tát đứng quay mặt về hướng đông, chư Thiên và nhân loại dâng hoa cúng dàng rồi ca ngợi tán thán rằng: *"Kính bạch Đại nhân, tất cả chúng sinh trong hướng này, Ngài là bậc cao thượng nhất, không có một ai cao thượng hơn Ngài"*.

Tiếp đến Đức Bồ Tát quay mặt về hướng Nam, hướng Tây, hướng Bắc, hướng Tây Nam, hướng Tây Bắc, hướng Đông Bắc, hướng Đông Nam, hướng dưới, rồi ngẩng đầu lên hướng trên. Tất cả 10 phương chư Thiên và nhân loại đều dâng hoa cúng dàng Đức Bồ Tát rồi ca ngợi tán thán Ngài là *"Bậc cao thượng nhất, không có Chư Thiên, Phạm Thiên nào cao thượng hơn Ngài"*.

Đức Bồ Tát đứng nhìn về hướng Bắc, rồi bước đi bảy bước đầu tiên bằng chân phải. Khi Bồ Tát bước đi, vua trời Phạm Thiên cầm chiếc lọng màu trắng che cho Ngài. Đức Bồ Tát dừng lại ở bước chân thứ bảy. Khi ấy tất cả Chư Thiên, Phạm Thiên đều bảo với nhau rằng: *"Đức Bồ Tát cao thượng sẽ truyền dạy những lời tối quan trọng"*.

Tất cả đều im lặng chờ lắng nghe, Đức Bồ Tát dõng dạc truyền dạy rằng: *"Ta là bậc cao cả nhất trong toàn cõi thế giới chúng sinh! Ta là bậc vĩ đại nhất trong toàn cõi thế giới chúng sinh! Ta là bậc tối thượng nhất trong toàn cõi thế giới chúng sinh! Kiếp này là kiếp chót của Ta, Ta không còn tái sinh kiếp nào khác nữa"*.

Khi ấy cả Chư Thiên, Chư Phạm Thiên và nhân loại vô cùng hoan hỷ đồng thanh tán dương ca tụng Đức Bồ Tát: *"Kính mừng Đức Bồ tát giáng sinh, Ngài nhất định trở thành Đức Phật Chính Đẳng Giác, chuyển pháp luân cứu độ chúng sinh"*.

Tắm Phật trong ngày lễ Phật đản Ảnh: Phương Đông.

Ngày Phật đản với ý nghĩa tắm Phật

● Tỷ khiêu NHƯ TỊNH

Phật đản, Phật đản sinh hay Phật giáng sinh là danh từ nói về ngày sinh (sinh nhật) của chư Phật nói chung, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói riêng. Đây là 1 trong 8 sự kiện quan trọng trong sự xuất hiện, ra đời của chư Phật mà Đạo Phật gọi là Thường pháp của chư Phật hay Bát tướng thành đạo.

Theo Luận Đại thừa khởi tín nói 8 tướng thành đạo: 1- Từ trời Đâu Suất mà giáng xuống cõi trần. 2- Nhập thai. 3- Trụ thai. 4- Xuất thai. 5- Xuất gia. 6- Thành đạo. 7- Chuyển pháp luân. 8- Nhập Niết bàn. Theo Tứ giáo nghi của Tông Thiên Thai :1- Từ trời Đâu Suất mà giáng xuống cõi trần. 2- Nhập thai. 3- Xuất thai. 4- Xuất gia. 5- Hàng ma. 6- Thành đạo. 7- Chuyển pháp luân. 8- Nhập Niết bàn.

Ngày Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giáng sinh có nhiều thuyết khác nhau, nhưng hiện tại có 2 thuyết tồn tại phổ biến là mồng 8/4 và ngày 15/4 âm lịch.

Theo Phật giáo Bắc truyền *(Hán tạng)* Thái tử Tất Đạt Đa sinh vào sáng sớm ngày 8/4 âm lịch *(cũng có thuyết 15/4 âm lịch)* tại vườn Lâm Tỳ Ni. Theo Phật giáo Nam truyền, Ngài giáng sinh vào 15/4 âm lịch *(thường chỉ nói ngày trăng tròn)*. Tại phiên họp thứ 54 ngày 15/12/1999 Đại hội đồng Liên hiệp quốc quyết định lấy ngày Đức Phật giáng sinh làm ngày *"lễ hội Văn hoá tôn giáo thế giới"* gọi là *"Đại lễ Vesak Liên hiệp quốc"* còn gọi là *"Đại lễ Tam hợp"*. Đại lễ kỷ niệm 3 ngày trọng đại của Phật giáo: đức Phật giáng sinh, đức Phật thành đạo, đức Phật nhập Niết bàn nên gọi là Tam hợp. Ở Việt Nam trước năm 1981, từng vùng miền, hệ phái, tổ chức Phật giáo kỷ niệm Phật đản khác nhau. Từ năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời thống nhất các hệ phái, tổ chức Phật giáo trong cả nước. GHPGVN thống nhất tổ chức lễ kỷ niệm ngày đức Phật đản sinh trong 1 tuần lễ gọi là tuần lễ Phật đản, bắt đầu từ mồng 8 và kết thúc vào 15/4 âm lịch. Trong Phật đản có rất nhiều nghi lễ mà quan trọng không thể thiếu được đó là nghi lễ Tắm Phật hay Mộc dục. Từ xưa, nghi lễ này đã trở thành hội gọi là Phật đản sinh hội, hay gọi là Quán Phật hội *(hội tắm Phật)* Giáng đản hội *(hội giáng sinh)*, Dục Phật hội, Phật sinh hội, đó là nghi thức tắm Phật được cử hành trọng thể trong ngày Phật đản.

Tại các chùa lễ tắm Phật được thiết lập ban thờ riêng ở ngoài trời cho rộng thoáng và nhiều người được tham dự. Ngoài hình thức nghi lễ trang trí hoa trái, đặc biệt tôn trí pho tượng đức Phật Thích Ca sơ sinh để làm lễ tắm Phật. Phỏng theo lịch sử *"Khi thái tử giáng sinh liền có 9 rồng phun nước tắm cho Ngài"* và *"...có nước thơm, hương hoa các cõi trời rưới xuống tắm cho Ngài..."*. Ở Ấn Độ, ngày Phật đản sinh, Phật tử đến lễ chùa dự lễ tắm Phật theo niềm tin của mình có thể lễ Phật, lấy nước rưới lên thân Phật và tin tưởng rằng thân Phật và thân mình tẩy trừ hết ô nhiễm được thanh tịnh. Đời Đường, đời Tống ở Trung Hoa, lễ tắm Phật là một Pháp hội được đông người tham dự và rất long trọng. Ở Nhật Bản, vào khoảng từ niên hiệu Thừa Hoà thứ 7 (840) trở đi cứ đến ngày Phật đản sinh 8/4 lễ tắm Phật được cử hành trang nghiêm, long trọng ở trong hoàng cung. Cho đến nay các nước theo Phật giáo như Trung quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam... lễ tắm Phật trong ngày Phật đản có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Mọi người thành kính lạy Phật, miệng trì tụng thần chú rồi rưới nước thơm lên thân Phật 3 lần để cầu mong 3 nghiệp *(Thân, khẩu, ý)* được thanh tịnh, 3 chướng được tiêu trừ. Mỗi chúng sinh đời này tuy nhờ phúc lành được sinh làm người nhưng còn rất nhiều nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng từ nhiều kiếp, nhiều đời gây ra. Do lời nói, ý nghĩ, hành động huân tập thói hư, tật xấu *(nghiệp xấu ác)* tích tụ từ bao kiếp đến nay, làm chúng sinh ô trược, phiền não; làm chúng sinh khổ đau phiền muộn. Nhờ công đức tắm Phật mà 3 nghiệp 6 căn chúng sinh được trong sạch trở về với bản tính thanh tịnh sẵn có xưa nay của mình.

Ở đây chúng ta cần quan tâm đến ý nghĩa tắm Phật. Những nghi thức như trên là nghiêng về Sự và thể theo căn cơ của chúng sinh, Phật dùng phương tiện theo *"Tứ tất đàn"* để hướng dẫn tu tập, thành tựu chúng sinh, khiến cho họ quay về nội tâm mà phản tỉnh, tự mình tịnh hoá thân tâm. Đây cũng là phương tiện để *"dẫn nhân nhập đạo"*. Về lý mà nói, đối với chư Phật, chúng ta biết rằng các Ngài đã trải qua 3 A tăng kỳ kiếp tu tập mới được thành tựu Phật quả. Trong quá trình tu tập giác ngộ, phải chuyển *"sinh thân"* phàm phu, cấu nhiễm do cha mẹ sinh ra để trở thành *"Pháp thân"* thanh tịnh gồm có 5 phẩm công đức là: Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát Tri kiến. Ta nghe qua bài kệ tán thán Phật sau:

Phật Thân thanh tịnh tự lưu ly,

Phật Diện do như mãn nguyệt huy,

Phật tại thế gian thường cứu khổ,

Phật Tâm vô xứ bất từ bi.

Nghĩa là khi đã thành tựu đạo quả Vô thượng chính đẳng, chính giác, trở về với Pháp thân thanh tịnh thì không còn chút gì nhiễm ô thân tâm nữa. Cả danh từ nhiễm ô hay thanh tịnh cũng không còn.

Bản lai vô cấu tịnh,

Cấu tịnh tổng hư danh,

Pháp thân vô quải ngại,

Hà trược phục hà thanh.

Tu tập chứng được Niết bàn thanh tịnh thì có Pháp thân chu biến pháp giới *(Thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương)* thực tướng ấy, ly văn tự tướng, ly ngôn thuyết tướng. Khái niệm thanh tịnh hay nhiễm ô cũng không còn như trong Bát nhã tâm kinh nói *"...Bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm..."*

Thành Phật sẽ có đầy đủ 3 thân: Pháp thân, Báo thân, Ứng hoá thân. Theo tông Thiên Thai lập ra 3 thân về Phật:

1- Thực tướng thân hay Thực tướng Chân như là Pháp thân.

2- Pháp môn thân là thân tích tu tập công đức hay báo thân.

3- Sắc thân là thân 32 tướng tốt, tám mươi tuỳ hình hảo hay Ứng hoá thân đây là thân Phật mà chúng sinh có thể thấy được. Theo Luận Tức hoá nói rằng: *"Sắc thân qui về đức Giải thoát, Pháp môn thân qui về đức Bát nhã, Thực tướng thân qui về đức Pháp thân"* cả 3 thân đều thanh tịnh do tu tập mà được thành tựu.

Thực ra, thân Phật là vô tướng, phàm phu không thể thấy được mà chỉ có thể thấy thân ứng hiện của chư Phật mà thôi. Nay dùng phương tiện để thấu đạt đạo lý, để giác ngộ. Nhờ Sự mà đạt được Lý, nên người xưa có câu *"Giả hương đài, sắc tướng dĩ minh tâm"*. Trong kinh Pháp Hoa Phật dạy: *"Nếu có người dùng những nhạc cụ thanh la, nạo bạt, trống mõ"*... để ca tụng tán thán công đức của chư Phật một cách thành

Các tăng ni trong nghi lễ tắm Phật Ảnh: Phương Đông

kính, những người đó đều có thể thành tựu được Phật đạo. Đối với những người căn cơ cao hơn thì hãy nghe trong kinh Kim Cương Phật dạy Ngài Tu Bồ Đề:

Nhược dĩ sắc kiến ngã,

Dĩ âm thanh cầu ngã,

Thị nhân hành tà đạo,

Bất năng kiến Như Lai.

Trong Sám nguyện Tịnh Độ, bài tán Phật cũng nói:

Năng lễ, sở lễ tính không tịch,

Cảm ứng đạo giao nan tư nghị,

Ngã thử đạo tràng như đế châu,

Thập phương chư Phật ảnh hiện trung,

Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,

Đầu diện tiếp túc qui mạnh lễ.

Nghĩa là: chúng ta *(hành giả tu tập)* cùng với chư Phật, chân tính vốn bình đẳng, vắng lặng như hư không. Ta lễ Phật là trở về với bản tính thanh tịnh sẵn có nhiệm mầu. Có cảm thì có ứng, sự cảm ứng ấy vượt ngoài tư duy thông thường. Nơi đạo tràng này cùng các đạo tràng khác nữa nhiều như mắt lưới. Mười phương chư Phật ứng hiện ở trong đó. Có cả thân ta cũng hiện ở trước chư Phật trong đạo tràng. Vì vậy hành giả hết lòng thành kính đỉnh lễ dưới chân chư Phật.

Như vậy, nếu chúng ta quá chấp trược, kẹt vào hình thức, nghi lễ trên là chúng ta thực hành, tu tập sai lời Phật dạy.

Trong kinh Dục Tượng Công Đức chép: *"Phải dùng các thứ diệu hương như Ngưu đầu, Chiên đàn, Tử đàn, Đa ma la hương, Cam tùng, Bạch đàn, Uất kim, Long não, Trầm hương, Xạ hương, Đinh hương... làm thành nước thơm đựng ở chậu sạch để tắm Phật"*

Đến giờ hành lễ, đạo tràng trang nghiêm thanh tịnh, trì chú, tụng kệ theo nghi thức Lễ tắm Phật:

Ngã kim quán mộc chư Như Lai,

Tịnh trí trang nghiêm công đức tụ,

Ngũ trược trần ô linh ly cấu,

Nguyện chứng Như Lai tịnh Pháp thân.

Đọc bài kệ này trong nghi thức Tắm Phật chính là nhắc nhở chúng ta nghe ý nghĩa bài kệ (Văn), suy tư, nhớ nội dung (Tư), rồi áp dụng bài kệ ấy trong sự tu tập (Tu). Hôm nay ta tắm Phật, nhưng thân Phật là Pháp thân thanh tịnh do công đức tu tập từ bao đời, bao kiếp mới có được. Và, chúng sinh hiện đang sống trong cõi đời ngũ trược ác thế khổ đau này đang bị vô minh, phiền não làm ô nhiễm nay nhờ công đức Tắm Phật, theo gương tu tập của Phật, cầu mong hiện đời nay được xa lìa cấu nhiễm, phiền não; đời mai sau có nhiều thuận duyên tu tập chứng được Pháp thân thanh tịnh Như chư Phật.

Khi rưới nước thơm lên tượng Phật chúng ta phải nhất tâm thành kính và quán tưởng bài kệ tán:

"Dương chi tịnh thuỷ,

Biến sái tam thiên..."

Thứ nước thơm này là Nước tám công đức; nước cam lộ thanh tịnh, tính của nó là chân không, chu biến khắp pháp giới. Rưới nước này làm cho thấm nhuần thân tâm chúng sinh hết được khổ đau, phiền não. Nhờ công đức tắm Phật mà lòng tham lam, hờn giận, si mê và bao nhiêu não phiền, xấu ác của chúng sinh được tiêu tan; thân tâm thanh tịnh, mát mẻ, nhẹ nhàng.

Trong nghi thức Tắm Phật còn đọc bài kệ:

"Khể thủ qui y Tô tất đế,

Đầu diện đỉnh lễ Thất Câu Chi..."

Trong Phật giáo có rất nhiều pháp môn tu tập, có hiển giáo, mật giáo, đốn giáo, tiệm giáo...tuỳ theo căn cơ mà hành giả chọn cho mình pháp môn tu thích hợp để hướng tới con đường giác ngộ, giải thoát. Mỗi Phật sự khi thực hành đều mang nhiều ý nghĩa sâu xa có sự, có lý để khi tu tập không bị rơi vào ngã chấp, pháp chấp đem lại nhiều lợi ích thiết thực. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại hay tu tập Sự - Lý viên dung. Hoặc đứng ở góc độ này, góc độ khác; trên mặt hiện tượng hay bản chất; nội dung hay hình thức cũng đều viên dung vô ngại *(thực tế lý địa bất thụ nhất trần, Phật sự môn trung bất xả nhất pháp)*. Hành giả tu tập phải ý thức được lời Phật dạy:

"Cũng như nước biển chỉ có một vị, vị mặn. Giáo lý của ta cũng chỉ có một vị, vị giải thoát". Hay các bậc tiền bối cũng nói: *"Như vị ngọt bát mật ở giữa, ở bên đều ngọt không khác"*. Pháp môn Phật dạy tuy rất nhiều *(84.000 pháp môn)* nhưng đều là giáo lý viên mãn đem lại giải thoát giác ngộ cho tất cả chúng sinh.

Toàn cảnh khán phòng tại Đại lễ Phật đản LHQ 2008
Ảnh: Phùng Anh Tuấn

Đại lễ Phật đản đôi điều cần biết

● LÊ KHANH
Vụ Phật giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ

NGUỒN GỐC

Đại lễ Phật đản là một ngày lễ quan trọng nhất trong năm của Phật giáo, hàng năm vào ngày rằm tháng tư, tức ngày 15/4 âm lịch, Đại lễ Phật đản được giới Phật giáo tổ chức long trọng để kỷ niệm ngày xuất thế và tưởng nhớ đến Đức Thế Tôn là người khai sáng, là ông tổ của đạo Phật *(tên thật của Ngài là Tất Đạt Đa (Gautama Siddhattha), là Thái tử con vua Tịnh Phạn (Shuddhodana) và Hoàng hậu Ma Da, thuộc bộ tộc Thích Ca, người thành Ca Tỳ La Vệ (Kapilavaxtu), Ấn Độ cổ đại ngày xưa, bao gồm một phần nam Nêpan và một phần các bang Ut-ta-rơ, Pra-đe-zơ, Bi-he của Ấn Độ ngày nay.*

Đại lễ Phật đản đã được lưu truyền từ ngàn xưa cho đến nay. Trước kia các nước có Phật giáo ở Châu Á như: Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Băng La Đét, ... đều làm Đại lễ Phật đản vào ngày 8/4 âm lịch. Tên ngọi ngày Phật đản, *"ngày tám tháng tư"* đã được lưu truyền nhiều thế kỷ ở nhiều nước có Phật giáo trên thế giới, ở nhiều nước đã trở thành phong tục tập quán, tạo ấn tượng thâm sâu vào tâm trí mọi người, kể cả người tin theo hay không tin theo đạo Phật cũng đều nhớ như vậy.

Tuy nhiên, năm 1950, theo Quyết định của Hội nghị Phật giáo Thế giới *(The World Fellowship of Buddhists - WFB, dịch ra tiếng Việt là Thân hữu Phật tử thế giới)* được tổ chức tại Cô-lôm-bô nước Sri Lanca thì Đại lễ Phật đản lấy ngày trăng tròn đầu mùa hạ *(ngày 15/4 âm lịch)* làm ngày lễ chính thức. Hội nghị năm 1950 của Hội thân hữu Phật tử thế giới, cũng là Hội nghị

đầu tiên đánh dấu sự thành lập của tổ chức này *(được coi là Đại hội lần thứ nhất)*, gồm đại biểu Phật giáo của 27 nước, đóng vai trò nòng cốt và chỉ đạo Đại hội là đại diện của Mỹ, Anh, Pháp, CHLB Đức, Nhật Bản, Thái Lan, Sri-lan-ca. Mục đích hoạt động của tổ chức này được nêu trong Điều lệ là: 1/Thúc đẩy các thành viên tuân theo và thực hiện lời dạy của Đức Phật; 2/ Tuyên truyền phổ biến giáo lý của đạo Phật; 3/Đảm bảo sự đoàn kết thống nhất trong lĩnh vực xã hội, văn hóa và các từ thiện khác... *(Bối cảnh lịch sử và lý do chính trị trực tiếp cho sự ra đời, cũng như quá trình hoạt động của tổ chức Phật giáo quốc tế này cũng có nhiều "vấn đề" mà nhiều nhà nghiên cứu đã đề cập)*. Phật giáo Việt Nam tham gia tổ chức Thân hữu Phật tử thế giới ngay từ năm 1950, Thượng tọa Tố Liên được coi là sáng lập viên của tổ chức này và được bầu làm Phó Chủ tịch. Từ năm 1961, sau Đại hội lần thứ VI, Phật giáo miền Bắc rút khỏi tổ chức Thân hữu Phật tử thế giới; ở miền Nam, Phật giáo nguyên thủy hoạt động trong tổ chức này cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Và hằng năm cứ đến ngày này, hầu hết các nước có Phật giáo ở Châu Á và những người con Phật trên khắp năm châu, bốn bể đều nhộn nhịp, long trọng tổ chức kỷ niệm ngày Đức Phật giáng sinh.

PHẬT ĐẢN Ở VIỆT NAM

Ở Việt Nam, trước đây Phật giáo Việt Nam lấy ngày 8/4 âm lịch là ngày chính thức Phật Thích ca đản sinh. Tuy nhiên, sau khi thống nhất Phật giáo cả nước *(năm 1981)*, Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng lấy ngày 15/4 âm lịch hằng năm là ngày kỷ niệm Phật Thích Ca đản sinh như Phật giáo các nước trên thế giới.

Lễ Phật đản đối với nhân dân ta từ xa xưa, từ buổi hừng đông của lịch sử Phật giáo Việt Nam đã trở thành một lễ hội lớn, trở thành phong tục tập quán, lễ hội vui của dân tộc, luôn được tổ chức long trọng. Điều đó đã ăn sâu đến nỗi phát xuất thành những câu ca dao:

"Dù ai buôn bán đâu đâu

Nhớ ngày Phật đản rủ nhau mà về"

Hay:

"Dù ai buôn bán đâu đâu

Tháng tư ngày tám rủ nhau hội chùa"

Sử sách còn ghi chép lại: *" ...lại xét Thập Di Ký của Lý Tế Xuyên thì người xã Cổ Châm hằng năm hội họp ở chùa Thiên Định là lễ "Phật đản" ..."* [1] chùa Thiên Định còn có tên là chùa Pháp Vân hay Duyên Ứng thuộc thành Luy Lâu, lỵ sở Giao Châu thời xưa, Thuận Thành - tỉnh Bắc Ninh ngày nay. Chính sử Trung Quốc chưa biết Phật giáo thì ở Luy Lâu *(Thuận Thành, Bắc Ninh ngày nay)* đã có một trung tâm Phật giáo và Phật học khá phồn thịnh, tương đương với trung tâm Lạc Dương, kinh đô của Đông Hán và Bành Thành của nước Sở. Và chùa Pháp Vân đã trở thành một đạo tràng lớn để thuyết pháp hành lễ và tổ chức nhiều lễ hội rất lớn; Đến thời nhà Lý (1010 - 1225), chính các vua Lý đã cử hành lễ Phật đản rất long trọng ở chùa Diên Hựu hay còn gọi là chùa Một Cột, chùa Nhất Trụ thuộc kinh thành Thăng Long thời xưa và là thủ đô Hà Nội ngày nay. Hay đến thời chúa Nguyễn, sử sách ghi chép lại, chúa Nguyễn Hoàng, năm Tân Sửu (1601) cho tái thiết ngôi Quốc tự Sùng Hóa ở làng Triêm Ân, và năm sau năm Quý Mão (1603) ông cho làm lễ Phật đản thật lớn ở chùa này; đến thời chúa Nguyễn Phúc Chu, thì Đại lễ Phật đản được tổ chức trong chúa Nguyễn, có Hòa thượng Thạch Liên chứng minh... Ngoài ra việc tổ chức lễ Phật đản của nhân dân còn được thể hiện qua một số hội chùa, như Hội chùa Láng (tức lễ hội ngày Phật đản tại chùa Láng (Hà Nội)). Ca dao Việt Nam đã có câu:

"Vào ngày mồng tám tháng tư.

Chẳng xem hội Láng cũng hư mất đời"

Trải qua nhiều biến cố của lịch sử dân tộc, kể cả thời kỳ thực dân Pháp đô hội, Phật giáo không được coi trọng trong chính sách trị dân của thực dân Pháp, cũng như thời kỳ đất nước ta bị chia cắt thành hai miền Nam và Bắc, Đại lễ Phật đản hằng năm vẫn luôn được giới Phật giáo tổ chức một cách long trọng, thu hút được rất nhiều người tham gia, kể cả những người không có tín ngưỡng Phật giáo. Có một thời đại miền Nam *(thời kỳ đất nước Việt Nam bị chia cắt thành hai miền Nam, Bắc)*, ngày Phật đản được coi là ngày nghỉ chính thức trong năm, nhưng năm 1957, do chính sách phân biệt các tôn giáo với Công giáo, với hàng loạt chính sách chèn ép Phật giáo và các tôn giáo khác ngoài Công giáo *(các sách báo đã nói nhiều đến vấn đề này)*, chính quyền Ngô Đình Diệm đã ra lệnh bỏ ngày Phật đản ra khỏi số ngày nghỉ chính thức trong năm.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) được thành lập từ năm 1981, trên cơ sở thống nhất 9 tổ chức, hệ phái Phật giáo trong cả nước lúc đó là: Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam (Miền Bắc); Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (Ấn Quang); Ban liên lạc Phật giáo yêu nước TP Hồ Chí Minh; Giáo hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam, Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam; Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước Tây Nam Bộ (Phật giáo Nam tông Khơ me); Giáo phái Khất sĩ Việt Nam; Giáo hội Thiên Thai giáo quán tông; Hội Phật học Nam Việt. Đến nay, GHPGVN đã hoạt động được 28 năm, trải qua 6 kỳ Đại hội, mỗi một kỳ Đại hội đánh dấu một bước phát triển mới của GHPGVN, thì hằng năm, GHPGVN đều tổ chức long trọng, hoành tráng Đại lễ Phật đản từ Trung ương giáo hội đến tận từng chùa trong cả nước. Ngoài việc tổ chức buổi lễ chính vào đúng ngày rằm 15/4, GHPGVN các tỉnh, thành còn tổ chức rước xe hoa trên khắp đường phố với đủ các tích trong kinh Phật, có xe làm vòng pháp luân đang quay, có xe nhắc lại tích Đức Thích ca mới ra đời đứng trên một bông sen lớn, có xe làm con voi trắng

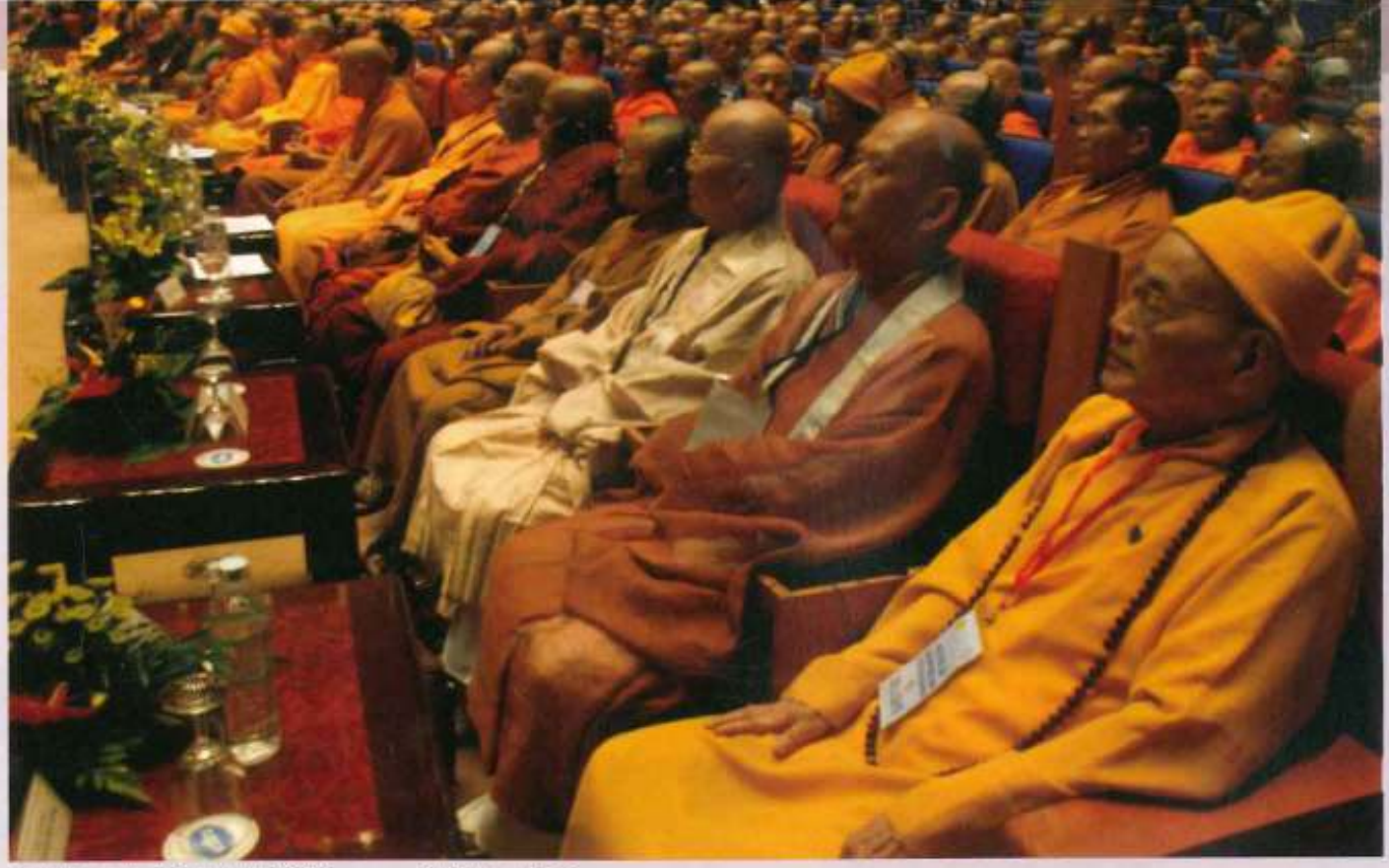

Các đại biểu tại Đại lễ Phật đản LHQ 2008 Ảnh: Phùng Anh Tuấn

sáu ngà rất vĩ đại,... rước kiệu Phật, làm lễ phóng sinh, thả hoa đăng trên sông; tổ chức đêm hội chào mừng Đại lễ; làm đài tổ chức tập trung, có hàng ngàn Tăng Ni, Phật tử tham dự trong không khí trang nghiêm, hoan hỷ; đèn lồng và cờ Phật giáo được treo khắp các chùa... Đặc biệt, năm 2008, GHPGVN phối hợp với Nhà nước đã tổ chức thành công Đại lễ Phật đản Liên Hợp quốc tại Việt Nam, được thế giới đánh giá cao. Đây là Đại lễ được Liên Hợp quốc công nhận là ngày lễ hội văn hóa tâm linh của thế giới *(Lễ Phật đản là một trong 3 lễ cấu thành lễ tam hợp mà Liên hợp quốc gọi là Vesak gồm Lễ Phật đản sinh, Lễ Phật thành đạo và Lễ Phật nhập Niếp Bàn)*. Điều đó đã khẳng định sự phát triển và ổn định của các sinh hoạt Phật giáo từ Trung ương đến cơ sở trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết, nhất tâm hướng về ngày kỷ niệm thiêng liêng Đức Phật đản sinh của những người con Phật trong GHPGVN.

VÌ SAO LẠI CHỌN NGÀY 15/4 THAY CHO NGÀY 8/4 LÀM LỄ PHẬT ĐẢN?

Lý giải điều này, có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng nhiều ý kiến cho rằng, sở dĩ như vậy vì theo kinh sách Phật giáo có ghi lại là Đức Phật được sinh vào "ngày trăng tròn".

Về ngày Đức Phật giáng sinh, kinh sách Nam Tông nói rất đơn giản, qui gọn một câu *"ngày trăng tròn"*; ở kinh sách Phật giáo Bắc Tông, nhiều bộ nói về lịch sử Phật thì ngày giáng sinh của Đức Phật Thích ca là ngày 8/4, nhưng kinh sách Phật giáo Bắc Tông cũng có bộ nói Đức Phật sinh ngày 15 (trăng tròn) đó là bộ Tây Vực Ký đời nhà Đường; ở những nước có Phật giáo nhưng không tính theo lịch âm thì người ta theo dương lịch mà nói: *"Phật giáng sinh ngày trăng tròn"*.

Nguồn gốc của đạo Phật sinh ra từ Ấn Độ, Trung Quốc là nước lớn và đạo Phật du nhập sớm vào đây, kinh sách ở Ấn Độ là chữ Phạn, khi truyền sang Trung Quốc được dịch ra chữ Hán rất nhiều, và truyền sang nước ta, do đó gắn liền với âm lịch hiện nay ta vẫn dùng.

Cũng có nhà nghiên cứu chứng minh tại sao ngày Phật đản lại có sự thay đổi từ ngày 8/4 âm lịch sang ngày 15/4 âm lịch bằng các vừa xác định ngày Đại lễ Phật đản căn cứ vào những điều ghi trong các kinh sách nói về lịch sử Phật tổ của cả Phật giáo Bắc Tông lẫn Phật giáo Nam Tông, sau đó đem họ ra tra cứu giữa hai thứ lịch Ấn Độ và lịch Trung Quốc. Và đã xác định ngày Phật đản là ngày trăng tròn.

Có thể nói, cho dù lấy ngày 8/4 hay ngày 15/4 âm lịch, thì giới Phật giáo ở các nước trên thế giới đều tổ chức Lễ Phật đản một cách trong trọng, nhằm tưởng nhớ đến Đức Phật Thích ca ra đời.

Hiện nay, ở Việt Nam, việc tổ chức Đại lễ Phật đản luôn luôn được GHPGVN tổ chức một cách trang trọng, hoành tráng, năm sau được tổ chức trang trọng, mở rộng, hoành tráng hơn năm trước. Người ta không còn hay gọi là ngày Phật đản nữa, mà gọi là *"Mùa Phật đản" (thường được tổ chức bắt đầu từ ngày mùng 8/4 âm lịch và kết thúc sau ngày 15/4 âm lịch. Ngày 15/4 được coi là ngày lễ chính)* để hòa chung niềm vui cùng nhân loại trên khắp hành tinh chúng ta kính mừng ngày Đức Phật ra đời.

(1). Quốc Sử Quán, Đại Nam Nhất Thống Chí, trang 109, Hà nội 1962

Đức Pháp chủ thắp hương tại chùa Quán Sứ
Ảnh: Phùng Anh Tuấn

CẢM NIỆM về ngày Đại lễ Phật đản Phật lịch 2553

● TRÍ BỬU
P.Trưởng ban Phật giáo Quốc tế Khánh Hoà

Giờ phút linh thiêng, gió lặng, chim ngừng
Trái đất rung động bảy lần
Khi bất diệt, đi ngang dòng sanh diệt.
Bàn tay chuyển pháp, trong hương đêm thanh khiết
Ấn cát tường nở trắng một bông hoa
Thế giới Ta bà, đồng thanh ca ngợi.

Năm nay, lại một lần nữa hoa sen nở rộ, tưng bừng, đón mừng ngày Đấng Giác ngộ toàn năng, toàn trí, toàn đức ra đời, phá tan màn vô minh từ vô lượng kiếp của chúng sanh và những gì bất công trong xã hội, đem lại sự ấm no, hạnh phúc, an vui cho nhân loại.

Kỷ niệm ngày Đản sanh của đức Phật, ngày lịch sử

trọng đại và thiêng liêng Phật lịch 2553, để báo Phật ân đức, đồng thời thực hiện lời di huấn tối hậu của bậc Giác ngộ: *"Vì đại sự nhân duyên mà thị hiện để khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến"*.

Quả thật, Đức Phật thị hiện giữa cõi đời không ngoài mục đích nhằm đáp ứng nguyện vọng là giải thoát khổ đau của nhân loại. Ngài đích thực là một con người, *"Trong vũ trụ bao la này Ngài là một con người bình thường như bao nhiêu người bình thường khác, cũng được cấu tạo bằng xương, bằng thịt, nhưng Ngài không còn chi phối bởi các pháp hữu vi, một con người nhận chân được bản giác, thường chân của chính mình"*, Ngài là một vị hoàng tử của Ấn Độ thời bấy giờ, nào cung vàng, điện ngọc, vợ đẹp, con ngoan, cung phi, mỹ nữ, lạc thú, vinh hoa...Nhưng Ngài đã ý thức rằng, đó không phải là hạnh phúc đích thực của cuộc đời, mà hạnh phúc đích thực của con người là thoát ly sanh tử, khổ đau, tìm đến đời sống an lạc, thanh thản, không tranh chấp, không hận thù, sống chan hoà, trong niềm cảm thông chân chính, sống trong tình yêu thương, nhân ái, hoà hợp.

Kính mừng Đại lễ Phật Đản Phật lịch 2553, chúng ta ôn lại những truyền thống tốt đẹp của dân tộc về ngày Phật Đản: Sách Đại Việt Sử ký toàn thư đã viết, vào đời vua Lý Thánh Tông, năm Nhâm Tý, Thần Vũ 1072: *"Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 8, vua xem lễ tắm Phật"*. Còn vua Lý Nhân Tông: *"Mùa hạ, ngày mồng 8 tháng 4, xa giá ngự đến, đặt lễ cầu phúc, bày nghi thức tắm Phật, hằng năm lấy làm lệ thường"*...

Trong Văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh, Nguyễn Công Bật viết về không khí sinh động của ngày Đại lễ Phật Đản như sau:

"Nhà vua tôn sùng đạo Phật, hâm mộ thắng nhân. Mở chùa Diên Hựu ở tại vườn Tây. Dấu vết theo quy mô thuở trước, lo toan cho thánh ý ngày nay.

Đào ao thơm Linh Chiểu, giữa ao chồi lên một cột đá, trên cột đá có một đóa hoa sen nghìn cánh xòe ra. Trên hoa dựng ngôi đền đỏ sẫm, trong đền đặt pho tượng sắc vàng. Ngoài ao có hành lang bao bọc. Ngoài hành lang lại có ao Bích Trì, bắc cầu cong để đi lại. Ở sân trước cầu, hai bên tả hữu xây tháp báu lưu ly. Để mỗi một hằng tháng, để mùa xuân hằng năm, nhà vua thân ngồi xe ngọc, đến mở tiệc chay. Hương hoa bày ra hình thức kỳ an, bồn chậu đặt lễ nghi tắm Phật.

Trang sức tướng tinh thành cho năm chúng, hoặc hở vai tiến thối nhịp nhàng, tạo đội ngũ thiên vương ở bốn phương, nâng khí cụ bồi hồi nhảy múa. Tinh cần chẳng trễ, kính phụng nào ngơi. Vì vậy mà huyền tạo linh thông, đều cùng phù hộ"...

Như thế, từ xưa đến nay, việc vua chúa, triều thần và nhân dân quy ngưỡng về ngày Đại lễ Phật Đản và đích thân nhà vua làm chủ lễ tắm Phật, cho thấy Phật Đản thực sự là một ngày Quốc lễ, ngày hội truyền thống văn hoá. Và trong không khí của ngày Quốc lễ đó, các vị vua không chỉ thể hiện lòng thành kính nhất tâm quy Phật, thể hiện tinh thần từ bi, khoan thứ mà còn gửi gắm tâm nguyện trị quốc, an dân, giữ vững nền độc lập, tự do của dân tộc. Điều này nói lên sự thâm nhập của Đạo Phật vào tận nguồn cội của văn hóa Việt Nam, như máu với thịt, như tim với óc, như hai bộ phận trong cơ thể của con người, đến mức không thể phân chia được.

Còn nữa, nhân ngày Lễ Khánh thành Tháp Sùng Thiện Diên Linh, Hoàng đế đã đích thân tham dự:

"Khói trầm đàn như mây tỏa khắp sơn khê, bóng cờ phướn như ráng phô đầy muôn ngả. Chuông trống vang lừng, khánh tiu rộn rã. Phía trước xe mây Tam bảo, đằng sau kiệu báu thánh hoàng.

Dốc nghiêng, xanh tía sáu cung, về hết trẻ già muôn nước. Điện hoa vắt ngang phía trước, chùa Phật mở rộng bên trong.

Hội tăng ni trai khiết, diễn Giác đế chân kinh. Hoàng đế nghiêm trang, đọc kệ đoạn cúi đầu tạ lễ; cung nga khép nép, nghe kinh xong dâng sữa múa ca. Thối cơm chay trắng muốt, thết khách đói qua đường; phát tiền quý ùn ùn, cấp dân nghèo khắp chốn.

U hiển đều về, thiên long cùng đến. Đem lực công tối thượng, phúc đức vô lường, ca ngợi hoàng cương, vững bền như trời đất; cầu mong bảo vận vằng vặc như trăng sao.

Sớm sinh thái tử, nối mãi mệnh trời. Mong gốc ngành ngàn thuở, cầu xã tắc muôn năm. Cỏ lướt nhiều phương, qùy nghiêng muôn nước. Thần dân yêu mến, tổ khảo khuông phò. Thần đạo giúp ngầm, trời người nâng đỡ".

Trên đây, cho ta thấy, chính tinh thần và tâm nguyện dựa trên nền tảng Phật pháp đã có sức vận động lớn lao tinh thần đoàn kết, tập hợp sức dân vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Vì thể hiện mạnh mẽ lòng tự hào dân tộc, nên đã quy tập được các tư tưởng khác nhau, phục vụ cho công cuộc chung *"đất nước, dân tộc"*.

Đặc biệt, các vua nhà Lý, những vua hết lòng với đạo Phật, đều nhân dịp mở hội Phật mà đại xá thiên hạ, tha tội cho các tù nhân, chu cấp tiền, lương cho dân nghèo... Điều đó càng tăng thêm ý nghĩa và sức sống của Phật pháp. Đến nỗi Sử Nho Ngô Sĩ Liên phải viết: *"Nhân Tông thường nhân việc mở hội Phật mà tha cho người hết tội... Còn như vua Thần Tông không có việc gì mà cũng tha bổng, phóng thích tù nhân..."* Lòng nhân ấy đã hướng dẫn hành vi của nhiều nhà lãnh đạo, nên đã tránh cho dân tộc không đi vào con đường chiến tranh, hận thù, huynh đệ tương tàn, mà có một đời sống tâm linh phong phú. Vì thế lịch sử đã minh chứng rất rõ, thời đại Lý - Trần là thời đại mà con người sống khoan dung, nhân hiếu, thuần hậu và giàu bản sắc văn hoá dân tộc hơn hết.

Chúng ta đã từng có những ngày Quốc lễ Phật

Quang cảnh Đại lễ Phật Đản 2553 tại Hà Nội. Ảnh: Phùng Anh Tuấn

Đản trang nghiêm, hoành tráng, nô nức, hân hoan.... Nhưng vì chiến tranh và vì nhiều lý do khác nhau, Đại lễ Phật Đản nhiều lúc đã bị thu hẹp không gian văn hóa, tâm linh. Mãi đến năm 2008 vừa qua, Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc PL.2552, Vesak 2008, lễ hội tôn giáo và văn hóa của dân tộc, tổ chức tại Trung tâm Hội nghị quốc gia Mỹ Đình, Thủ đô Hà Nội, mới phục hồi thực sự.

Tại Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc Phật lịch 2552, Vesak 2008 , trong diễn văn khai mạc của Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Minh Triết, đọc tại Trung tâm Hội nghị quốc gia Mỹ Đình, sáng ngày 14.5.2008 đã khẳng định:

"Việt Nam là đất nước đa tôn giáo mà đạo Phật là tôn giáo có mặt rất sớm từ gần 2000 năm trước. Ngay từ buổi đầu tiên, với tư tưởng Từ bi, hỷ xả, Phật giáo đã được nhân dân Việt Nam đón nhận, luôn đồng hành cùng dân tộc với phương châm nhập thế, gắn bó giữa Đạo và Đời phấn đấu vì hạnh phúc an vui cho con người. Trong các thời đại, thời nào lịch sử Việt Nam cũng ghi nhận những nhà Sư đại đức, đại trí đứng ra giúp đời, hộ quốc, an dân. Đặc biệt lịch sử Việt Nam mãi mãi ghi nhớ công lao của vị vua anh minh Trần Nhân Tông có công lớn lãnh đạo nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Khi đất nước thái bình, Người nhường ngôi từ bỏ giàu sang, quyền quý, tìm đến nơi non cao Yên Tử để học Phật tu hành, sáng lập nên Thiền phái Trúc Lâm, một dòng Thiền riêng của Việt Nam tồn tại mãi tới ngày nay."

Như thế, chỉ có tinh thần khoan dung, tư tưởng và đời sống giàu bản sắc của bốn nghìn năm văn hiến, mới đủ cơ sở để chúng ta vượt qua mọi giới hạn của nhận thức, mọi thái độ hẹp hòi trong văn hóa, và chỉ có tinh thần tự tôn, thủy chung với dân tộc, người Phật tử mới có thể *"gặp Đức Phật trong lòng dân tộc"*. Như vậy, ngày Đại lễ Phật Đản, không chỉ là ngày chúng ta tỏ lòng tôn kính Đức Phật, tri ân tổ tiên đã làm rạng danh non sông, mà còn là ngày tìm lại cho chính mình một ngôn ngữ của yêu thương và hòa bình.

Mỗi năm, cứ đến ngày Đại lễ Phật Đản, nhìn hình tượng đức Phật Đản sanh chúng ta cảm nhận rằng sự kiện lịch sử ấy xảy ra dường như không xa lắm. Mới ngày nào trong vườn Lâm Tỳ Ni, nơi thành Ca Tỳ La Vệ, nước Nepal *(vương quốc của Ấn Độ)*, đức Từ phụ của chúng ta đã vì lợi ích của chúng sanh mà một lần nữa trở lại cõi đời này, với hình ảnh một con người bình thường. Một thoáng thời gian mà đã hơn hai ngàn sáu trăm năm trôi qua, nhưng hình ảnh bậc vĩ đại đó vẫn còn sống mãi với dòng thời gian bất tận, và tồn tại mãi trong con tim của mỗi người con Phật.

Vì thế cho nên ca dao ta có câu:

Dù ai đi đâu về đâu,

Nhớ ngày Phật Đản, năm châu đều về.

Dù ai bận rộn trăm bề,

Đến ngày Phật Đản, nhớ về chùa xưa.

Nam mô Lâm Tỳ ni viên, Vô ưu thọ hạ, thị hiện Đản sanh, Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Múa rồng tại Lễ hội Côn Sơn - Hải Dương . Ảnh: Phùng Anh Tuấn

THIỀN SƯ HUYỀN QUANG và lễ hội Côn Sơn

● Thượng tọa THÍCH GIA QUANG
Phó tổng thư ký Hội đồng Trị sự GHPG Việt Nam

Phật giáo có một vai trò quan trọng không chỉ bởi đã xuất hiện sớm từ buổi đầu lịch sử dân tộc, mà còn có sự đóng góp vào nền văn hóa chung của dân tộc và đã trở thành một bộ phận hữu cơ trong đời sống văn hóa Việt Nam. Trong quá trình phát triển Phật giáo, Thiền phái Trúc Lâm với các vị tổ đã đóng góp to lớn vào lịch sử phát triển tư tưởng Việt Nam, trong đó có Thiền sư Huyền Quang, vị tổ thứ 3 của Thiền phái Trúc Lâm.

THIỀN SỰ HUYỀN QUANG (1254 - 1334)

Thiền sư Huyền Quang tên thật là Lý Đạo Tái, sinh năm Giáp Dần (1254) ở làng Vạn Tải thuộc lộ Bắc Giang. Thân phụ Ngài là Huệ Tổ dòng dõi quan lại, có công dẹp giặc Chiêm Thành, được nhà Trần bổ làm quan nhưng không nhận, chỉ ưa giao du sơn thủy. Thân mẫu Ngài dòng họ Lê là người hiền đức.

Thuở nhỏ, Lý Đạo Tái dung nhan kỳ lạ nhưng rất có chí hướng học hành. Ông rất thông minh, biệt tài lanh lợi. Năm 19 tuổi thi Hương, năm sau thi Hội, ông đều đỗ đầu. Ông đỗ Trạng Nguyên năm 20 tuổi. Cha mẹ

tuy đã định hôn cho ông nhưng chưa cưới. Sau khi thi đậu, nhà vua gọi gả công chúa cho nhưng ông vẫn từ chối. Sau đó, ông được bổ nhiệm làm quan ở Hàn lâm viện, phụng mạng tiếp đón sứ Trung Hoa. Văn chương ngôn ngữ của ông lưu loát, đối đáp trôi chảy nên rất được người Tàu nể phục.

Một hôm ông theo vua Anh Tông đến chùa Vĩnh Nghiêm thuộc huyện Phụng Nhãn nghe Thiền sư Pháp Loa giảng kinh. Từ đó, ông tâm đắc với đạo Phật liền dâng biểu từ quan xin xuất gia tu hành và được nhà vua chấp thuận. Năm 1305, ông xuất gia thụ giới tại chùa Vĩnh Nghiêm, làm thị giả Đức Điều Ngự và được ban pháp hiệu là Huyền Quang Tôn Giả.

Niên hiệu Hưng Long thứ 17 (1309), Tôn giả theo hầu Pháp Loa theo lời phó chúc của đức Điều Ngự, Tôn giả vâng mệnh trụ trì chùa Vân Yên trên núi Yên Tử. Do Tôn giả đa văn uyên bác học, tinh thâm đạo lý nên học đồ bốn phương nghe danh tụ hội về tham vấn thường xuyên rất đông. Tôn giả phụng chiếu thường đi giảng kinh dạy học các nơi và soạn truyền kinh sách Phật học, cho khắc in nhiều bản để truyền bá trong dân. Vua Trần đã từng khen "Các sách vở nói về đạo Phật do chính Huyền Quang viết ra không nên thêm bớt một chữ nào". Những khoa giáo trong nhà Thiền đều phải qua tay Ngài cả.

Ngày 15 tháng Giêng năm Quý Sửu (1313), vua Anh Tông mời Tôn giả về kinh ở chùa Báo Ân giảng kinh Lăng Nghiêm. Sau đó, Tôn giả dâng chiếu xin về quê thăm cha mẹ, nhân đây Ngài lập ngôi chùa để hiệu là Đại Bi Tự.

Tôn giả trở về chùa Vân Yên khi ngài đã 60 tuổi. Nhà vua muốn thử lòng Tôn giả nên cho Thị Bích là một cung nhân tìm cách gần gũi Tôn giả, song Thị Bích về tâu dối với vua. Vì thế Tôn giả bị tai tiếng. Nhưng sau cuộc lễ chuẩn tế của Tôn giả, thấy những sự linh nghiệm lạ thường, nhà vua hết nghi ngờ. Vua liền phạt Thị Bích làm kẻ nô bộc quét chùa trong cung Cảnh Linh ở nội điện.

Năm 1330, tại chùa Quỳnh Lâm, Pháp Loa lấy áo Cà sa của đức Điều Ngự Trần Nhân Tông cùng với bài kệ Tâm ấn trao cho Huyền Quang Tôn giả thừa kế nối dòng Thiền phái Phật giáo Trúc Lâm làm vị Đệ Tam Tổ. Sau đó, Huyền Quang Tôn giả trụ trì chùa Côn Sơn, mở mang chùa cảnh, lập đài Cửu Phẩm Liên Hoa, mở rộng Tăng viện Kỳ Lân... Ngài viên tịch tại chùa Côn Sơn ngày 23 tháng Giêng năm Giáp Tuất (1334) thọ 84 tuổi. Vua Trần Minh Tông cấp ruộng để thờ cúng, cấp 10 lạng vàng để xây tháp mộ phía chân núi sau chùa, ban thụy là *"Trúc Lâm Thiền sư Đệ tam đại"*.

Huyền Quang Tôn giả đã soạn các kinh sách như *"Thích khoa giáo"*, *"Chư phẩm kinh"*, *"Công văn tập"*... Ngài còn sáng tác nhiều bài kệ và thơ thể hiện tình cảm gắn bó với thiên nhiên, với đạo với đời và tư tưởng triết lý thiền rất sâu sắc.

THIỀN SƯ HUYỀN QUANG VỚI THIỀN PHÁI TRÚC LÂM

Như chúng ta đã biết, Phật giáo Trúc Lâm là một nền Phật giáo độc lập, uy tín tinh thần của nó là uy tín tinh thần quốc gia Đại Việt, nó là xương sống của một nền văn hóa Việt Nam tự chủ. Nền văn hóa này tuy có tiếp nhận những ảnh hưởng của Phật giáo Trung Hoa và Ấn Độ nhưng vẫn giữ cá tính đặc biệt của mình. Đặt trong tương quan giữa Phật giáo và văn hóa dân tộc, dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử có một vị trí đặc biệt trong việc mở rộng hoằng dương Phật pháp giữa chúng sinh mọi người đều giảng kinh sách cho Phật tử. Qua thi kệ bằng chất liệu thiền đã đi sâu biện giải mối quan hệ giữa *"hữu"* và *"vô"*, giữa *"thân"* và *"tâm"*, đề cao bản ngã chủ thể *"nghiệp lặng"*, *"an nhàn thể tính"*, *"tự tại thân tâm"*, *"sống giữa cõi trần hãy tùy duyên mà vui với đạo"*; đồng thời coi trọng cuộc sống thực tại, cảnh tỉnh lối tu hành cực đoan, cố chấp: Ai trói buộc chi, tìm giải thoát - khác phàm đâu phải kiếm thần tiên,...

Nối tiếp Trần Nhân Tông đệ nhất tổ, ngài Pháp Loa đệ nhị tổ, Thiền sư Huyền Quang đệ tam tổ để lại hơn 20 bài thơ chữ Hán, một bài phú vịnh chùa Vân Yên bằng chữ nôm cho thấy nghệ thuật sử dụng chữ nôm của Thiền sư làm cho văn hóa, ngôn ngữ đã có bước tiến rõ nét, trở nên dung dị, dễ hiểu: Buông niềm trần tục - Náu tới Vân Yên - Chim thụy dõi tiếng ca chim thụy - Gió tiên đưa đòi bước thần tiên. Thiền sư Huyền Quang còn soạn nhiều sách giảng giải kinh điển Phật học hướng dẫn việc tu hành mong mọi người tu sao mau thành chính quả. Cùng với phú *"Cư trần lạc đạo"* của Trần Nhân Tông, bài *"Chùa Diệu Hựu"* hay bài thơ *"Am Yên Tử"* của Thiền sư Huyền Quang cho chúng ta thấy tinh thần phóng khoáng thể nhập chân như, tự tại thân tâm của người giác ngộ giải thoát. Nếu nói đức Điều Ngự Trần Nhân Tông là người khởi xướng thiền phái Trúc Lâm thì Thiền sư Huyền Quang là người góp phần làm hoàn thiện và quảng bá cho thiền phái này ngày càng phát triển và mở rộng. Những bài giảng đạo thuyết pháp của Thiền sư Huyền Quang là những bài học đạo đức, khuyên răn con người hướng thiện đã đến với muôn dân, đã được khắc in và truyền lại cho hậu thế. Những tác phẩm của Trúc Lâm Tam Tổ đã trở thành những giá trị tinh thần dân tộc, vừa là di sản văn hóa của cha ông, vừa là những áng văn thơ còn mãi với thời gian, nhiều chuyên ngành khoa học xã hội như lịch sử tư tưởng, triết học, văn học, tôn giáo văn hóa, ngôn ngữ... đều có thể tìm đến khai thác các văn bản này. Trên phương diện văn hóa vật thể, dấu tích những ngôi chùa, tháp, am, đường tùng, trúc, suối giải oan, vườn ngự dược, tượng đá Am Kỳ Sinh, chùa Đồng trên đỉnh núi hợp thành một quần thể sống động giữa nơi non cao rừng thẳm.

Khi nói đến thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là nói đến Đức Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang *(Tam tổ Trúc Lâm)* đã đi vào tiềm thức của người dân

Côn Sơn ngày hội. Ảnh: Phùng Anh Tuấn

Việt. Mặc dù khả năng tiếp nhận và sự đánh giá có khác nhau nhưng ngay cả các nhà nho nổi tiếng như Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn, Ngô Thì Nhậm... đều đánh giá rất cao thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và Phật học nói chung. Đến ngày nay, danh phái Trúc Lâm đã được đặt tên cho nhiều ngôi chùa, thiền viện khắp trong Nam ngoài Bắc và mở rộng sang cả các nước Pháp, Mỹ, Canada, Australia, Italia, Ukraina... Tên tuổi của Thiền sư Huyền Quang vẫn sẽ còn mãi mãi gắn với thiền phái Trúc Lâm trong thời gian và không gian vô tận.

THIỀN SƯ HUYỀN QUANG VỚI LỄ HỘI CÔN SƠN

Chùa Côn Sơn là 1 trong 3 trung tâm của thiền phái Trúc Lâm cùng với Yên Tử và chùa Quỳnh Lâm ở Quang Ninh. Nơi đây đã gắn bó với tên tuổi và sự nghiệp của nhiều danh nhân đất Việt như: Trần Nguyên Đán, thiền sư Huyền Quang và người anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Trãi. Thiền sư Huyền Quang đã trụ trì tu hành và viên tịch ở đây. Sau khi thiền sư Huyền Quang mất, vua Trần Minh Tông đã cho xây Đăng Minh Bảo Tháp và từ đó đến nay ngày mất của thiền sư Huyền Quang dần trở thành ngày Hội Xuân Côn Sơn.

Hằng năm theo lệ cổ vào ngày mất của Đức thánh Trần Hưng Đạo *(20 tháng 8 âm lịch)* và ngày viên tịch của thiền sư Huyền Quang *(23 tháng Giêng âm lịch)* Triều đình đều cử các quan đại thần, các quan phủ, trấn vùng lân cận về dự tế, lễ cầu quốc thái dân an. Nhân dân và Phật tử xa gần nô nức hành hương về trảy Hội Côn Sơn - Kiếp Bạc, tưởng niệm các bậc vĩ nhân. Chính thức lễ hội bắt đầu từ ngày 15 tháng Giêng đến ngày 23 tháng Giêng thì kết thúc. Cái thu hút hấp dẫn khách thập phương vì Côn Sơn là một vùng danh lam cổ kính nổi tiếng. Từ 600 năm trước, Nguyễn Phi Khánh *(thân phụ Nguyễn Trãi)* đã mô tả: *"Khói đầu non, ráng ngoài đảo, gấm vóc phô bày, họa dọc suối, cỏ ven rừng, biếc hồng phất phới, bóng mát để nghỉ, chỗ vắng để ngồi, mùi thơm để ngửi, sắc đẹp để xem. Phàm những hình ảnh trong mát hợp với tai mắt người ta ở đây đều có cả"*. Nguyễn Trãi sau đó cũng mô tả bằng thơ:

"Côn Sơn suối chảy rì rầm

Tai nghe như tiếng đàn cầm bên tai".

Côn Sơn tức núi Kỳ Lân, hay tên dân gian quen

gọi là núi Hun cao gần 200m, dài trên 1km; chùa Côn Sơn cũng có tên là chùa Hun. Ngày xưa dân trong vùng thường lên núi lấy củi mang xuống chân núi gần chùa đốt than, quanh chùa khói luôn nghi ngút nên gọi là chùa Hun, nay thuộc xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chùa được xây dựng vào thế kỷ 13. Đến giữa đầu thế kỷ 14 chùa được thiền sư Huyền Quang trụ trì với quần thể giếng ngọc, bàn cờ tiên và thạch bàn trong khu di tích càng làm cho chùa Côn Sơn trở nên hoành tráng, thơ mộng và đẹp đẽ. Đến thế kỷ 17 - 18, chùa được trùng tu mở rộng và mấy năm gần đây được tôn tạo lại rất khang trang. Di tích Côn Sơn đã được Nhà nước xếp hạng cấp Quốc gia ngay từ đợt đầu tiên (1962) và đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và đọc bia về Nguyễn Trãi.

Đền Kiếp Bạc thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo cũng nằm trong quần thể di tích danh thắng Côn Sơn càng làm cho dải đất thiêng liêng lộng lẫy, tạo nên một vùng văn hóa tâm linh với lễ hội truyền thống để tưởng nhớ công ơn những bậc vĩ nhân đã có công giúp dân giúp nước.

Trải qua trên 700 năm tồn tại và phát triển, lễ Hội Côn Sơn - Kiếp Bạc trở thành là nơi *"Quốc lễ"* của đất nước, là lễ hội truyền thống không thể thiếu trong đời sống tâm linh người Việt. Ngày nay nhiều hình thái văn hóa phi vật thể trong các lễ hội đã được bảo lưu, trình diễn đặc sắc và hấp dẫn như tế, rước bộ, hội quân, lễ mộc dục, lễ cầu an và nhiều hình thức sinh hoạt tín ngưỡng đáp ứng các nhu cầu tâm linh: cầu duyên, cầu tự, cầu con, cầu sức khỏe, cầu tài, cầu lộc... mong được Thần, Phật chứng tâm độ cho thỏa nguyện, đó là thuần phong mỹ tục lâu đời góp phần làm nên bản sắc văn hóa đa dạng và tốt đẹp của dân cư đồng bằng Bắc bộ.

Giờ đây, qua năm tháng phôi phai, thiên nhiên môi trường ở đây đang xuống cấp nghiêm trọng. Dù cảnh quan có đổi thay, con người cũng trở nên vô tình với thiên nhiên hơn nhưng khí thiêng hồn xưa vẫn còn đó, Côn Sơn cũng phải cố gắng giữ lại và phục dựng những gì đã có: có bóng mát để nghỉ, chỗ vắng để ngồi, mùi thơm để ngửi, sắc đẹp để xem. Tiếng suối reo xa vời mà hư không, sâu thẳm mà yên lặng, hợp với tai mắt và tâm hồn con người chúng ta. Muốn làm được như vậy phải xã hội hóa công tác bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa của di tích, phải có kế hoạch dài hơi, phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa ngành Văn hóa với Tài nguyên - Môi trường và Du lịch để cùng giữ gìn bảo tồn và phát triển di tích lễ hội Côn Sơn.

Lễ hội truyền thống Côn Sơn - Kiếp Bạc là nét văn hóa đặc sắc của nhân dân tỉnh Hải Dương nói riêng và nhân dân khu vực đồng bằng Bắc bộ nói chung tôn vinh công đức to lớn của các anh hùng dân tộc, giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc cho các thế hệ người Việt Nam chúng ta; cần phải được giữ gìn và phát huy đúng với giá trị của nó.

4. VIÊN ÂM

Ngày 1/12/1933, nguyệt san **Viên Âm** - cơ quan hoằng pháp của Hội An Nam Phật học *(Hội Phật học Trung Kỳ)* ra số đầu tiên. Ban Biên tập gồm 2 Chứng minh Đạo sư là Hoà thượng Giác Tiên, trụ trì chùa Diệu Đế; Hoà thượng Giác Nhiên, trụ trì chùa Túy Ba và cư sĩ Lê Đình Thám. Chủ nhiệm là Chánh Hội trưởng Nguyễn Đình Hòe, Chủ bút là bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, Quản lý là cư sĩ Tráng Đinh, tòa soạn đặt tại số 113 (5) đường Champeau *(tức đường Hà Nội hiện nay)*, TP Huế *(từ 1940 là Route Nam Giao, Huế)*, in tại nhà in Viên Đế, Huế. Tạp chí có khổ 145 x 220 mm, dày từ 62 đến 70 trang *(từ năm 1939 trở đi chỉ có 31 - 34 trang)* trong đó thường có 4 - 5 trang quảng cáo.

Về nội dung: 2 số đầu tiên chỉ có 4 mục: 1. Như thị pháp; 2. Biệt khai phương tiện; 3. Sự tích; 4. Tiêu tức.

Từ số 3 trở đi có thêm mục Quyển đầu ngữ, thành ra 5 mục, chia ra như sau:

- Quyển đầu ngữ do **Viên Âm** phụ trách;

- Như thị pháp gồm Luận đàn *(giải nghĩa về Luận)*; Diễn đàn *(đăng lại 2 bài giảng ở chùa Từ Quang)*; Chư kinh giảng nghĩa *(giảng Tâm kinh và kinh Lăng Nghiêm)*.

- Biệt khai phương tiện: gồm Thế gian thuyết *(đăng bài nghị luận của một tác giả nào đó)*; Phật học dị giải *(Giảng giải về các vị Bồ tát)*; Thi lâm *(đăng thơ nói về đạo Phật)*; Phiến não tức Bồ đề *(truyện khôi hài ngắn của Cửu Giới)*.

- Sự tích đức Phật Thích Ca rất dài, đăng từng kỳ và tiếp theo.

- Tiêu tức đăng tin tức Phật sự các nơi và *"Thư tín vãng lai"*.

Các tiểu mục có thể thêm bớt ở số này số khác, nhưng 5 mục lớn không thay đổi.

Có lẽ do khả năng tài chính hoặc đội ngũ cộng tác viên viết bài không đủ, có lúc không có giấy mà **Viên Âm** ra thất thường: kể từ ngày ra số đầu tiên (1/12/1933) đến ngày đình bản, **Viên Âm** chỉ ra được 78 số [1], nghĩa là có lúc 4 - 5 tháng mới ra một số.

Trong 78 số **Viên Âm** xuất bản từ năm 1935 đến năm 1945, có 19 bài của 10 cây bút nữ là Sa di ni và Tỷ khiêu ni như Huệ Tâm, Diệu Phước, Diệu Không, Diệu Viên, Diệu Hường...

Các cây bút chủ lực ban đầu có Thích Mật Khế, Thích Giác Nhiên, Tâm Minh...

Có thể nói Tâm Minh Lê Đình Thám *(với các bút danh: TM, Ba Rãm, Châu Hải, Tâm Minh, Tâm Trực, Tâm Lực)* là linh hồn của tờ báo. Trong các số đầu của **Viên Âm**, ông viết cả truyện ngắn *(Câu chuyện ông Chài)*, truyện dài *(Biển ái sóng dồi, Cô*

Tuệ thể hiện Phật giáo nhân gian, mà đi tiên phong trong việc này ở Trung Kỳ là lễ thành hôn của con gái đạo trưởng Lê Đình Thám là cô Lê Thị Tâm Mẫn đẹp duyên cùng thầy Hoàng Văn Tấm được tổ chức tháng 8/1940. Bài báo tường thuật: *"Hôm đó tại giảng đường chùa Hội quán tỉnh Thừa Thiên trang hoàng rất lộng lẫy. Hơn 7 giờ tối, người đi xem rất đông, giảng đường không đủ chỗ. Hội viên đến dự phần đông đều mặc áo mầu. Đúng 8 giờ, hai họ cùng đến. Hai người đi đầu cầm đèn, tiếp nhiều người sau mang hoa quả đến lễ Phật và một cái hộp trong đựng hai cái nhẫn. Vào trước án Phật, hai họ dãn ra hai bên, đôi trai gái dâng hai bó hoa yết Phật. Một vị Tăng già chứng minh, niệm hương xong thì hai bên chủ hôn lễ Phật. Kế tiếp các thầy kinh sư cùng hội viên tán bài"Lư hương", tụng Đại Bi và niệm danh hiệu Phật Thích Ca. Tiếng niệm Phật dứt thì thầy Chứng minh xướng sớ, thầy Công văn đọc sớ, chủ hôn hai bên làm lễ, sớ xong thì tụng chú Tiêu tai bảy biến. Tiếp đến cặp tân hôn lễ Phật rồi quì xuống hai bên và thầy Chủ sám dạy qua các bổn phận trong gia đình và trao chiếc nhẫn cho đôi vợ chồng mới đeo vào tay. Hai người lễ tạ Phật và đứng lui. Khi ấy các thầy kinh sư và hội viên tán bài "nguyện tiêu tâm chướng"... và tiếp tam tự qui. Lễ tất. Xong, họ ra về và tất cả hội viên đều đến nhà đạo trưởng dự tiệc trà và xem pháo bông".*

Viên Âm số 18 ra tháng 11 và 12/1935 có bài "Một bức thư dài xin hỏi báo **Viên Âm**" của ông Thượng Sơn. Thực chất đây là bài phê bình báo **Tiếng Chuông Sớm** khi đăng cuốn tiểu thuyết Nam Du Ký do Mộng Vân Nguyễn Trung Như dịch (đăng từ số 2) có đoạn "...

Báo chí Phật giáo những năm 1932 - 1936

(TIẾP THEO KỲ TRƯỚC)

● NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG

Ba Liễu). Từ số 5 *(ra ngày 1/4/1934)* theo yêu cầu phổ biến giáo lý ông đã bỏ 2 mục trên và chỉ giữ lại mục Câu chuyện Khôi hài *(Phiền não tức Bồ đề)*, tức là câu chuyện của chú tiểu Cửu Giới. Cũng trên Viên Âm, Lê Đình Thám đã cho đăng các thiên khảo luận về Phật học như Kết sinh tương tục luận, Chân Như..., dịch và chú giải Kinh Lăng Nghiêm, kinh Ưu Bà Tắc, Phật học cương yếu[2]

Viên Âm có 3 bài ủng hộ đề xuất tổ chức lễ kết hôn nơi cửa Phật của Nguyễn Trọng Thuật đăng trên **Đuốc** *chợt đến Tây phương chư Phật, có Quan Thế Âm Bồ tát dâng cái toà sen tâu rằng: muôn tâu Ngọc Đế, cái phép báu này của thần...".* Thượng Sơn cho rằng dịch như vậy là phỉ báng Phật pháp vì Ngọc Đế tuy là bậc đế vương nhưng chỉ ở trong tam giới lại ở trong cõi thấp và chỉ có sơ thuyền mà thôi, không thể so sánh với các vị Nhị thừa thánh nhân và các vị Bồ tát. Tác giả cũng phê phán bài Tại sao đừng giới thiệu Niết Bàn tạp chí của cư sĩ Thanh Tâm đăng trên Tiếng Chuông Sớm số 19 là *"ông không biết thế nào là con đường giải thoát, thế nào là ngoại đạo cả"* theo cư sĩ thì: *"Đạo là chỗ ở chính*

giữa còn bốn phương là mỗi nhà tôn giáo như Phật giáo, Thiên chúa giáo, Bà la môn giáo, Lão giáo... để dẫn người đi đến đạo. Suy nghĩ cho kỹ thì Phật giáo, Lão giáo, Bà la môn giáo, Thiên chúa giáo, hay Thông Thiên học giáo cũng đều là mục đích như nhau". Viên Âm sau khi tiếp được bức thư trên đã có ý kiến như sau: *"Lời chỉ trích của ông Thượng Sơn rất đúng chánh pháp, chúng tôi trông mong Toà soạn Tiếng Chuông Sớm để ý xem xét những bài lai cảo để cho khỏi tội tuỳ hỉ và khỏi phụ đạo tâm của các độc giả"*.

Ngoài ra **Viên Âm** có những bài tranh luận về Cái Hồn, về Tây phương Cực lạc, Tịnh độ, Phật giáo với khoa học, về chấn hưng Phật giáo...

Sau ngày Tâm Minh thành lập Đoàn Thanh niên Phật học đức dục (PHĐD), ông đã mạnh dạn giao việc biên tập cho các đoàn viên và sử dụng tờ báo này để đào tạo một thế hệ Phật tử mới. Từ số 53 ra tháng 10/1942 trở đi, **Viên Âm** có sự đổi mới. Hầu hết mọi bài vở đều do các đoàn viên Đoàn PHĐD viết nhằm vào đối tượng trẻ lúc đó đang tích cực tham gia phong trào Hướng đạo sinh và say mê văn chương Tự lực văn đoàn cho nên văn phong của họ mới mẻ, ngắn gọn, dễ hiểu. Lại có thêm một phần bằng tiếng Pháp viết về *"Practique de la Méditation"*, giới thiệu về Thiền thực hành cho giới tân học. Đội ngũ cộng tác viên của **Viên Âm** lúc này khá hùng hậu. Có những kỹ sư, giáo sư, bác sĩ và những người am tường Phật học như Ngô Điển, Nguyễn Hữu Quán, Lê Hữu Hoài, Phạm Hữu Bình, Ngô Đổi, Võ Đình Cường, Hà Thị Hoài, Hoàng Kim Hải, Nguyễn Khải, Đinh Văn Vinh trong Đoàn Phật học Đức dục, có các học sinh trường An Nam Phật học như Võ Trọng Tường, Phương Danh, Nguyễn Chính... có nhiều người sinh hoạt cả trong Đoàn PHĐD lẫn trong Đoàn Hướng Đạo sinh. Phạm Hữu Bình là một trong những người có kiến thức giáo lý khá hơn cả. Ông đã viết về Duy thức đăng trên nhiều số **Viên Âm**.

Báo **Viên Âm** được truyền bá ra các tỉnh tới Hà Nội, vào Sài Gòn. Riêng ở Huế và tỉnh Thừa Thiên báo về tới Khuôn hội Tịnh Độ, cho nên việc Hoằng pháp được phổ biến rộng rãi.

Từ năm 1943, do gặp khó khăn về giấy, Tâm Minh Lê Đình Thám nhờ Thiều Chửu ở Hà Nội giúp đỡ, từ đó việc in ấn **Viên Âm** do Nhà in Đuốc Tuệ của Hội Phật giáo Bắc Kỳ đảm nhận.

Viên Âm đình bản vào tháng 8/1945. Như vậy kể từ ngày ra số đầu tiên (1/12/1933) đến ngày đình bản nguyệt san **Viên Âm** ra được 78 số, trong đó có những số ghép 2 tháng làm một như số 55 + 56, 60 + 61, 75 + 76 v.v...

5. TẬP KỶ YẾU

Ngày 10/5/1935, trong Đại hội đồng thường niên Hội Phật giáo Bắc Kỳ giao cho ông Trần Trọng Kim, Trưởng ban Trước thuật chuẩn bị xuất bản nguyệt san **Kỷ Yếu** để ghi chép việc Hội hằng tháng và đăng các bài diễn thuyết của chư Tăng cùng cư sĩ.

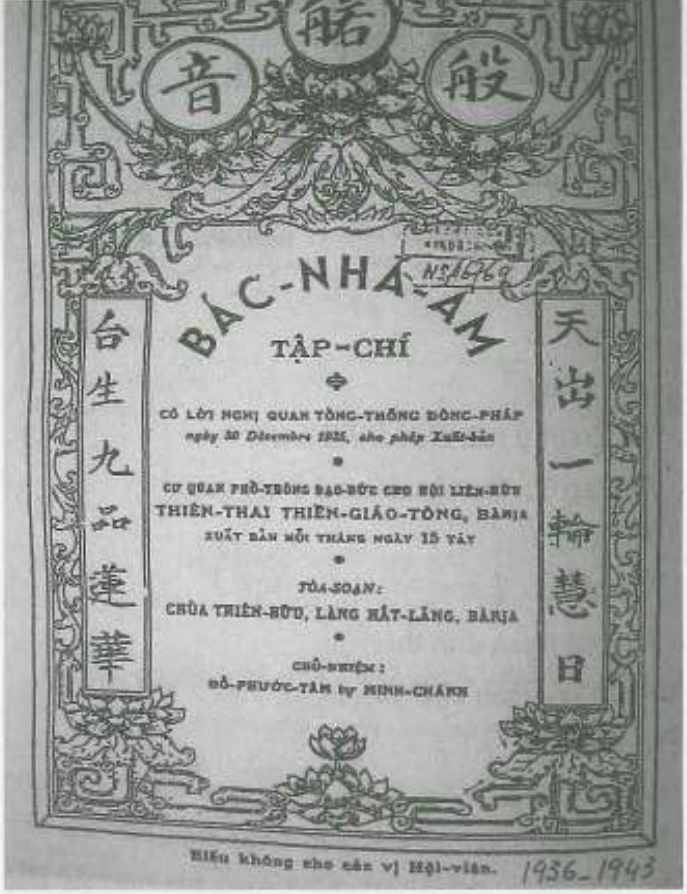

Ngày 7/6, Ban Quản trị Trung ương Hội họp, quyết định về việc phát hành Tập **Kỷ Yếu** như sau: Việc phát hành ở Trung ương sẽ giao cho tùy phái đem đi phát hành từng nhà, ở các địa phương thì giao về cho các Đại biểu phát sau. Tập **Kỷ Yếu** phát không cho các hội viên Tán trợ, Vĩnh viễn và Chủ trì.

Tháng 5/1935, nguyệt san **Kỷ Yếu** do Tiến sĩ Nguyễn Văn Bân làm Chủ bút ra số đầu tiên có 56 trang khổ 140 x 200 mm, in tại nhà in báo Trung Bắc Tân văn của ông Nguyễn Văn Vĩnh, một hội viên sáng lập Hội Phật giáo Bắc Kỳ. Nội dung **Kỷ Yếu** số 1 sau Lời nói đầu có:

- Bài chúc từ của Chánh Hội trưởng đọc khi tiếp sư tổ Vĩnh Nghiêm ở chùa Quán Sứ ngày 17/1 năm Giáp Tuất (23/12/1934); Bài trả lời của sư tổ Vĩnh Nghiêm;

2. Mục đích Hội Phật giáo của ông Dương Bá Trạc *(giảng tại chùa Quán Sứ ngày Phật đản 8/4 năm Ất Hợi tức 10/5/1935);*

3. Phật tổ tôn thống và phân thế tu hành của sư cụ Bình Vọng *(tức Hòa thượng Phan Trung Thứ giảng tại chùa Quán Sứ, ngày 7 tháng Giêng năm Ất Hợi tức 10/2/1935);*

4. Mười chín biên bản ghi chép công việc của Hội từ tháng 11/1934 đến tháng 4/1935;

5. Tin tức các hội viên quá cố.

Tập **Kỷ Yếu** số 2 và 3 ra tháng 7/1935 dày tới 106 trang, có 6 bài viết của các sư ông Đỗ Trân Bảo *(Kính cáo Tăng già)*, sư cụ Tế Cát *(Thân là gốc khổ)*, các ông Dương Bá Trạc *(Những nghĩa chân chính trong đạo*

Phật), Hoàng Hữu Đôn *(Phật giáo khải quan)*, Nguyễn Thiện Chính *(Tôn chỉ đạo Phật)*, Nguyễn Can Mộng *(Sám hối)* xung quanh chủ đề Chấn hưng Phật giáo và 7 biên bản ghi chép công việc của Hội trong 2 tháng 5 và 6/1935.

Đáng chú ý là ngay trang đầu của **Kỷ Yếu** đã đăng Lời tuyên bố cùng các giáo hữu:

*"Gần đây bản Hội có tiếp được thư của nhiều giáo hữu hội Phật giáo hỏi báo **Tiếng Chuông Sớm** có phải là báo của hội Phật giáo xuất bản không? Vậy xin có lời tuyên bố cùng các giáo hữu trong Hội Phật giáo biết rằng: báo **Tiếng Chuông Sớm** là báo riêng của Sư chùa Bà Đá, Hà Nội, không có quan hệ gì với Hội Phật giáo ta cả.*

*Hiện nay Hội Phật giáo ta đã xuất bản Tập **Kỷ Yếu**, rồi cứ mỗi tháng ra một kỳ, để biếu không các hội viên trong hội Phật giáo".*

Kỷ Yếu dành 3 trang đăng tin thành lập 9 Ban Đại lý địa phương đầu tiên của Hội Phật giáo *(tỉnh Hưng Yên; huyện Mỹ Hào, Hưng Yên; tỉnh Hải Dương; tỉnh Thái Bình; tỉnh Nam Định; tỉnh Kiến An; Thành phố Hải Phòng; tỉnh Ninh Bình; huyện Hoàn Long, Hà Đông)*.

Tập **Kỷ Yếu** số 4 ra tháng 8/1935 dày 51 trang. Trang đầu tiên đăng danh sách Danh dự Hội trưởng, Danh dự Hội viên người Pháp và người Nam; sáng lập Hội trưởng là ông Nguyễn Năng Quốc; Thuyền gia Pháp chủ là cụ Nguyễn Thanh Đàm, pháp danh Thanh Hạnh, Sư tổ chùa Vĩnh Nghiêm, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Tiếp theo **Kỷ Yếu** đăng 2 bài diễn giảng tại chùa Kỳ Bá tỉnh Thái Bình của sư ông Tín *(Tôn chỉ hội Phật giáo và giáo lý của đạo Phật)*, và Bồi Nguyên Bùi Đức Triệu *(Những nghi điểm của thế gian đối với Phật giáo)*; Bài Thuyết không gian và thời gian của đạo Phật của Lê Toại giảng tại chùa Quán Sứ; sau đó là hai bài kệ lễ Phật của ông Nguyễn Hữu Kha *(Kệ Dâng hoa, Kệ Dâng hương)*; Bài Khánh chúc ngày Phật đản của Đồ Nam Tử Nguyễn Trọng Thuật và truyện Phật độ một ông già của sư Trí Hải. Cuối cùng là 3 biên bản ghi chép công việc của Hội trong tháng 7/1935 và tin 2 Ban Đại lý Phật giáo mới của Hội Phật giáo thành lập trong tháng này *(tỉnh Bắc Ninh; phủ Bình Giang, tỉnh Hải Dương)*.

Tới tháng 9/1935 nguyệt san **Kỷ Yếu** đình bản sau khi ra được 4 số để chuẩn bị cho tuần báo **Đuốc Tuệ** ra số đầu tiên.

6. DUY TÂM PHẬT HỌC

Duy Tâm Phật học là cơ quan hoằng pháp của Hội Lưỡng Xuyên Phật học, ra hằng tháng. Số đầu tiên ra tháng 10/1935. Sau đổi là **Duy Tâm** tạp chí. Chủ nhiệm là Trần Huỳnh, quản lý là bác sĩ Nguyễn Văn Khoẻ; toà soạn đặt tại chùa Đông Phương, tỉnh Trà Vinh. In tại nhà in Uynion, sau là Hồng Phát; khổ: 240 x 155 mm. Nội dung của **Duy Tâm** khá phong phú, có nhiều bài viết về phong trào chấn hưng Phật giáo, viết về giới nữ tu.

Tạp chí khởi dịch từ các kinh Ưu Bà Tắc Giới và Quán Vô Lượng Thọ Phật.

Duy Tâm có nhiều bài kêu gọi chấn hưng Phật giáo như: Luận về Chấn hưng Phật giáo của Thích tử Thiện Quả ở Takeo *(số 5, 6, năm 1936)*; Chấn hưng và tương lai Phật giáo của Lê Văn Xuân; Ý nghĩa Chấn hưng Phật giáo *(Thành Tâm)*, Phật giáo vì sao phải chấn hưng của Bác sĩ Nguyễn Văn Khỏe, Phó Hội trưởng Hội Lưỡng Xuyên Phật học ngày 9/4/1938. Bài Muốn Chấn hưng Phật giáo, đào tạo tăng tài thì phải cải cách cựu thời Phật giáo, làm theo tân thức Phật giáo của Cố Đạo Trân, *(đăng trên 2 số Duy Tâm liên tiếp)* chỉ rõ 10 điểm:

1. Phật hóa là tích cực, chớ không phải là tiêu cực;
2. Phật hóa hoạt động, không phải nhàn tịnh;
3. Phật hóa nhập thế, không phải xuất thế;
4. Phật hóa thực hiện, không phải là lý tưởng;
5. Phật hóa lao động, không phải an dật;
6. Phật hóa bình đẳng, không phải giai cấp;
7. Phật hóa lợi tha, không phải tự lợi;
8. Phật hóa hợp quần, không phải cá nhân;
9. Phật hóa giải phóng, không phải thúc phược;
10. Phật hóa hoạt bát, không phải chấp trị.

Thực hiện chủ trương thống nhất Phật giáo Nam Kỳ, tiến tới tổ chức thống nhất Phật Giáo Việt Nam của Hội Lưỡng Xuyên Phật học, **Duy Tâm** số 25 ra ngày 1/10/1937, đăng bài của Hoà thượng Huệ Quang khởi xướng việc thành lập Phật giáo Tổng hội. Theo ngài Huệ Quang, mỗi Hội đều công cử 2 người đại biểu *(1 nhà sư, 1 cư sĩ)* để đi dự hội thương thuyết

thế cho tất cả hàng hội, đến kỳ nhóm đại hội *"Phật học Tổng hội"* của 3 kỳ. Đại hội này nên họp ở Trung Kỳ. Đại hội sẽ công cử 6 Ban giúp việc sau:

1. Ban Kiểm duyệt để kiểm duyệt các Kinh, Luật, Luận trước khi xuất bản và các Kinh, Luật, Luận bấy lâu đã dịch thành quốc âm lưu hành trong xứ, nên đem ra công lăm phê bình cho đúng với tinh thần Phật lý.

2. Ban Đạo sư giáo dục. Chỉnh đốn các giáo viên, Pháp sư và chứng kiến cho cấp bằng để dạy cho các trường Thích học và thuyết pháp; Thảo chương trình giáo dục ban bố cộng đồng cho các trường Thích học: Đại học, Trung học, Tiểu học. Trường nào mấy năm nay dạy kinh, luật chi; Xuất bản Phật học giáo khoa để dùng trong các trường Đại, Trung, Tiểu và các chùa.

3. Ban Luật sư đi kiểm soát các Hội, các chùa, các lớp Hạ... ở 3 kỳ.

4. Ban Giảng sư để thuyết pháp.

5. Ban Hộ pháp.

6. Ban Thanh tra.

Về tài chính thì Hội nào dùng theo Hội ấy.

Duy Tâm các số tiếp theo đăng hàng loạt bài kêu gọi thành lập Phật giáo Tổng hội của Thái Không, Liên Tổ, Trị Giác. Đáng chú ý có bài Đôi lời thương xót cùng anh Giác Tha *(đăng liên tiếp 3 số)* của sư Thái Không phê bình bài của sư Thiện Chiếu công kích Hòa thượng Lê Khánh Hòa đăng trên Tiến Hóa số 12.

Duy Tâm cũng tham gia vào cuộc tranh luận Có hay không có Thượng đế tạo vật. Mở đầu là bài Phật giáo với thuyết Vũ trụ quan của cư sĩ An Giang đăng trên **Duy Tâm** số 5 ra tháng 2/1936, nhắc lại ý kiến của Phật tổ rằng đạo Phật không đặt vấn đề ai sáng tạo vũ trụ. Vũ trụ là không có khởi đầu, không có kết thúc *(vô thủy vô chung)*, vận động theo luật Nhân Quả vô cùng tận. Tiếp theo đó những số 6, 7, 8 *(tháng 3, 4, 5/1936)* đăng bài thuyết pháp của Hoà thượng Khánh Hòa tại Hội quán Hội Lưỡng Xuyên Phật Học nhân kỳ Đại hội đầu năm bàn về quan niệm vũ trụ và nhân sinh của Phật giáo. Số 24 (1/9/1937) có bài Thuyết sinh tử của Trường Tố cắt nghĩa nguồn gốc vũ trụ không phải bằng Thượng đế, mà bằng "Tứ đại" *(đất, nước, gió, lửa)* - cái thuyết phổ biến của triết học nguyên thủy Ấn Độ.

Duy Tâm là một tờ báo gây được nhiều uy tín trong giới Phật giáo miền Hậu Giang.

Duy Tâm số 53 - 54 là số cuối cùng ra ngày 6 tháng 7 năm 1943 thì đình bản vì không có giấy in.

(Còn nữa)

---

1. Trong khi đó từ 10/12/1935 đến 15/ 8 /1945 Đuốc Tuệ của Hội Phật giáo Bắc Kỳ ra được 258 số.

2. Đây gồm những bài dịch chứ không phải cuốn Phật học cương yếu của Tưởng Duy Kiều do Thiều Chửu dịch đăng trên Đuốc Tuệ từ năm 1944.

... Các bài viết của ông ngắn gọn, dễ hiểu thể hiện một căn bản Phật học vững chắc.

Vô thường nghĩa là không thường và còn có nghĩa là chuyển biến thay đổi. Luật vô thường chi phối vũ trụ, vạn vật, thân và tâm con người. Theo thuyết vô thường thì sự vật luôn luôn biến đổi không ngừng, không có gì là thường trụ, bất biến. Sự chuyển biến ấy diễn ra dưới 2 hình thức: Một là sự chuyển biến rất nhanh chóng, trong một thời gian hết sức ngắn ngủi mà Phật giáo gọi là *"Sát-na (Kshana) vô thường"*. Hai là sự chuyển biến diễn ra dài, trải qua nhiều giai đoạn Phật giáo gọi là *"nhất kỳ vô thường"*.

"Sát-na (Kshana) vô thường" là trạng thái chuyển biến nhanh chóng, liên tiếp, ngắn ngủi nên ta khó nhận ra. Kết quả của nó là gây ra sự vô thường thứ hai. *"Nhất kỳ vô thường"* là sự chuyển biến rõ rệt của mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới. Nó kết thúc một trạng thái cũ của sự vật, hiện tượng để chuyển chúng sang một trạng thái mới.

Mỗi sự vật, hiện tượng cụ thể đều có giới hạn, có sinh, có diệt theo chu trình: *"sinh, trụ, dị, diệt"* (đối với loại hữu tình) và *"thành, trụ, hoại, không"* (đối với loại vô tình). Tựu chung lại tức là mọi sự vật, hiện tượng đều sinh ra, tồn tại trong không gian, thời gian, hư hoại và tan rã. Như vậy, sự vật, hiện tượng xung quanh ta cho dù là một hành tinh có thể tồn tại suốt hàng triệu năm, một cây đại thụ sống hàng nghìn năm, một con vật sống được hàng chục năm, đến một bông hoa chỉ có thể tồn tại trong một ngày, song tất cả đều không thể nằm ngoài chu trình ấy.

Theo luật vô thường, không phải khi sự vật hình thành mới gọi là sinh, khi sự vật tan biến mới gọi là diệt mà từng phút, từng giây, từng *"Sat-na"*, vạn vật sống để mà chết và chết để mà sống. Sống, chết tiếp diễn liên tục với nhau bất tận như một vòng tròn. Phật giáo cho rằng mọi sự vật mất đi ở chỗ này là để sinh ra ở chỗ khác. Sự vận động, biến đổi của sự vật, hiện tượng diễn ra theo quy luật nhân - quả.

Ngay cả con người cũng vậy. Không những thân ta mà tâm ta cũng không ngừng chuyển biến. Có thể lúc này trong tâm ta nổi lên một ý niệm thiện nhưng chỉ sau một *"Satna"*, trong tâm ta đã có thể khơi lên một ý niệm ác. Sự chuyển biến của tâm như thế Phật giáo gọi là *"Tâm phan duyên"* hay còn gọi là cái tâm biết điều này, nghĩ điều khác. Tức là cái tâm vọng động do duyên với tiền trần mà có, mà luôn luôn thay đổi, chuyển biến.

Những người không biết đạo lý vô thường của Phật giáo, dẫn đến những nhận thức sai lầm về sự vật. Họ cho rằng sự vật, hiện tượng, là thường còn, là không thay đổi, không chuyển biến. Vì

Tìm hiểu về thuyết vô thường, vô ngã trong giáo lý PHẬT GIÁO

MINH HẢI
(Học viện chính trị)

"Vô thường", "vô ngã" là những thuyết cơ bản trong giáo lý Phật giáo. Đây cũng chính là cơ sở của phương thức sống, triết lý sống của các nhà tu hành và Phật tử tu dưỡng theo giáo lý nhà Phật.

nhận thức thân ta là thường còn nên nảy ra ham muốn kéo dài sự sống để hưởng thụ, để thoả mãn mọi dục vọng. Nhận thức sai lầm như thế Phật giáo gọi là ảo giác hay huyễn giác. Khi luật vô thường tác động đến bản thân thì con người không tránh khỏi quy luật *"sinh, lão, bệnh, tử"* và không hiểu luật vô thường sẽ sinh ra phiền lão, đau khổ.

Mặt khác, nếu hiểu đạo lý vô thường một cách nông cạn cũng sẽ dẫn đến sai lầm trong cách sống. Những người hiểu nông cạn đạo lý vô thường cho rằng chết là hết. Họ cho rằng đời người thật ngắn ngủi cho nên phải mau mau tận hưởng những thú vui vật chất, phải sống gấp, sống vội, cách nghĩ ấy sẽ dẫn họ đến một cuộc sống truy lạc, sa đoạ trong vũng bùn của ngũ dục, sống phiền não đau khổ không biết đâu là lối thoát.

"Vô ngã" nghĩa là không có cái *"ta"*. Theo thuyết vô thường thì cái *"ta"* cũng biến đổi không ngừng trong từng phút, từng giờ, từng Satna. Phật giáo cho rằng, con người không phải do một thượng đế hay một lực lượng thiêng liêng nào sinh ra. Con người cũng như các sự vật khác trong vũ trụ được tạo nên bởi danh và sắc, là sự hợp thành của yếu tố vật chất và yếu tố tinh thần hay nói một cách khác con người gồm hai phần

Ảnh: Phương Đông

là sinh lý và tâm lý *(cái thân xác ta và cái tâm ta)*. Cái *"ta"* sinh lý là hình tướng, là thân sắc *(sắc ấn)* được giới hạn trong không gian bằng xương, thịt, da. Theo Phật giáo, cái ta sinh lý là sự kết hợp của 4 yếu tố vật chất *(Thuỷ, địa, hoả, phong)*. Phần gọi là *"tứ đại"*. Phần tâm lý hay tinh thần, ý thức, [illegible] thu, tưởng, hành, thức được biểu hiện bằng *"Thất tình" (bảy lĩnh vực tình cảm: ái, ố, lo, hỉ, lạc, [illegible])*.

Theo Phật giáo, con người là một pháp đặc biệt của thế giới, do vậy cũng giống như mọi sự vật hiện tượng khác trong vũ trụ, không nằm ngoài quy luật sinh, trụ, dị, diệt. Con người thực chất là sự già hợp của ngũ uẩn. Khi ngũ uẩn kết hợp thì là ta, là sinh, khi ngũ uẩn tan rã thì không còn là ta, là diệt. Các yếu tố của ngũ uẩn cũng luôn biến hoá theo quy luật nhân - quả không ngừng. Con người không có cái *"tôi"* thường định, cái *"tôi"* hôm qua không còn là cái *"tôi"* hôm nay, chỉ có cái biến hoá không ngừng do sự chi phối của nhân duyên là tồn tại mãi mãi. Đó là cái *"vô thường"*, đó là con người mà Phật gọi là *"ngã" (Atman)* hay cái *"ta"* cũng chỉ là giả tưởng, không có thật tức là vô ngã. Con người tồn tại đó nhưng chỉ là ảo giả, tạm thời.

Thuyết vô ngã trong triết lý Phật giáo về con người có hạt nhân hợp lý khi xem xét con người là một pháp đặc biệt của thế giới, là hợp tan của ngũ uẩn. Con người là sự kết hợp giữa yếu tố vật chất và tinh thần chứ không phải do thần thánh sáng tạo ra, phần tinh thần được dựa trên cơ sở vật chất, đây là một quan điểm tiến bộ. Mặt khác, thuyết vô ngã làm cho không ai tin là có một linh hồn vĩnh cửu, tồn tại kiếp này sang kiếp khác, đời này qua đời khác. Nó giúp cho con người tránh những hành động mê tín bởi vì quan niệm có một linh hồn bất tử, một cái ta vĩnh hằng là nguồn gốc sinh ra những tình cảm, những tư tưởng ích kỷ, những tham dục vô bờ của những kẻ dựa vào sức mạnh phi nghĩa để làm lợi cho mình, tức là cho cái *"ta"* mà họ coi là thường còn, bất biến. Còn đối với những người bị hà hiếp, bị bóc lột thì sự mê tín có cái vĩnh cửu dẫn đến tư tưởng tiêu cực, chán đời phó mặc cho số mệnh, hi vọng làm lại cuộc đời ở kiếp sau.

Không hiểu đạo lý vô ngã, vô thường sẽ dẫn đến chấp ngã cho rằng có cái *"ta"* thường còn. Theo Phật giáo đây là nguồn gốc của vô minh mà vô minh là nguồn gốc của đầu mối luân hồi sinh tử, sinh ra đau khổ cho con người. Căn cứ trên hai thuyết vô thường và vô ngã, Phật đã xây dựng cho đệ tử một phương thức sống, một triết lý sống lấy vị tha làm lý tưởng cao cả cho cuộc sống của mình, hay nói cách khác một cuộc sống mà ở đó một người vì mọi người và mọi người vì một người. Đó là cách sống đẹp mà mỗi chúng ta phải không ngừng vươn tới vì một thế giới đại đồng, an lạc.

Để giải quyết câu hỏi này, chúng ta cần trả lời câu hỏi tại sao chúng ta trở thành Phật tử!

Sau khi đã trở thành Phật tử, có tam qui, ngũ giới rồi, người Phật tử phải sống ra sao để an lạc hạnh phúc? Việc giữ giới có khó hay không? Làm sao để giữ giới tốt mà không cảm thấy đó là những điều bắt buộc quá khó hay không thiết thực? Để giải quyết những vấn đề này, chúng ta phải trở về với những điểm thiết thực nhất cần thảo luận để làm rõ vấn đề. Đó là mục đích tu Phật và động cơ tu hành.

Với vấn đề mục đích tu hành, chúng ta phải biết vì sao chúng ta muốn tu tập. Có nhiều động cơ khác nhau dẫn người ta đến đạo Phật, mỗi người có một hoàn cảnh, một duyên nghiệp khác nhau khiến chúng ta tìm đến đạo Phật. Đạo là gì? Là con đường hay cách sống để có được một đời sống tốt đẹp, an toàn và hạnh phúc hơn. Giác ngộ chính là thấy ra bản chất của cuộc sống vốn tiềm ẩn một cái gì đó không ổn định và không đem đến một sự thỏa mãn tuyệt đối. Sự không thỏa mãn này tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, từ thô đến tế. Ở những nước kém phát triển, điều này rất dễ nhận thấy, nạn nhân mãn, thiếu hụt lương thực, đói, khát, nóng, lạnh, thiên tai, chết chóc, chiến tranh ở nhiều cấp độ khác nhau. Đó là những tồn tại dễ thấy nhất của khổ.

Ở những nước đang phát triển, sự cạnh tranh khốc liệt, đòi hỏi phải thay đổi, phải nâng cao trình độ nhận thức và nghiệp vụ không ngừng gây nên căng thẳng, chán nản, bực bội, thất vọng, nghi ngờ và ganh ty, thậm chí phẫn uất; chúng đều là những hình thức khác của khổ *(dukkha)* mà con người phải đối mặt hàng ngày. Ở những nước đã phát triển, điều kiện vật chất đã tương đối hoàn hảo, chiến tranh, thiên tai cũng xảy ra đâu đó không phải kề cạnh họ, phải chăng khổ không còn? Lúc này con người lại phải đối mặt với những vấn đề khác, là vấn đề bên trong, ngay trên thân thể chúng ta hay trong tâm hồn mỗi người, trong các mối quan hệ giữa những cá nhân trong gia đình và ngoài xã hội.

Không ai chọn được cha mẹ, quê hương, đất nước mà mình đã sinh ra, đây là một sự thật. Không ai chọn được chiều cao và dáng vẻ, đường nét trên thân thể và gương mặt mình. Ai cũng muốn mình xinh đẹp hơn, khoẻ mạnh hơn, thông minh hơn, đáng yêu hơn, và khi đã có rồi, chúng ta muốn chúng tồn tại mãi mãi, nhưng có ai không phải trải qua già, bệnh và chết? Đây là một sự thật mà không ai tránh khỏi, cho dù người đó sống ở bất cứ đâu trên thế giới này.

Tình cảm của chúng ta luôn thay đổi, khiến ta phải phải phấp phỏng lo sợ không biết những gì mà chúng ta đang có sẽ đi về đâu. Khi mất đi những gì mà ta cho là "của ta", chúng ta thất vọng, đau khổ, và thậm chí tuyệt vọng. Tình cảm thay đổi còn nhanh hơn cả thời tiết. Như vậy sự không thoả mãn tồn tại ở khắp mọi nơi, dưới nhiều hình thức và cấp độ, tuy nhiên, nhận ra nó hay không, và khi nhận ra nó rồi, chúng ta chấp nhận nó như một sự thật trong đời sống hay tìm cách trốn tránh,

Phật tử trong buổi lễ tại chùa Hoằng Pháp
Ảnh: Thích Giác Thông

Người Phật tử TU ĐIỀU GÌ?

● Tỷ khiêu NGUYÊN HƯƠNG

che đậy nó bằng nhiều thứ khác để có được cảm giác an toàn giả tạo?

Để giải quyết những vấn đề trên, chúng ta cần phải biết nguyên nhân của chúng, điều giác ngộ cần thiết phải có để loại trừ nguyên nhân của khổ. Có những vấn đề chúng ta có thể thay đổi được, hay tác động khiến nó phải thay đổi. Nhưng cũng có những thứ chúng ta không thể thay đổi được, và điều tốt nhất là chính chúng ta phải thay đổi để phù hợp hơn với hoàn cảnh sống. 1.300 năm trước, Santideva, một nhà sư ở Ấn Độ đã thốt lên: *"Làm sao ta có thể có đủ thảm da để che trọn mặt đất. Nhưng chỉ với đôi dép này ta có thể bảo vệ chân mình khỏi trầy xước" (trên đường đời đầy chông gai).* Đây chính là trí tuệ biết chấp nhận và hóa giải những khúc mắc trong cuộc sống.

Khác với những tôn giáo tin vào Thượng đế, Đức Phật nói rằng không có một nguyên nhân đầu tiên và duy nhất cho mọi hiện tượng. Mỗi cái đều là nhân cho một cái khác, và chính nó cũng chỉ là quả của một chuỗi các tiến trình nhân - duyên khác nhau. Như vậy nhân cũng là quả và quả cũng là nhân. Sau đây là một đoạn trích dẫn trong Trường Bộ Kinh, Câu hỏi của Thiên chủ Sakka liên quan đến vấn đề mà chúng ta đang thảo luận hôm nay. Cuộc đối thoại giữa Đức Phật và vị thiên chủ diễn ra như sau:

Sau khi được phép, Thiên chủ Sakka hỏi Thế Tôn câu hỏi đầu tiên:

- Bạch Thế Tôn, do trói buộc gì *(vì nguyên nhân nào)*, các loài Thiên, Nhân, Asurà, Nàgà, Càn Thát Bà Đây là cách phân loại các chúng sinh trong cõi dục giới: loài người và trời *(chư thiên)* thuộc về cảnh vui; loài Asura *(A Tu la)* là một dạng chúng sinh có thần lực hơn con người nhưng lại không tỏa sáng như chư thiên vì tâm họ thường bị sân hận chi phối; loài Nâga thuộc về súc sinh dạng lớn *(như rồng, rắn thần, voi...)* và có chút ít thần lực; loài Ganthabba *(Càn thát bà)* cũng thuộc về dạng quỉ thần (như Asura và Nâga) biết bay và hưởng thụ mùi hương như thức ăn. và tất cả những loài khác, dân chúng ao ước: *"Không hận thù, không đả thương, không thù nghịch, không ác ý, chúng ta sống với nhau không hận thù"*. Thế mà với hận thù, với đả thương, với thù nghịch, với ác ý, họ lại sống với nhau trong hận thù?

Và Thế Tôn trả lời câu hỏi ấy như sau:

- Do đố *(ganh ty)* và tham *(keo bẩn)*, các loài Thiên, Nhân, Asurà, Nàgà, Càn Thát Bà và tất cả những loài khác, dân chúng ao ước: *"Không hận thù, không đả thương, không thù nghịch, không ác ý, chúng ta sống với nhau không hận thù"*. Thế mà với hận thù, với đả thương, với thù nghịch, với ác ý, họ sống với nhau trong hận thù.

Đó là hình thức Thế Tôn trả lời cho câu hỏi Thiên chủ Sakka. Sung sướng, Thiên chủ Sakka hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn và nói:

- Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Khi nghe Thế Tôn trả lời câu hỏi, nghi ngờ của con diệt tận, do dự của con tiêu tan.

Thiên chủ Sakka, sau khi hoan hỷ, tín thọ câu trả lời Thế Tôn, liền hỏi câu hỏi tiếp:

- Bạch Thế Tôn, đố ky, tham lam, do nhân duyên gì, do tập khởi gì, cái gì khiến chúng sinh khởi, cái gì khiến chúng hiện hữu, cái gì có thì đố ky, tham lam có? Cái gì không có, thì tật đố kị, tham lam không có?

- Này Thiên chủ, đố ky và tham lam do ưa ghét làm nhân duyên, do ưa ghét làm tập khởi, ưa ghét khiến chúng sinh khởi, ưa ghét khiến chúng hiện hữu, ưa ghét có thì đố kị, tham lam có; ưa ghét không có thì đố kị, tham lam không có.

- Bạch Thế Tôn, ưa ghét do nhân duyên gì, do tập khởi gì? Cái gì khiến chúng sinh khởi, cái gì khiến chúng hiện hữu, cái gì có thì ưa ghét có? Cái gì không có thì ưa ghét không có?

- Này Thiên chủ, ưa ghét do tham cầu làm nhân duyên, do tham cầu làm tập khởi, tham cầu khiến chúng sinh khởi, tham cầu khiến chúng hiện hữu. Tham cầu có thì ưa ghét có; tham cầu không có thì ưa ghét không có.

- Bạch Thế Tôn, nhưng tham cầu do nhân duyên gì, do tập khởi gì? Cái gì khiến tham cầu sinh khởi, cái gì

Thả hoa trong ngày lễ Vu Lan. Ảnh: Huy Khang

khiến tham cầu hiện hữu? Cái gì có thì tham cầu có? Cái gì không có thì tham cầu không có?

- Này Thiên chủ, tham cầu do suy nghĩ làm nhân duyên, do suy nghĩ làm tập khởi; suy nghĩ khiến tham cầu sinh khởi, suy nghĩ khiến tham cầu hiện hữu. Suy nghĩ có thì tham cầu có; suy nghĩ không có thì tham cầu không có.

- Bạch Thế Tôn, suy nghĩ lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi? Cái gì khiến suy nghĩ sinh khởi, cái gì khiến suy nghĩ hiện hữu? Cái gì có thì suy nghĩ có? Cái gì không có thì suy nghĩ không có?

- Này Thiên chủ, suy nghĩ lấy các loại vọng tưởng hý luận làm nhân duyên, lấy các loại vọng tưởng hý luận làm tập khởi. Các loại vọng tưởng hý luận khiến suy nghĩ sinh khởi, các loại vọng tưởng hý luận khiến suy nghĩ hiện hữu. Do các loại vọng tưởng hý luận có thì suy nghĩ có. Do các loại vọng tưởng hý luận không có thì suy nghĩ không có". (DN. 21)

Cuộc đối thoại này cho thấy Thiên chủ là một vị trời rất có trí tuệ, luôn muốn tìm hiểu vấn đề một cách rốt ráo. Vì như một vị lãnh đạo các chư thiên *(năng lực thiện chủ đạo trong mỗi người hay trong vũ trụ)*, vị thiên chủ này muốn giải quyết vấn đề một cách có ý thức và có hệ thống, đúng phương pháp dựa trên sự hiểu biết đúng đắn về bản chất của vấn đề và các mối liên hệ tương quan tương tức. Đây là một phương pháp trực diện để giải quyết vấn đề rất Phật giáo: quan tâm một cách sáng suốt và khách quan nhìn nhận để giải quyết sự việc. Tuy nhiên, sự quan tâm đúng đắn này phải có nền tảng từ tình yêu thương không phân biệt và không thiên vị. Điều này là điểm khác biệt giữa sự tìm tòi, nghiên cứu và thử nghiệm thuộc về tâm linh và tôn giáo với khoa học và kỹ thuật. Đoạn kinh trên cũng cho thấy khái niệm về thiên thần và Thiên chủ *(không phải là Thượng Đế như quan niệm của người Thiên chúa hay người Hồi giáo, Hindu giáo)* trong đạo Phật rất khác với các tôn giáo khác.

Câu hỏi của Thiên chủ Sakka phản ảnh một vấn đề rất thực tế trong thế giới này: tại sao mọi người muốn hòa bình, yên ổn và hạnh phúc nhưng họ lại tự làm khổ mình và làm khổ người bằng cách gây bất đồng, bất ổn và chiến tranh? Câu trả lời của Đức Phật chỉ ra nguyên nhân là các phiền não nghiệp chướng của chúng sinh bắt đầu từ sự ích kỷ và thủ chấp. Chúng ta hãy trở lại với chuỗi nhân duyên tạo ra cái thế giới bất ổn này, nó như sau: ghanh tỵ - ích kỷ có nghuyên nhân trong ưa - ghét, cái này lại bắt nguồn từ tham cầu, và tham cầu lại đến từ suy nghĩ có nền tảng là vọng tưởng hý luận. Vọng tưởng hý luận chính là nhận thức sai lầm; khi các dữ liệu là không chính xác, suy nghĩ dựa trên các dữ liệu đó là tà tư duy *(micchâ sakappa = vitakka)* và các tà tư duy đó dẫn đến ưu - ghét dựa trên sự suy xét cảm tình chủ quan của cá nhân, và nó tạo ra đố kỵ và ích kỷ điều dẫn đến hiềm thù, xung đột và chiến tranh. Khi tham cầu được thỏa mãn, con người sinh tham *(ưa thích)*, và từ tham này khiến họ ích kỷ muốn những gì vừa đạt được chỉ thuộc về mình, không muốn chia sẻ; khi tham cầu bị từ chối, người ta nổi sân hận (ghét), và ganh tỵ với những ai đang có cái mà mình mong muốn. Và như vậy, trong vô minh, chúng sinh mong cầu hạnh phúc và an ổn nhưng lại tự tạo ra đau khổ và bất ổn trong xã hội do chúng thiếu hiểu biết về chính mình và không biết rằng những gì đang diễn ra là mang tính nhân quả, không có một Thượng đế hay Sa tăng nào sau đó. Câu trả lời của Đức Phật đưa chúng ta về với sự thực đang diễn ra xung quanh chúng ta, về bản chất của con người nói riêng và về các hiện tượng của đời sống nói chung trong mối tương quan nhân quả.

Trong đời sống hàng ngày cũng vậy, mọi sự việc xảy ra đều có nguyên nhân và tạo duyên cho một hay nhiều sự việc khác. Sinh ra ở đâu và như thế nào cũng có nguyên nhân và duyên nghiệp của nó. Xinh đẹp hay xấu xí, khoẻ mạnh hay yếu đuối, thông minh hay tầm thường, thành đạt hay không thành đạt... tất cả đều có những nguyên nhân sâu xa mà Phật giáo gọi là Nghiệp *(kamma)* và quả của nghiệp *(kamma-vipâka)*.

Vậy, nghiệp là gì? Theo nghĩa đen, nghiệp chính là hành động. Hành động hay biểu hiện qua 3 cửa là: thân, khẩu và ý. Về phương diện đạo đức, nghiệp lại được chia ra 3 loại: thiện, bất thiện và trung tính, nghĩa là không thiện cũng không ác. Về phương diện triết học, nghiệp chính là ý chí *(cetanâ)* hay động lực *(sa#cetanâ)* sau mỗi hành động. Trong mối quan hệ tương tục nhân quả trong thời gian, nghiệp lại được đề cập đến như hiện nghiệp, quá khứ và quả báo trong tương lai. Nghiệp cũng được nói đến dưới một số thuật ngữ khác như cận tử nghiệp, thường nghiệp, đoạn nghiệp, chướng nghiệp... Đây là một vấn đề khá rộng lớn, mà bài viết này không đi sâu vào giải thích tất cả các khía cạnh mang tính triết lý của chữ nghiệp. Tuy nhiên, theo sự phân tích tâm lý ở đoạn kinh trên, chúng ta cũng đã có được một cái nhìn khá thực tế về vấn đề nghiệp quả.

Hành động như thế nào thì được gọi là thiện, và hành động như thế nào thì gọi là ác, điều này liên quan đến quan niệm thiện - ác vốn được hình thành và tồn tại cùng với sự hình thành và tồn tại của xã hội loài người. Quan niệm thiện-ác có thay đổi theo thời gian và cũng có những điểm dị biệt tuỳ theo xã hội, cộng đồng hay tôn giáo. Trong đạo Phật, thực hành 5 giới cấm là tránh làm ác, tu Thập thiện là làm lành, vun bồi phước đức, như bố thí, giữ giới, tu thiền...

Đoạn đối thoại sau đây giữa Đức Phật và một nhóm Bà la môn ở Ấn Độ vào hơn 2.500 năm trước được ghi lại trong Trung Bộ Kinh nói về nghiệp trong ý nghĩa phổ biến nhất của nghiệp. Câu hỏi lien quan đến một vấn đề mà các Bà la môn trưởng giả đang quan tâm về sự sai biệt của các chúng sinh trong thế giới. Và câu trả lời của Đức Phật là những lời giải thích dùng khái niệm nghiệp-quả, vốn là một niềm tin rất thịnh hành ở Ấn độ, nhưng cách phân tích của đức Phật cho thấy một sự lý giải mới, khác với niềm tin thông thường của đại chúng.

- Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số hữu tình sau khi thân hoại mạng chung, phải

sinh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục? Này Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung được sinh vào nơi tốt đẹp, Thiên giới, đời này?

- Này các Gia chủ, do nhân hành phi pháp, hành phi pháp chính đạo, này các Gia chủ, mà như vậy, có một số loài hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung phải sinh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do nhân hành đúng pháp, hành đúng chính đạo, này các Gia chủ, mà như vậy, có một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung được sinh vào thiện thú, Thiên giới, đời này.

- Chúng con không thể hiểu đầy đủ những gì Tôn giả Gotama thuyết một cách vắn tắt nếu không được giải thích rộng rãi. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho chúng con để chúng con có thể hiểu đầy đủ những gì Tôn giả Gotama thuyết một cách vắn tắt!

- Như vậy, này các Gia chủ, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, Tôn giả.

Thế Tôn nói như sau:

- Này các Gia chủ, có ba loại thân hành phi pháp, phi chính đạo, có bốn loại khẩu hành phi pháp, phi chính đạo, có ba loại ý hành phi pháp, phi chính đạo. Này các Gia chủ, thế nào là ba loại thân hành phi pháp, phi chính đạo? Ở đây, này các Gia chủ, có người sát sinh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình. Người này lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy. Người ấy sống tà hạnh đối với các dục lạc, giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Như vậy, này các Gia chủ, là ba loại thân hành phi pháp, phi chính đạo *(10 ác nghiệp qua 3 thân, 4 qua khẩu và 3 qua ý hành)*

Này các Gia chủ, có ba loại thân hành đúng pháp, đúng chính đạo, có bốn loại khẩu hành đúng pháp, đúng chính đạo, có ba loại ý hành đúng pháp, đúng chính đạo? Này các Gia chủ, thế nào là ba loại thân hành đúng pháp, đúng thánh đạo? Ở đây, này các Gia chủ, có người từ bỏ sát sinh, tránh xa sát sinh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sinh và loài hữu tình; từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy không lấy trộm; từ bỏ sống theo tà hạnh đối với các dục, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở... Như vậy, này các Gia chủ, là ba loại thân hành đúng pháp, đúng chính đạo.

Và này các Gia chủ, thế nào là bốn loại khẩu hành đúng pháp, đúng chính đạo? Ở đây, này các Gia chủ, có người từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập

Ảnh: Thích Giác Thông

hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì Ông biết", nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết"; nếu không biết, người ấy nói: *"Tôi không biết"*; hay nếu không thấy, người ấy nói: *"Tôi không thấy"*; nếu thấy, người ấy nói: *"Tôi thấy"*. Như vậy, lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân vị kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sinh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sinh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói nhu hòa, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, người ấy nói những lời như vậy. Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, người ấy nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chính pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi. Như vậy, này các Gia chủ, có bốn loại khẩu hành đúng pháp, đúng chính đạo.

Và này các Gia chủ, thế nào là ba loại ý hành đúng pháp, đúng chính đạo? Ở đây, này các Gia chủ, có

người không có tham ái, không tham lam tài vật của kẻ khác, không nghĩ rằng: *"Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!"* Lại có người không có tâm sân, không có khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: *"Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không bị oán thù, không nhiễu loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân!"* Người ấy có chính kiến, không có tưởng điên đảo, nghĩ rằng: *"Có bố thí, có kết quả của bố thí, có tế lễ, có cúng dường, các hành vi thiện ác có kết quả dị thục, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sinh, trong đời, có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chính hành trì, chân chính thành tựu, sau khi tự trì, tự chứng lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau"*. Như vậy, này các Gia chủ, có ba loại ý hành đúng pháp, đúng chính đạo. Như vậy, do nhân hành đúng pháp, hành đúng chính đạo, này các Gia chủ, ở đây, một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung được sinh vào nơi tốt đẹp, nhân gian hay thiên giới.

Này các Gia chủ, nếu một vị hành đúng pháp, đúng chính đạo, mong ước: *"Ôi, mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, tôi được sinh vào đại phú gia, vương tộc Sát-đế-lị!"* Sự kiện này xảy ra, vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào đại phú gia, vương tộc Sát-đế-lị. Vì sao vậy? Vì vị ấy là vị hành đúng pháp, đúng chính đạo.

Này các Gia chủ, nếu một vị hành đúng pháp, đúng chính đạo, mong ước: *"Ôi, mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, tôi được sinh vào đại phú gia Bà-la-môn... đại phú gia gia chủ!"* Sự kiện này xảy ra, vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào đại phú gia gia chủ. Vì sao vậy? Vì vị ấy là vị hành đúng pháp, đúng chính đạo. Này các Gia chủ, nếu một vị hành đúng pháp, đúng chính đạo, mong ước: *"Ôi, mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, tôi được sinh thân hữu với chư thiên Tứ thiên vương, với chư thiên cõi trời Ba mươi ba, với chư thiên Dạ ma, với chư thiên Đâu-suất-đà, với chư thiên Hóa lạc, với chư thiên Tha hóa tự tại, với chư thiên Phạm chúng, với chư thiên Quang thiên, với chư thiên Thiểu Quang thiên, với chư thiên Vô lượng quang thiên, với chư thiên Quang âm thiên, với chư thiên Tịnh thiên, với chư thiên Thiểu tịnh thiên, với chư thiên Vô lượng tịnh thiên, với chư thiên Biến tịnh thiên, với chư thiên Quảng quả thiên, với chư thiên Vô phiền thiên, với chư thiên Vô nhiệt thiên, với chư thiên Thiện hiện thiên, với chư thiên Thiện kiến thiên, với chư thiên Sắc cứu kính thiên, với chư thiên Hư không vô biên xứ thiên, với chư thiên Thức Vô biên xứ thiên, với chư thiên Vô sở hữu xứ thiên, với chư thiên Phi tưởng Phi phi tưởng xứ thiên!"* Sự kiện này xảy ra, vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sinh thân hữu với chư thiên Phi tưởng Phi phi tưởng xứ thiên. Vì sao vậy? Vì vị ấy là vị hành đúng pháp, đúng chính đạo.

Này các Gia chủ, nếu một vị hành đúng pháp, đúng chính đạo, mong ước: *"Ôi, mong rằng, với sự đoạn trừ các lậu hoặc, với thắng trí, ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu!"* Sự kiện này xảy ra, vị ấy với sự đoạn trừ các lậu hoặc, với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu. Vì sao vậy? Vì vị ấy là vị hành đúng pháp, đúng chính đạo.

Khi nghe nói vậy, các gia chủ Bà-la-môn ở Sa-la bạch Thế Tôn:

"Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vị diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chính pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện để trình bày. Và nay chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ - kheo Tăng, mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng!" (Saleyyasutta M.41)

Như vậy, tu là chuyển nghiệp hay sửa đổi thái độ và cách hành xử trong cuộc sống.

Sự sửa đổi này được bắt đầu từ chính tín *(niềm tin đúng đắn)* và chính kiến *(hiểu biết về nhân - quả thiện ác để rồi bỏ ác làm lành, tu tâm sửa tánh)*. Như vậy ai cũng phải tu thì mới có hạnh phúc an lạc ngay trong đời này, và cũng là tạo duyên cho một sự tái sinh tốt đẹp cho đời sau.

Việc tu thường bắt đầu từ một sự nhận thức hay kinh nghiệm nào đó khiến người ta phải thay đổi cách sống và cách nhìn nhận về con người và cuộc đời. Sự kiện này có thể đến từ một cú sốc nào đó trong các mối quan hệ, cũng có thể nó đến từ một sự mất mát lớn lao khiến người ta cảm thấy hụt hững trong cuộc sống khiến họ thấy khổ, nó cũng có thể là một người suy nghĩ về tính chất vô thường giả tạm của đời sống qua những gặp gỡ, tiếp xúc và chiêm nghiệm. Nhưng thấy khổ và thấy vô thường giả tạm cũng chưa đủ để người ta vượt qua chúng, người ta cần phải hiểu chính mình qua các mối quan hệ và các sự kiện xảy ra trong đời sống, và từ đó thấy ra tính vô ngã trong vạn pháp để thôi thủ chấp và tích lũy. Như vậy, đến giai đoạn cuối, tu là buông bỏ, bắt đầu từ buông bỏ tà kiến chấp thủ, buông bỏ các ác hạnh khiến mình và người đau khổ, buông bỏ các định kiến và thói quen không lành mạnh đã được điều kiện hóa, cho đến buông bỏ cả pháp môn đã từng tu tập trong một giai đoạn nào đó trên đường giải thoát. Phải biết rằng Pháp Phật như những liều thuốc chữa bệnh cho chúng sinh, khi bệnh hết thì không cần phải uống thứ thuốc đó nữa.

Diệu pháp là thần dược, Pháp *(như dược liệu)* được liệt kê là gồm 37 vị, chia ra thành 7 thang, nhưng tự trung lại là có 7 pháp gọi là bổ đề phần. Khi Phật pháp được xem như một con đường sống để có hạnh phúc an lạc chân thật, thì nó lại được gọi là Bát Thánh Đạo. Và khi Pháp được miêu tả như những gì cần phải huấn luyện, học tập để có được an lạc giải thoát thì chúng ta lại phải thực hành *"Giới - Định - Tuệ"*. Người Phật tử tu chính là học hỏi và thực hành những pháp trên.

Trên con đường Hoằng pháp của các vị thiền sư ở ngoài nhân gian đã xuất hiện rất nhiều tư tưởng và khám phá mới về cảnh giới của đạo và đời. Những câu chuyện lý thú như vậy đã được lưu lại trong bộ Thiền Lâm Tinh Hoa với những giá trị tư tưởng triết học Phật giáo lắng đọng và uyên thâm.

Hòa thượng đàm đạo với bác nông dân

BÙI ĐĂNG KHOA

Trưa hè nắng gắt, bác nông dân nhân khi rảnh việc tới bên gốc cây ngồi nghỉ tình cờ đã gặp một vị Hòa thượng ở đó. Nhận thấy đây là cơ hội tốt để tìm hiểu thêm về đạo Phật, bác nông dân đã hỏi vị Hòa thượng: Tôi vẫn thường ăn thịt cá vậy tôi sống như vậy có công đức gì không?

Hòa thượng đáp: Vạn vật sống dưới gầm trời này tuy có hình thể khác nhau nhưng chúng đều có cảm giác về nỗi đau, về điều này thì chúng không khác gì với con người. Chỉ vì duyên sinh đã mang ý niệm sai cho nên hình hài của chúng mới khác biệt nhau. Nếu như ai đó thành tâm ăn chay để đoạn tuyệt sự sát sinh mới thực đúng là bậc chân quân tử. Suốt một đời chay tịnh trì giới vô sát mới thực có lòng từ bi để trở thành thiện nhân. Đây không chỉ làm tăng thêm phúc thọ mà nó còn là nhân duyên trồng đạo Bồ Đề. Chỉ tiếc rằng thế nhân mê man không tỉnh ngộ cho nên vì lòng tham mùi vị của thịt cá họ đã giết mổ bừa bãi để tạo trăm đường họa hại về sau. Chỉ vì vị ngon ở ba tấc lưỡi một ngày kia nếu bị thay đổi kiếp nghiệp trở thành loài bị ăn thịt thì khi ấy hối hận thống khổ vô cùng mà chẳng có ai giúp được.

Bác nông dân hỏi: Trời sinh ra loài vật cũng giống như tôi nuôi gia súc, gia cầm để làm thịt. Nếu tôi không giết mổ chúng vậy thì chúng cũng chẳng còn có công dụng gì cả?

Hòa thượng đáp: Thế nhân ham ăn thịt cá cũng là chuyện đương nhiên thôi bởi họ chỉ muốn ngon mồm

để làm trăm ngàn món ăn nhằm vui miệng no thân thì tâm sẽ chẳng có một chút lòng thương cảm. Khi ấy thiện tâm ở đâu? Vì nay tự mình hối lỗi, tự bỏ vị sắc hại sinh nếu vì thử đầu kiếp đi loài cũng không bị rơi vào tay kẻ đồ tể hay phanh thây trong lò nấu.

Bác nông dân hỏi: Tôi tuy nghèo hèn cũng không bao giờ trộm cắp của ai như vậy tôi có được coi là người tốt không phải kẻ đạo tặc không?

Hòa thượng đáp: Không phải chỉ có ăn trộm ăn cắp tài sản của người mới là đạo tặc mà nghĩa của đạo tặc còn bao hàm các việc bất lương khác như: tham ô của công, dùng quỷ kế đối trời lừa người, xúi dục kiện tụng, du dỗ người khác ăn chơi cờ bạc đĩ điếm, hãm người lương thiện vào ngục hình, ép người vào cuộc sống điên đảo, đẩy người xuống vực, bỏ đi lúc người khác gặp nguy hiểm, tổn hao tài sản người khác, hoán đổi tài sản người khác, cố hàm oán mà không cho người sửa sai, lăng mạ người tàn tật và kẻ yếu..vv Nếu là người hiểu biết khi thấy người giàu sang tất coi trọng rồi tự hối mình tiền kiếp chưa tu được quả phúc như vậy. Đời nay nghèo khổ thấy lỗi đó do tự ta chuốc lấy hẳn sẽ phát lòng tin để tu nhân tích phúc. Không làm việc ác, chăm sức việc thiện, thiên ý hẳn đâu có phụ người tốt.

Bác nông dân hỏi: Tôi tùy phận mình cày cấy, kinh doanh để tích lũy tài sản vậy làm thế có được không?

Hòa thượng đáp: Tùy phận làm ăn tích lũy tài sản là hợp lẽ. Tuy nhiên tiền tài là vật báu ở thế gian tích tụ lâu sẽ với họa. Tiền tài tụ tán thất thường. Nếu ta có tham vọng về tiền tài hoặc bất chấp mọi lẽ vô liêm sỉ để có nó thì tuy rằng nhất thời giàu sang cũng khó tránh được những toan tính u mê. Kinh Phật xưa có câu: *"Tài sản hiện thời của ta là do năm nhà cộng lại.*

no bụng cho nên đã tùy sức giết mổ. Thực ra họ không biết rằng khắp cả các loài trên trời dưới nước hay ở mặt đất đều do sự báo ứng của nghiệp lực để có được hình hài thể xác như vậy. Người đời chỉ dựa vào quả phúc nhất thời để giết vật no thân khiến chúng phải mang hận kiếp loài vật bị giết sẽ tạo báo oán có ngày. Nếu quả thực trời cho con người ăn thịt loài động vật vậy các loài thú dữ như hổ báo rắn rết ..vv cũng biết ăn thịt người cũng là thiên ý. Vậy ta có nên ăn thịt động vật nữa không? Không biết quả báo của nghiệp sát sinh mà cố vọng động tàn sát tất lắm lỗi lớn lắm.

Bác nông dân hỏi: Tôi thấy mọi người nói ai biết bố thí cơm chay mới là người có tâm tốt vậy cái lý nằm ở chỗ nào?

Hòa thượng đáp: Người đó mới đúng là quân tử nhân đức, mới đúng là thiện nhân. Một cuộc đời ích lợi quần sinh, tích lũy công đức sẽ có lúc đắc dụng. Thấy hết thảy sinh linh lao vào chỗ chết mà nảy sinh tấm lòng trắc ẩn đó gọi là lòng từ bi. Chắc chắn một người thiện tâm sẽ không bao giờ giết chóc bừa bãi để sướng miệng lo thân. Nếu như giết hoại quần sinh

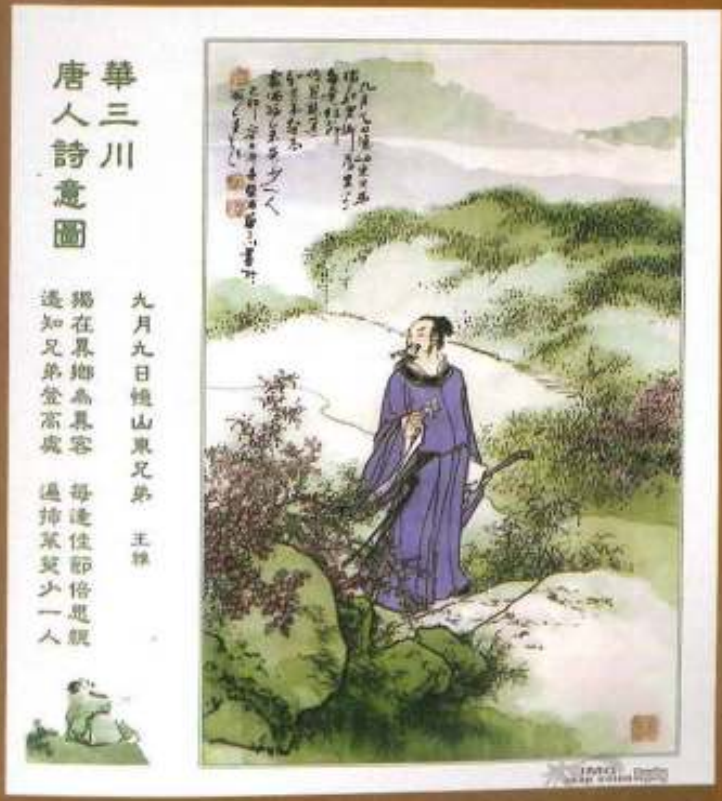

Năm nhà đó là;1- quan lại, 2- thủy hỏa, 3- đạo tặc, 4- đao binh, 5- con cháu bất hiếu" Người si mê trong thế gian, suốt một đời gian khổ tích lũy tiền tài chỉ để mong đời đời giàu có. Thực sự họ đâu biết rằng nắm mối họa tiềm tàng một ngày kia sẽ gây tan tài bại sản cho dù tùy phận làm ăn tích lũy tài sản cũng không lâu được. Huống hồ những người tranh đoạt hay lừa dối để có tiền tài thì liệu có dài mãi được đâu.

Bác nông dân hỏi: Tôi sống cũng ít nam muốn sắc dục duy nhất chỉ có một vợ nên chuyện tà dâm là không có đúng không?

Hòa thượng đáp: Hai chữ *sắc dục* là căn gốc của sinh tử. Tự tính sắc dục là đầu mối của trăm điều ác. Nó làm cho con người ta xa đạo bại đức với họa diệt thân, từ xưa đến nay cũng khó kể ra hết các trường hợp họa về sắc dục. Nghiện rượu ham tiền tài còn dễ chế phục nhưng cửa ải sắc dục rất khốc liệt nên con người ta cũng khó lòng xoay sở. Chúng sinh được sinh ra từ sắc dục sẽ tiếp tục sa vào vòng sinh tử. Đêm ngày mải mê chốn phòng the thì còn đâu ra trí tuệ để nhìn thấy việc tránh nghiệp sắc dục. Chuyện này tại gia đình khó tránh nên sống chung thủy nếu không phải vợ mình thì đừng ham. Có một số người thấy phụ nữ có chút nhan sắc liền khởi tà tâm. Họ cố theo đuổi, cố cầu bằng được đến nỗi thiên lý mù quáng, nhân tâm tàng tận. Kinh Phật xưa có câu: *"Gian dâm với vợ người hẳn khó tránh nghiệp báo tuyệt tự. Nữ mệnh tà dâm hẳn sẽ đắc nghiệp báo con cháu dâm đãng."* Bác cứ nhìn rộng ra xem những nhà đa dâm hành việc ô uế sẽ tạo nguồn lụn bại đến nỗi mờ cả tai mắt. Cổ nhân xưa có câu: *"Ta không tham vợ người hẳn người sẽ không tham vợ ta"*. Có một số người mắc nghiệp tà dâm hễ thấy vợ người khác là thích hơn vợ mình bèn bày ra quỷ kế giành lấy. Rốt cuộc chạy theo vợ người bỏ bê vợ nhà đến nỗi gã hàng xóm lại tư thông với vợ mình để gian dối lại. Các trường hợp họa hoạn về dâm nghiệp như vậy có thể kể ra vô số. Lại có một số nhà văn vì sự thông minh nhất thời đã miêu tả về tà dâm với phụ nữ trong thơ, văn, truyện để dụ dỗ mọi người đi vào con đường tà niệm. Cái ác đó của họ chồng chất như núi nên không sao nhượng trừ được. Nếu ai đó tự thẹn tự hối dứt bỏ tà dâm hẳn trời người sẽ đồng cảm ứng có ngày. Tôi tận tâm khuyên bác vài điều như vậy bởi vì cái ác do tà dâm nghiệp tạo ra họa rất nặng.

Bác nông dân hỏi: Nghiệp dâm ác đã là như vậy, thế còn khẩu nghiệp là như thế nào?

Hòa thượng đáp: Thập ác tạo nghiệp trong đó khẩu nghiệp có bốn đó là:1- lộng ngôn, 2- nịnh ngôn, 3- hai lời, 4- ác khẩu. Cái ác của khẩu nghiệp là giết người không dao nên lỗi rất nặng. Làm bại người nhân, chê bai khuyết điểm, gièm pha dị tật, tung tin đồn nhảm, lật lọng lừa người, nịnh hót kiếm tiền...vv đều dẫn đến con đường tăng bại đạo đức mất người thiệt thân. Cũng chỉ vì không cầm được ngôn ngữ phóng túng nên họa cũng có nhiều kiểu dạng. Kinh xưa chép: *"Đức Phật nói với A Nan. Con người thế gian họa tòng khẩu xuất. Khẩu nghiệp bùng cháy có thể thiêu rụi mọi tài sản thế gian. Ác khẩu bùng lên sẽ cháy hết tòa thất bảo. Hết thảy chúng sinh họa tòng khẩu xuất như búa đẽo thân, như lửa thiêu người. Người có âm đức chế ác dương thiện, nói lời chân thực không biết hoa mỹ, có hỏi có đáp bình dị mà sắc mặt không thay đổi tất trời Phật sẽ tự hộ trì"*. Người đời sau vẫn kính phục điều này để làm theo.

Bác nông dân hỏi: Tính tôi thích uống rượu hằng ngày, sống như thế có được không?

Hòa thượng đáp: Rượu làm ta mê tâm mất trí, bại nhà vong thân với nhiều kiểu dạng. Người đời ham rượu đến nỗi hủy hoại hình hài, điên đảo lẽ pháp, nằm ngõ chửi đường, phạm thượng bại danh, loạn dâm thất đức...vv vô số lắm lỗi đều do quá chén gây ra. Cổ nhân xưa có câu: *"Dừng lòng trước một chén rượu ngọt tránh được vị đắng của ba chén thuốc kia."* Đây là lời khuyên nhân hậu cho đời sau. Sách Tứ Phần Luật chép: *"Uống rượu quá chén lỗi có 36 loại. Đâu chỉ người đời uống rượu mới lắm lỗi mà ngay cả các vị La Hán uống rượu cũng bị mất thần thông. Người mới học đạo giữa chốn thế giới phù hoa, lẽ nào không cẩn thận tự trì giới."*

Bác nông dân hỏi: Xin thầy giảng cho 36 lỗi?

Hòa thượng đáp: Ba mươi sáu lỗi do uống rượu quá chén đó là: 1- bất kính cha mẹ, 2- coi thường thầy dạy, 3- bất kính Tam Bảo, 4- không tin kinh pháp, 5- phỉ báng chư tăng, 6- bới móc tội người, 7- ăn nói huyên thuyên, 8- vu va việc ác, 9- hai lời thất tín, 10- ác khẩu hại người, 11- sinh bệnh triền thân, 12- gây sự tranh đoạt, 13- lưu truyền danh xấu, 14- mọi người

tánh ghét, 15- bài xích thánh hiền, 16- oán cả đất trời, 17- phế bỏ sự nghiệp, 18- phá bại gia sản, 19- không màng danh dự, 20- không biết thẹn nhục, 21- vô cớ đánh người, 22- bạo sát giết người, 23- thông dâm vợ người, 24- ăn trộm tài sản, 25- xa rời bạn tốt, 26- thân cận kẻ ác, 27- luôn luôn nổi giận, 28- ngày đêm âu sầu, 29- bôn ba khắp chốn, 30- đua đòi ăn chơi, 31- nằm mương ngủ đường, 32- đố xe ngã ngựa, 33- ham nước chết đuối, 34- thắp đèn cháy nhà, 35- ốm chết tháng hạ, 36- thây lạnh trời đông. Những người uống rượu quá chén với đủ loại lỗi như vậy hẳn người quân tử phải tự biết răn ngừa.

Bác nông dân hỏi: Tôi có cá tính biết phận mình lên không bao giờ phẫn nộ như vậy đã đủ về chữ nhẫn chưa?

Hòa thượng đáp: Phẫn nộ là căn gốc của vạn chướng ngại, chữ nhẫn đứng đầu trăm phúc. Người đời hay nói về nhẫn nhưng đạt được nó khá khó đấy. Nếu không phải người đại trí tuệ thì chẳng thể nào thấu suốt. Trừ phi bậc thánh nhân tính như hư không mới toàn đủ về chữ nhẫn chứ còn người mới học đạo, kẻ sĩ hào kiệt muốn làm theo chữ nhẫn vẫn thường thất bại và rơi vào trạng thái ngược lại. Kinh Phật có câu: *"Nhẫn nhục đệ nhất"*. Tục ngữ xưa có câu: *"Nuốt được ba đấu hận mới mong làm tể tướng."* Xem ra kẻ sĩ trên đời vẫn mong làm được chữ nhẫn đầy đủ huống hồ là người học đạo lẽ nào lại không khoan nhẫn.

Bác nông dân hỏi: Người đời ham giàu lúc nào cũng chỉ muốn tích lũy tiền tài để con cháu nối đời trở thành giàu sang có được không?

Hòa thượng đáp: Người u mê trong thế gian thường cậy quyền cậy thế, tà tâm thất đức, dùng trăm ngàn quỷ kế để phát giàu sang mau chóng thì có thể bền lâu làm sao được. Bậc quân tử có trí tuệ luôn biết tích lũy công đức rồi tùy sức làm theo thiên mệnh hẳn trời ngầm giúp cho phúc lộc. Thế nhân tự biết mình làm giàu vì con cái nhưng họ lại không biết chăm làm điều thiện để tạo phúc con cái. Tạo phúc cho con cháu tức là kính lễ Tam Bảo, tích lũy ấm đức, cẩn trọng gia quy, giảng về công việc đồng áng...vv Muốn làm giàu thì lại phải chẳng tin ai, dối thiên lý, dụng mưu kế, xu đoạt lợi...vv. Làm giàu khó thịnh về sau nhưng tạo phúc thì đời sau này sẽ thành đạt. Lẽ nào bác không thấy nhiều nhà giàu nứt đố đổ vách mà con cháu lại rặt một phường nghịch tử hay sao. Dựa vào giàu có để ăn chơi trác táng tất sớm muộn sẽ phá gia vong thân sao người nhân thế lại không suy ngẫm cẩn thận về chuyện này. Tục ngữ xưa có câu *"Của đến nhà bất nhân, nó ra đi bất nghĩa"*. Nếu bậc trí giả nhìn nhận câu tục ngữ này hẳn sẽ làm dịu bớt ngọn lửa ham giàu.

Bác nông dân hỏi: Như thấy giảng giải xem ra mọi thứ ở đời chỉ là phù hoa chốc lát, vậy tôi lúc nào cũng tự kiểm điểm mình để trở thành người tốt có được không?

Hòa thượng đáp: Muốn làm người tốt ta không phải chỉ nghiêm khắc nhìn lại bản thân mình. Từ sáng đến tối ta cần thấy rõ nội tâm, xem xét cái lý của nó rồi mọi sự dụng tâm động niệm cần hợp với thiên tâm thì may ra có thể làm được. Tùy theo thiên vận, không phân biệt đối xử với mọi người rồi mọi thời khắc của cuộc đời đều giác ngộ sẽ không bị tâm sa tư ý để trở thành chính tâm. Nếu con người tự thoát mọi ràng buộc, ngạo mạn phóng túng, bất sợ thiên uy, không lo báo ứng, làm điều thất lễ thì ngày qua tháng lại tích ác rất nặng. Một khi họ bị hết phúc bị chướng nghiệp triền thân thành quả báo sẽ chết để đọa sa vào ba đường ác đạo. Kinh Phật xưa có câu:

"Giả sử trăm ngàn kiếp
Vốn tạo nghiệp chưa quên
Nay duyên phùng gặp thời
Quả báo tự ta chịu"

Điều này cho ta thấy nhân quả hiển hiện, hậu học đời sau cần suy ngẫm.

Bác nông dân hỏi: Tôi thấy nhiều người chẳng tin cái chuyện nhân quả, vậy làm thế được không?

Hòa thượng đáp: Nhân quả hiển hiện, báo ứng vô sai nó giống như bóng với hình vậy. Ngày xưa các bậc thánh nhân đã nói khá rõ về điều này nhưng hậu bối đời sau vẫn không tin. Nay ta thấy người trong thế gian có đủ loại phú quý - nghèo hèn, chết yểu - thọ trường, sủng ái - nhục nhã, khốn khổ - an nhàn. Có người thành danh thời niên thiếu nhưng có kẻ lận đận mãi tới lúc tuổi già, có nhà giàu lại không có con nhưng có nhà nghèo lại đông con...vv Hết thảy chuyện này đều do nghiệp báo giống như câu tục ngữ: *"Xuân trồng một nắm thóc để mùa thu đầy bồ thóc"* Nếu ai đó biết chuyện khổ lạc ở tam giới, lục đạo thăng trầm và

tất cả đều do tự ta gây ra hẳn họ sẽ không tin vào tà thuyết sai lầm.

Bác nông dân hỏi: Tôi suốt đời sống lương thiện, chăm chỉ làm ăn sao vẫn nghèo mãi trong khi đó trên đời có bọn cường hào ác bá với tòa ngang dãy dọc, đất đai ngàn khoảng. Vậy cái thuyết nhân quả đó của thầy chẳng sai lắm hay sao?

Hòa thượng đáp: Thiện - ác khác nhau sẽ có quả báo khác nhau. Có quả báo đối với bản thân, có quả báo đối với con cháu, có quả báo hiện tại và sau này. Ăn toàn sơn hào hải vị, mặc áo gấm thêu vàng, ruộng vườn vạn khoảng, tiền - thóc đầy kho, gia nhân đầy chốn cung vàng điện ngọc hẳn đều do tiền kiếp ta đã tạo ra thiện - ác như thế nào. Sướng - khổ đời nay đâu có tùy tiện, chỉ thấy nay họ là kẻ ác đắc phúc nhưng ta đâu biết tiền kiếp họ đã tu phúc hoặc làm nhiều việc thiện để có thành quả ngày nay. Trang Tử ngày xưa có câu: *"Giặc Chích đem theo chín ngàn tặc tử bạo hành chư hầu mà vẫn đắc thọ."* Sách Luận Ngữ chép: *"Hạng Thác lên bảy làm thầy Khổng Tử mà mệnh vong lúc thiếu niên"* Bởi thế hiện tại người sống thanh liêm mà vẫn nghèo, kẻ tham ô lại giàu có nên ta đừng chấp ngã vào cái nhìn trước mắt để bài xích luật nhân quả.

Bác nông dân hỏi: Tuy cái lý nhân quả báo ứng không sai nhưng có một số người u mê lại nói: *"Lương tâm không đem ra mà ăn được"*. Nếu như chỉ cần đổ nước vào nồi cũng có cơm thì tôi mới tin lời thầy nói.

Hòa thượng đáp: Ta thấy câu đó u mê mà điên đảo cõi sinh khiếp thật. Quả thực nếu như lương tâm ai đó trong sáng không tỳ vết, phù hợp lòng trời khiến quỷ thần và mọi người cùng hoan hỷ tất khi đồng cảm ứng để tác thành niềm vui. Tục ngữ xưa có câu: *"Quân tử an lạc, phúc lộc tùy theo. Nếu ta bại đức kiếm tiền, khuynh tâm lượm của, để rồi phỉ báng lương tâm vô dụng chẳng những không có nước đổ vào nồi nấu cơm mà ta còn sẽ bị quỷ thần, trời, người phẫn uất tác thành họa. Nhẹ thì giảm phúc tổn thọ, bần hàn hung họa, nặng thì họa ập tới đời con cháu khiến chúng trở thành bọn nghịch tử bất lương đồng thời một cuộc sống đầy rẫy sự quái dị đang chờ ở đằng trước"*. Sách Văn Xương có câu: *"Tu thân khuyến thiện trời tất giáng phúc. Phản đạo bại đức quỷ thần thu hồi ngũ phúc"*. Đã biết phúc thiện họa dâm là lẽ tất nhiên sao ta không cải ác hành thiện. Chớ tự dối mình để trời, Phật luôn độ trì tăng thêm phần phúc thọ.

Bác nông dân hỏi: Có lỗi thì sửa có được không?

Hòa thượng đáp: Đã mấy ai là không có lỗi nhưng điều quan trọng là phải biết tự sửa. Biết sửa lỗi thì đó mới là điều thiện lớn nhất. Cách sửa lỗi có nhiều dạng cần tùy theo thân, tâm, khẩu nghiệp trong từng trường hợp cụ thể để xem xét là đúng hay không. Thiện tất thuận tòng, ác gặp sửa sai. Việc sửa ác tòng thiện giống như ta dùng thuốc trị bệnh cầu an lạc và để trời người giúp cho.

Bác nông dân hỏi: Nếu như không sửa được hết lỗi, nhất thời sinh tâm động niệm về sau ngộ ra vậy giáng phục tâm can như thế nào?

Hòa thượng đáp: Cổ nhân xưa muốn trị tâm đều để phòng từ lúc tâm niệm mới lộ xuất do đó công dụng rất lớn. Nhân tâm thiện ác không thể không động niệm tùy cơ. Tâm vừa mới động niệm ta cần tỉnh giác, giác ngộ rồi sẽ thấy tính không. Tập luyện thói quen này lâu dần tâm sẽ đi vào chính niệm. Sách xưa có câu: *"Vướng ý niệm sẽ thành loạn, đắc chính niệm là thánh nhân"*. Câu nói này thật chí lý nên ta cần làm theo.

Bác nông dân hỏi: Sống tại gia bị ngũ dục trói buộc khó lòng giải thoát vậy thiền gia có phương tiện gì chăng?

Hòa thượng đáp: Người tu tại gia là điều rất khó làm. Họ phải vững tâm bền chí mới đi xa được. Hàng ngày trong khoảng cách giữa động và tĩnh tại thế gian đừng quên tâm niệm lời chú A Di Đà Phật. Câu này làm ta chính niệm và tỏa sáng mọi chốn. Lấy nhất niệm hóa luân xa quán triến từ đầu tới khắp thân để tạm quên mọi tà niệm, dùng bát phong tẻ chỉnh cổ vũ ta thêm vững tâm đi tới chính niệm. Ngày tháng lâu dần, nhất niệm thành thục ta lại đem nhất niệm tan ra để hiện tính Di Đà. Điều này một đời ta khó ngộ hết, chỉ thấy rõ lúc lâm mệnh chung thời. Với một chính niệm ta sẽ đi đúng đường. Bằng một chỉ giáo ta đắc vạn ngộ. Kiến tính thành Phật nhờ quy tâm chân chỉ đừng cố vọng tìm đâu, cần đủ ngôn - hành thống nhất đó là sự vận dụng chân thực.

Vị hòa thượng nói xong thì lễ rồi lặng lẽ lui gót. Bác nông dân vội xuống đồng cày nốt thửa ruộng. Nắng chiều vẫn trải dài trên mảnh ruộng với những công việc còn đang dang dở.

Chương trình lọn nhựa tiết kiệm của Phật tử chùa Li
Quang - Phong Liệt - Hà N
Ảnh: Phùng Anh Tu

Hoạt động từ thiện xã hội

NÉT ĐẸP VĂN HÓA CỦA ĐẠO PHẬT

● NGUYỄN VĂN LONG
Chuyên viên Vụ Phật giáo - Ban Tôn giáo Chính phủ

Đạo Phật du nhập vào Việt Nam cách đây khoảng 2000 năm và được chấp nhận một cách nhanh chóng, bởi vì giáo lý đạo Phật đã đáp ứng được tâm tư nguyện vọng của một dân tộc đang chìm đắm trong ách thống khổ của phong kiến phương Bắc. Mặc dù lịch sử đất nước có nhiều thăng trầm, nhưng đạo Phật vẫn luôn khẳng định vị thế của mình trong lòng đất Việt.

Trong hai cuộc kháng chiến thần kỳ của dân tộc ở thế kỷ XX chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đã có nhiều vị sư *"cởi áo cà sa, khoác chiến bào"* rời thiền môn tòng quân đánh giặc cứu nước, nhiều ngôi chùa trên khắp đất nước đã trở thành căn cứ, nơi nuôi giấu cán bộ cánh mạng, nhiều thiền sư, cư sĩ Phật tử đã trở thành cốt cán của các tổ chức kháng chiến. Trải qua gần 30 năm phát triển và trưởng thành, Phật giáo Việt Nam đã góp phần tô thắm thêm trang sử hào hùng của dân tộc Việt Nam. Sau khi hòa bình lập lại, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cả nước chung tay, chung lòng cùng nhau hàn gắn vết thương chiến tranh và đi lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Năm 1981, với tâm huyết, trách nhiệm của nhiều vị tôn túc trưởng

Đóng gói sách báo ủng hộ từ thiện Ảnh: Phùng Anh Tuấn

thượng, với tinh thần lục hòa cộng trụ, vì mục đích chung xây dựng một tổ chức Giáo hội thống nhất để phục vụ đạo pháp và dân tộc, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ngôi nhà chung của tăng ni, Phật tử Việt Nam được thành lập. Phật giáo Việt Nam với phương châm *"Đạo pháp - Dân tộc và Chủ nghĩa Xã hội"* tiếp tục đóng góp công sức để xây dựng đất nước với mục tiêu chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang ra sức thực hiện vì *" Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh"*.

Trong thời đại mới, nền khoa học và công nghệ trên thế giới phát triển như vũ bão, bên cạnh đó cũng có những hệ lụy như môi trường, khí hậu biến đổi khó lường, hạn hán, bão lũ, sóng thần xảy ra liên tiếp đã gây ra cho loài người biết bao thảm họa, cướp đi mạng sống của hàng ngàn người và nhiều triệu người trong cảnh màn trời chiếu đất, song ở đâu đó cũng đã xuất hiện tư tưởng vô cảm, thờ ơ trước cảnh đời bất hạnh.

Trong bối cảnh của quốc tế nói chung và xã hội Việt Nam nói riêng, đạo Phật Việt Nam tiếp tục con đường phụng sự chúng sinh, dấn thân cứu đời, trong đó hoạt động từ thiện xã hội là hoạt động thể hiện đạo đức Phật giáo vừa mang tích tích cực, nhân văn trong sáng, vừa đượm nét *"Từ bi cứu khổ"* và đây cũng là nét đẹp văn hóa truyền thống của của dân tộc Việt Nam có từ ngàn đời *"Thương người như thể thương thân"*. Tinh thần ấy, nét đẹp văn hóa lớn ấy cũng luôn được những người con Phật phát huy cao độ, thể hiện tình thương bao dung giúp người, giúp đời trong cơn hoạn nạn khổ đau. Hoạt động từ thiện xã hội luôn được Giáo hội Phật giáo Việt Nam xác định là một trong những công tác Phật sự quan trọng, được triển khai sâu rộng đến các tỉnh, thành hội trong cả nước, góp phần chuyển hóa, và làm vơi bớt những khổ đau của cuộc sống con người. Chính vì lý do đó mà đạo Phật được chấp nhận một cách nhanh chóng tại Việt Nam với số lượng trên 10 triệu tín đồ, đông nhất so với các tôn giáo khác.

Thực hiện tinh thần *"ban vui, cứu khổ"* của đạo Phật, thời gian qua, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam phối hợp với Ban trị sự Phật giáo các tỉnh, thành đã làm tốt công tác từ thiện - xã hội; tổ chức thăm, tặng quà và ủy lạo đồng bào dân tộc có hoàn cảnh khó khăn, vận động gây quỹ để cứu trợ nạn nhân trong cơn bão Nasgis - Myanmar và trận động đất kinh hoàng xảy ra tại tỉnh Tứ Xuyên - Trung Quốc... Đây là những hoạt động từ thiện mang tính quốc tế sâu rộng của đạo Phật nhằm từng bước xoa dịu nỗi đau, mất mát của nhiều lớp người trong xã hội. Đồng thời tổ chức nuôi dạy các em mồ côi, các em nhỏ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, do vậy hoạt động từ thiện chẳng những mang một ý nghĩa nhân ái bao la mà còn thể hiện rõ nét đẹp văn hóa và trách nhiệm của đạo Phật trước tương lai đất nước và cũng là một cách hoằng dương chánh pháp gián tiếp nhưng lại vô cùng hiệu quả. Mai sau, từ trong cái nôi của Phật giáo bước ra đời, các em sẽ mang theo hành trang từ bi, cứu khổ thì đất nước sẽ hình thành một lớp người hữu ích cho xã hội và cho đạo pháp.

Song song với công tác Phật sự thường xuyên, trong các dịp tổ chức Đại lễ Phật đản, lễ hội, hội nghị, hội thảo... với phương châm *"Phục vụ chúng sanh là cúng dâng chư Phật"*, hoạt động từ thiện của đạo Phật cũng đã vận động được nhiều mạnh thường quân, các nhà hảo tâm tham gia công tác từ thiện xã hội, giúp đỡ đồng bào khó khăn xây nhà tình nghĩa, nhà Đại đoàn kết... Và trong những ngày qua, tại cuộc Hội thảo và khóa Bồi dưỡng hoằng pháp tại Thành phố Đà Nẵng *(từ ngày 14 đến ngày 18/4/2009)*, ban tổ chức đã tặng 50 chiếc xe đạp cho học sinh nghèo hiếu học của Đà Nẵng nhằm cổ vũ động viên khích lệ tinh thần hiếu học của học sinh vì tương lai của đất nước, đồng thời cũng thể hiện tốt tinh thần nhập thế của đạo Phật. Công tác từ thiện của Phật giáo luôn phát huy tính nhân văn, tình yêu thương con người lên trên hết thảy góp phần giảm bớt những khó khăn, những mảnh đời bất hạnh, ươm mầm cho xã hội, đất nước những mầm non của lòng nhân ái *"từ bi, cứu khổ"*, và một ngày mai sẽ nở ra nhiều bông hoa nhân ái góp lại sẽ thành một rừng hoa nhân ái là góp phần quan trong xây dựng xã hội an lạc, hạnh phúc.

Tóm lại, hoạt động từ thiện cũng là cơ hội để Phật giáo đi sâu và gắn kết với cộng đồng dân tộc, trước hết là nhằm xoa dịu nỗi khổ đau của những con người chịu nhiều bất hạnh trong cuộc sống, đóng góp cho đất Nước những giá trị nhân văn tốt đẹp, to lớn nhất từ giáo lý *"vô ngã, vị tha"* của đạo Phật. Bên cạnh đó, hoạt động từ thiện chính là phương tiện hữu hiệu thực hiện tốt hơn nữa phương châm *" Đạo pháp - Dân tộc và Chủ nghĩa Xã hội"* của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đây là nét đẹp văn hóa đặc sắc của Phật giáo cần được nhân rộng và phát huy trong thời đại mới.

Ni sinh Học viện Phật giáo Sóc Sơn luôn tiếp cận khoa học công nghệ. Ảnh: Phùng Anh Tuấn

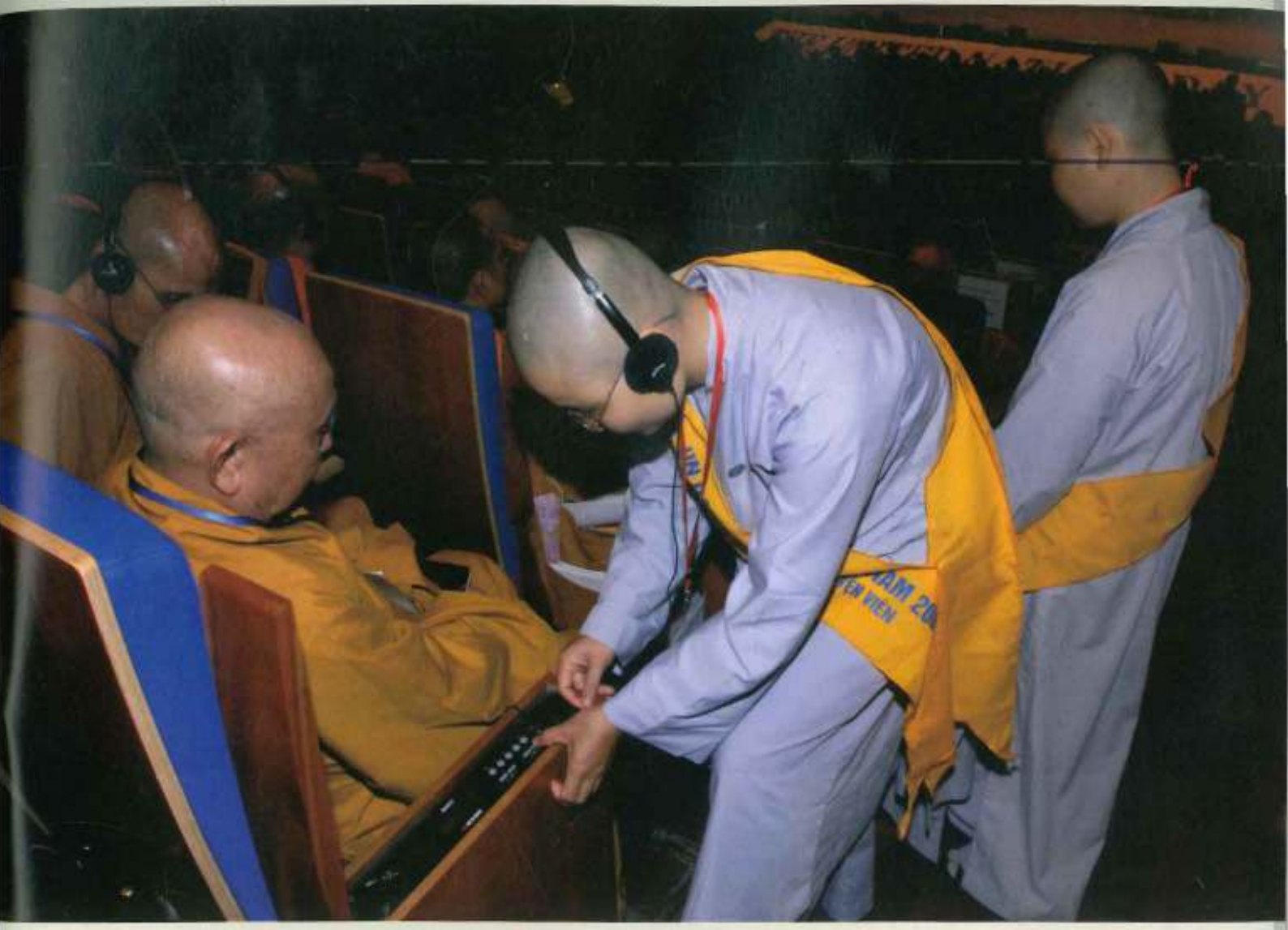

Hoằng pháp trong thời đại kỹ thuật số

● THÍCH THANH HÒA
(Trích tham luận Hội thảo Hoằng pháp năm 2009 tổ chức tại Tp. Đà Nẵng)

Hoằng pháp là trách vụ của mọi người con Phật. Từ xưa, các bậc Tôn túc đã không quản đường sá xa xôi, địa hình hiểm trở, quốc phong dị biệt, đi vào cuộc đời truyền bá Chánh pháp lợi lạc chúng sinh. Vậy ngày nay, chúng ta, những người con Phật sinh ra trong thời kỳ xã hội phát triển, kỹ thuật tiên tiến, ngoài việc duy trì hoạt động hoằng pháp truyền thống, còn cần phải biết tận dụng sự tiến bộ của kỹ thuật đương đại để đẩy mạnh công việc hoằng pháp, khiến cho Phật pháp đến được với mọi người trong xã hội, không phụ lòng kỳ vọng của chúng sanh.

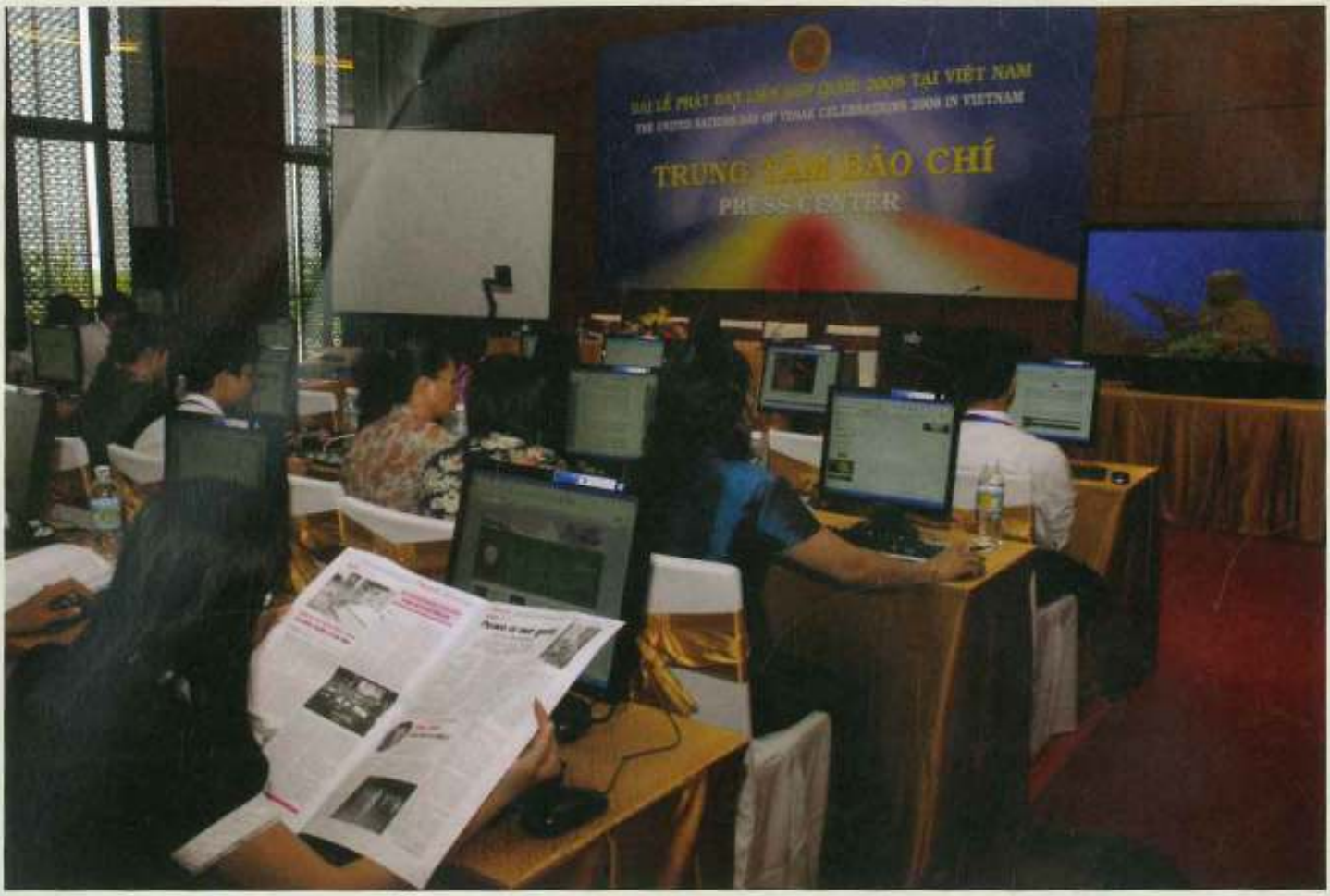

Trung tâm Báo chí tại Đại lễ Phật đản LHQ 2008 Ảnh: Phùng Anh Tuấn

Trước đây, nói đến Hoằng pháp là nói đến sự truyền giảng Phật pháp nơi Đạo tràng, thiết lập chùa chiền làm nơi quy ngưỡng cho dân gian, giúp đỡ nhân dân những việc cần như nghi lễ, tri thức. Đó là phương pháp hoằng pháp truyền thống trong xã hội chưa có sự trợ giúp của khoa học kỹ thuật. Tuy nhiên, xã hội ngày hôm nay đã thay đổi rất nhiều nhờ sự tiến bộ của các ngành khoa học, đặc biệt nhất là sự phát triển vũ bão của ngành Công nghệ thông tin. Tất nhiên trong xã hội như vậy, phương thức hoằng pháp cũng cần phải được mở rộng dựa trên những thành tựu khoa học để thích ứng với thời đại. Sự mở rộng đó có thể dựa trên 3 lãnh vực mà trong thời đại Công nghệ thông tin không thể thiếu được. Đó là internet, sách báo tạp chí, và các phương tiện nghe nhìn.

I. INTERNET

Internet là một hệ thống thông tin toàn cầu có thể được truy nhập công cộng gồm các mạng máy tính được liên kết với nhau. Hệ thống này truyền thông tin theo kiểu nối chuyển gói dữ liệu *(packet switching)* dựa trên một giao thức liên mạng đã được chuẩn hóa *(giao thức IP)*. Hệ thống này bao gồm hàng ngàn mạng máy tính nhỏ hơn của các doanh nghiệp, của các viện nghiên cứu và các trường đại học, của người dùng cá nhân, và các chính phủ trên toàn cầu *(theo Wikipedia)*.

Với lợi thế truyền thông tin dữ liệu nhanh, gọn, đa dạng và phổ biến như vậy, Internet đã trở thành một người bạn thân cận của nhiều giới trong xã hội, đặc biệt là giới trí thức, doanh nhân, viên chức và thế hệ trẻ. Phật pháp không chỉ giới hạn ở những người già rảnh rỗi, những nông dân công nhân được rảnh sau một ngày lao động cực nhọc hay những em bé chưa biết chuyện công sở mà phải đến với những con người đang vận hành xã hội, đang sống từng giây phút cống hiến cho cộng đồng nhưng họ không có nhiều thời gian để đi đến tham dự các buổi giảng pháp, đó chính là những người đang miệt mài trong văn phòng, những kỹ sư bác sĩ hằng ngày đều phải dành thời gian truy cập Internet tìm hiểu thông tin, những học sinh sinh viên đang háo hức trên những nẻo đường tìm kiếm tri thức qua mạng lưới Internet...Tất cả họ đều có một điểm chung đó là truy cập thông tin qua cánh cửa Internet. Chúng ta sẽ mượn cánh cửa Internet này để đưa thêm cho họ một món ăn tinh thần mà nhiều người rất sẵn lòng nhận lấy nhưng chưa có cơ hội bắt gặp. Cũng có kẻ chưa biết hay chưa ưa thích Phật pháp, nhân đó mà được tiếp xúc với những lẽ sống tốt đẹp trong đạo Phật để rồi có những chuyển hóa trong tâm hồn của họ. Vô tình bắt gặp hay cố ý tìm kiếm, một khi đã vào mạng lưới Internet thì người sử dụng đều có cơ hội tiếp xúc với những giáo lý mà chúng ta chủ động đưa lên.

Theo đó, chúng ta sẽ thiết lập một mạng lưới Phật pháp trên Internet thông qua những trang web, những diễn đàn thảo luận để cho mọi người đọc, nghe, bình luận, học hỏi. Lập website là một công việc phổ biến của nhiều chùa, tu viện, trường, hội Phật giáo ngày hôm nay. Như các trang www.giaohoiphatgiaovietnam.vn; www.quangduc.com; www.phattuvietnam.net; www.phatviet.com; www.lieuquanhue.com.vn; www.langmai.org... đã trở thành địa chỉ thân quen của rất nhiều cư dân mạng, cả trong nước lẫn nước ngoài. Tuy vậy, thực tế hiện nay, nhiều đơn vị giáo hội cơ sở vẫn chưa làm được điều này. Tăng ni Phật tử nhiều nơi vẫn chưa có thói quen truy cập học hỏi Phật pháp qua mạng.

Trong lãnh vực Internet, ngoài việc lập website chuyển tải thông tin vào thế giới ảo, chúng ta còn có thể mở các Đạo tràng giảng pháp hoặc sinh hoạt Phật pháp cho cộng đồng ảo gọi là Room Online. Hiện nay các phòng giảng như: Thảo luận Phật pháp online, sinh hoạt Tăng ni Phật tử, Vi diệu pháp... vẫn hoạt động thường xuyên. Đây cũng là một hình thức nghe giảng pháp và trao đổi trực tuyến giữa thính chúng với giảng sư như những đạo tràng thuyết pháp truyền thống, chỉ có điều họ là những người đang ngồi làm việc tại văn phòng, đang nghỉ ngơi tại tư gia, đang lục lọi ở thư viện, hay đang ngồi đợi ở sân bay còn giảng sư thì đang ngồi giảng ở một tự viện xa xôi nào đó. Các phòng giảng này mở cửa thường xuyên, có thể là 24/24 bởi vì người ta thay đổi người điều hành theo múi giờ trên toàn cầu sao cho lúc nào khách vào cũng nghe được. Đây là những hoạt động hoằng pháp thiết thực và hiệu quả mà chúng ta nên tận dụng.

II. SÁCH, BÁO, TẠP CHÍ, NỘI SAN

Sách đã là phương tiện truyền pháp từ xưa. Tuy nhiên, trong thời đại công nghệ thông tin, với sự hỗ trợ đắc lực của công nghệ in ấn và các phương tiện liên quan, hình thức hoằng pháp này có thể được mở rộng thêm nữa để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu của quần chúng.

Trước đây, khi xã hội chưa phát triển, việc phát hành các ấn phẩm phục vụ cho việc đọc là chuyện không đơn giản. Chỉ vài thập niên trước, Phật tử chúng ta phải tự tay chép kinh để trì tụng, thế nhưng giờ đây, lượng kinh sách lưu hành tại mỗi cơ sở chùa hội đều rất phong phú. Đó là nhờ sự phát triển của kỹ thuật in ấn. Có thể nói sự phát triển của ngành in thực sự là một cuộc cách mạng văn hóa lớn, mang lại cho con người một chân trời tri thức đầy hứa hẹn.

Với sự hỗ trợ của kỹ thuật in và các phương tiện khác của công nghệ kỹ thuật số, ngày nay đã có nhiều tập san và báo chí Phật giáo xuất hiện, chia sẻ những kinh nghiệm tu tập và làm giàu thêm lượng tri thức cho con người. Nhiều tổ chức và cá nhân mạnh dạn đứng ra ấn tống kinh sách giúp cho mọi người dễ dàng có được những tài liệu tu học. Đây cũng là một hoạt động hoằng pháp thiết thực và hiệu quả mà chúng ta cần phải phát triển.

III. PHƯƠNG TIỆN NGHE NHÌN

Nói đến Hoằng pháp qua các phương tiện nghe nhìn là nói đến các hoạt động thực hiện băng đĩa, các chương trình phát thanh truyền hình, các hội diễn... chuyển tải nội dung Phật giáo. Những chương trình đó có thể là phổ biến giáo lý, sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội, hoặc giới thiệu các danh lam trong địa phương. Điểm qua những hoạt động trong lãnh vực này chúng ta thấy có công việc phát hành băng đĩa của Chùa Hoằng Pháp tại Hóc Môn, TP. HCM; nhóm đọc Đại Tạng Kinh tiếng Việt do thầy Nhật chủ trương; băng đĩa giảng của Hòa thượng Thích Trí Quảng, Hòa thượng Thích Từ Thông (TP. HCM) và nhiều vị khác... Đó đều là những công việc có ý nghĩa hoằng pháp cao, chúng ta cần phải đẩy mạnh công việc này nhiều hơn nữa, sâu rộng hơn nữa bằng việc thực hiện những chương trình truyền hình phát trên kênh truyền hình quốc gia, những băng đĩa về các chương trình lớn như lễ Phật đản, Vu lan ...

Ngoài ra, trong lãnh vực nghe nhìn, chúng ta cũng cần chú tâm đến vấn đề các công trình kiến trúc nghệ thuật, tác phẩm hội họa, âm nhạc..., những yếu tố văn hóa tác động trực quan đến con người. Một pho tượng Phật, Bồ - tát có giá trị thẩm mỹ cũng là một tác phẩm có giá trị Hoằng pháp cao. Một ca khúc Phật giáo hay cũng là một bài thuyết pháp hùng hồn. Một ngôi chùa có kiến trúc thanh thoát cũng có thể nhắc nhở khách tham quan một nếp sống tâm linh nhiệm mầu. Rồi những cuộc triển lãm tranh tượng, pháp khí, thi họa Phật giáo..., tất cả đều hướng đến mục đích chuyển tải đạo vào đời, khơi dậy nơi lòng người sự thức tỉnh tâm linh. Nếu chúng ta tổ chức được những điều đó thì chắc chắn lượng người quan tâm đến Phật giáo sẽ được mở rộng thêm rất nhiều.

Có người nói rằng xã hội chúng ta phần lớn quần chúng còn chân lấm tay bùn, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào sự nghiệp hoằng pháp là chuyện xa xôi. Nói như vậy là phủ nhận khả năng thích ứng và tiến bộ của người dân Việt Nam nói chung, cộng đồng Phật giáo nói riêng. Bởi vì trên thực tế, những năm gần đây ở nước ta dân số sử dụng thiết bị công nghệ thông tin đã rất cao. Riêng về sử dụng Internet, theo thống kê của báo Nhân dân, tính đến hết tháng 5/2008, nước ta có khoảng 23% dân số sử dụng Internet. Đây không phải là một con số nhỏ.

Nói tóm lại, những đề nghị nêu ra trên đây, trong điều kiện hiện tại, có cái chúng ta có thể thực hiện được, có cái chưa được. Nhưng thiết nghĩ, nếu chúng ta quyết tâm, trong tương lai gần, chắc chắn Phật giáo các tỉnh thành đều có sự đóng góp to lớn trên xa lộ thông tin, chung tay tiếp sức cho sự nghiệp Hoằng dương Chánh pháp, đem lại lợi ích an lạc cho nhiều người.

ÁNH ĐẠO VÀNG

Tâm thông hết thảy đều thông,
Tâm mê có mắt mà không thấy đàng,
Phật trao ta Ánh Đạo Vàng,
Tự mình khám phá Thiên Đàng Tự Tâm.

CHÁNH - TÀ

Học Đạo hiển Chánh phá Tà,
Hết Tà buông Chánh mới là tịnh thanh,
Quán soi sự - lý, dữ - lành,
Lỗi mình gắng sửa, chẳng chê trách người.

TÙY DUYÊN

Vạn pháp thế gian thảy tùy duyên,
Tử sinh thành hoại lẽ tự nhiên,
U mê chấp trước gây phiền não,
Buông chấp bỏ mê đặng thành Tiên

TỨ THẦN TÚC

Nguyện cầu tha thiết đáy lòng ta,
Tinh tấn công phu nương Phật Đà,
Nhất tâm như núi không lay chuyển,
Quán phá U minh, ngựa phi xa.

CHÁNH PHÁP

Đạo – đời, lý – sự khoác hai vai,
Thấu lý, đạt tình chẳng hại ai,
Xử thế, đối nhân theo Chánh Pháp,
Hài hòa, nhu thuận giống Như Lai.

CHÁNH QUẢ

Siêng năng tưới Pháp giữa vườn tâm,
Thiền khéo hạt Linh sẽ nảy mầm,
Tinh tấn, công phu chăm cây lớn,
Bồ đề Chánh Quả ắt đầy mâm.

NIẾT BÀN

Nhân duyên gặp Pháp, liễu Tâm kinh,
Chợt thoảng ngộ ra Bản tính mình,
Chứng nhập Chân như, lòng tịch mịch,
Bừng lên Trí huệ đỉnh quang minh.

DIỆU GIÁC

Định Tâm, Huệ Nhãn mở dần ra,
Chiếu phá lầm mê cõi Ta bà,
Kiến Tánh Minh Tâm, hai mà một,
Đạo mầu thành Phật tại lòng ta.

*

Bản Tính đủ ngay Tự Tâm mình,
Xưa nay không diệt cũng không sinh,
Tịnh thanh vốn gốc không lay động,
Vạn pháp năng sinh tự tâm linh.

*

Niệm chân hễ khởi, thảy đều chân,
Muôn cảnh như như, mặc xoay vần,
Tâm vẫn như như - Tâm chân thật,
Nhập Tri kiến Phật - Diệu Giác Tâm.

HÀ VĨNH TÂN

Ảnh: Thích Giác Thông

Hướng dẫn thực tập THIỀN

● TT. THÍCH BỬU CHÁNH
(Trích tham luận tại Hội thảo Hoằng pháp năm 2009 tổ chức tại Tp. Đà Nẵng)

Một trong những bước đi yêu cầu của thiền định chính là khả năng vượt thoát khái niệm tập quán để thành tựu một trí tuệ thực nghiệm. Để bắt đầu một buổi thiền định, ta chỉ đơn giản dành ra chút thời gian ngồi yên lại, hai tai xếp lên nhau. Nhưng cái cảm nghiệm theo sau những thao tác đó là gì chứ! Có thể rằng ta sẽ lưu tâm đến sự xúc chạm nhau của các ngón tay, hoặc một ý tưởng hời hợt về cái gọi là đôi bàn tay đang yên vị trên bắp chân mình, hay là một sự tỉnh thức ghi nhận những cảm giác tế nhị như hơi ấm hoặc sự tiếp xúc. Khi ta có một trực cảm tỉnh thức về các cảm giác thực tại thì liệu khái niệm định danh về tay chân kia có còn tiếp tục hiện diện nữa hay không? Hãy cố gắng thực tập bài học này với đôi mắt nhắm lại chối từ tất cả ngoại cảnh bằng một ít thời gian thẩm nghiệm, khu biệt các hình thái cảm nghiệm.

Hãy thử khách quan kiểm tra chính mình trong đôi phút. Bạn có tỉnh thức trong mỗi bước kinh hành của mình hay không? Bạn có gọi tên và bận tâm đến hình thức vận động của đôi chân mình như là một ảo tượng? Bạn cảm nhận được cái gì trong từng bước chân? Trong mỗi phút giây lắng nghe, cảm nghiệm bạn có tự tạo một khái niệm ảnh tượng nào không? Cái gì đã đưa đến các cảm nghiệm, có phải tự chúng xuất hiện hay không?

Từ trong giờ thiền định chính thức, cho đến mỗi mỗi sinh hoạt lớn nhỏ trong đời sống thường nhật, bạn nên tự khu biệt khách quan cái khái niệm tập quán với cái cảm nghiệm như thật về thực tại.

CÁCH XỬ LÝ VÀ TẬN DỤNG CÁC TRỞ LỰC PHIỀN NÃO

Hãy đặc biệt lưu tâm đến những hình thái phiền não có vẻ trầm trọng và xuất hiện thường xuyên nhất trong cuộc sống thường nhật cũng như vào những giờ thiền

định, chẳng hạn như một tâm lý ích kỷ, sợ hãi, toan tính, dục cảm nghi hoặc, hay một tình trạng phóng dật nào đó bất luận. Trước hết thử bỏ ra một tuần với nhiều giờ thiền tọa mỗi ngày rồi chuyên tâm ghi nhận một cách tỉnh thức sự có mặt của chúng trong mỗi giây phút. Hãy quan sát và nhìn ngắm chúng một cách nghiêm cẩn, thận trọng. Đồng thời ta cũng phải ghi nhận luôn cả những gì *(phản ứng tâm sinh lý)* vẫn xuất hiện theo sau sự có mặt của chúng. Cho dầu chúng có tế vi nhỏ nhiệm đến mấy, ta cũng vẫn chiêm ngắm. Còn nếu chúng quá kín đáo, nhẹ nhàng đến mức gần như không thể ghi nhận thì cứ cố gắng bới tìm cho được cái khía cạnh mạnh, rõ, nói chung là tính động. Nên thường xuyên ghi nhận sức tác động, ảnh hưởng của chúng với nội thân chính mình dù dưới bất cứ hình thức nào. Trong công phu xử lý các trở lực phiền não, một người thiền sinh phải luôn biết đón nhận và làm thư giãn cho đến ngay cả thái độ tâm lý đối kháng của mình trước các phiền não trở lực. Sau cùng rồi thì ta cũng phải luôn biết quay lại với công phu thiền tọa và tỉnh thức nhìn ngắm từng hơi thở ra vào bằng tất cả sự thư thái không can dự: Đón chào và quan sát nó như đối với một người bạn cũ.

ĐƯA Ý MUỐN SANG HÀNH ĐỘNG

Trước hết, ta hãy chọn lấy một thế ngồi thoải mái, nhắm mắt lại và thử bỏ ra khoảng năm phút để theo dõi từng dòng tư tưởng đến đi. Trong suốt thời gian này, ta cứ bình thản nhận diện từng ý nghĩ một trong đầu mình khi chúng vừa xuất hiện. Từ đó ta sẽ thấy rằng các luồng tư tưởng chẳng khác gì những bức tranh những dòng chữ hoặc cả hai, và song hành với các dòng tư tưởng luôn là cảm giác tâm lý, có thể là nhẹ nhàng nhưng đôi khi lại là những bức xúc nặng nề. Nhìn ngắm tư tưởng trôi đi, dĩ nhiên ta cũng phải ghi nhận tất cả những chi tiết đó của chúng.

Để việc quán tâm được như ý hay ít nhất cũng là dễ dàng hơn, ta phải học cách phơi trải nội tâm mình ra như một phông tranh sáng sủa, hay lồng lộng xuyên suốt như bầu trời trong xanh rồi lặng lẽ chờ đợi và nhận diện thật cẩn trọng từng tư tưởng lộ diện như con mèo ngồi rình chuột trong một hốc tối thích hợp. Cứ thế, từng tư tưởng đi qua, ta không bỏ sót tư tưởng nào. Cái này trôi đi, ta chờ cái khác trôi đến.

Điều tối trọng là vị hành giả đừng bao giờ để mình bị cuốn hút và mê hoặc bởi bất cứ luồng tư tưởng nào hết. Chúng ra sao cũng mặc, ta chỉ tri nhận một cách hồn nhiên thôi. Các dòng tư tưởng có thể như tự tản mạn manh mún ngay khi mới vừa xuất hiện trong sự quan sát của ta, nhưng rồi sau đó đâu sẽ vào đấy, chúng sẽ lộ dạng nguyên hình. Đối với nhiều người, chỉ trong năm phút ngắn ngủi đó có thể từ năm đến mười luồng tư tưởng khác nhau. Dùng đến con số toán học ở đây có vẻ không hay, nhưng nói vậy có nghĩa là trong từng phút giây thời gian, nội tâm chúng ta luôn biến động và trôi chảy không ngừng để có khi chỉ trong đôi ba phút, người ta có thể bị cuốn xô bởi hàng chục suy nghĩ mà không kềm hãm được. Chỉ với Thiền định, người hành giả mới có thể thấy được từng hình thái tư tưởng, thấy rõ những gì vẫn thống trị nội tâm chính mình, như một bức tranh xuất thần hay những dòng chữ trêu ngươi nào đó mà chúng tôi vừa ví dụ ở trên.

Và điều sau cùng quan trọng hơn cả là chúng ta sẽ cảm nhận được cái kinh nghiệm rằng mình đã bằng cách nào, với cách điệu nào chiêm ngắm dòng luân lưu của tư tưởng thông qua một chánh niệm để chỉ ghi nhận chúng mà không bị chúng cuốn trôi, đồng hóa, huyễn hoặc bằng một ý niệm tự ngã, ngã sở nào hết. Điểm kỳ diệu của Thiền định nội quán nằm ngay ở chỗ này.

BÀI THỰC TẬP - ĐỜI SỐNG TỈNH THỨC QUA THẤT GIÁC CHI

Theo lối trình bày của giáo lý truyền thống, pháp môn Thất giác chi có vẻ như được trau dồi theo tính cách thời đoạn thứ lớp. Nhưng ở đây, trong công phu thực tế, tự hành giả có thể sống tỉnh thức với sự có mặt của cùng lúc bảy giác chi trong phút giây thiền tọa. Chúng ta có thể dành ra một thời gian nhất định nào đó để kiểm tra chúng trong chính thâm tâm của mình. Điều quan trọng là hành giả phải biết khách quan và bình tĩnh để nhìn ngắm chúng thật sự đang mạnh hay yếu, ngay khi chúng vừa sanh khởi, để biết được cái nào cần bổ sung, gia giảm. Đặc biệt là đối với ba giác chi mang tính tĩnh: Định giác chi, Tỉnh giác chi và Xả giác chi.

Hãy chú ý lưu tâm đến những giác chi đang quá sung mãn bởi vì động lực thúc đẩy của chúng rất phức tạp. Chỉ cần vài tuần trực diện, ta sẽ hiểu được tại sao có khi chúng bất chợt trở nên thế nầy thế khác thôi. Nhất là phát hiện ra những gì ngăn trở chúng, và bên cạnh đó là sự dụng công tìm lấy một biện pháp hữu hiệu để trưởng dưỡng từng giác chi trong cuộc tu thường nhật của mình.

PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

Phương thức này nếu được hiểu và được thực hiện đúng đắn thì vẫn là một nguồn tác động để khai sinh và trưởng dưỡng niềm tin cùng thiền định. Sự suy tưởng về các pháp Ba La Mật và nhưng động lực giúp Bồ Tát làm tròn tất cả các đạo hạnh đó chắc chắn sẽ đem lại cho cuộc tu của chúng ta một niềm khích lệ. Và để thực hiện điều này, chúng ta nên dành ít thời gian để học về cuộc đời Đức Phật, về những câu chuyện tiền thân của Ngài và đặc biệt là những bài thuyết giảng giáo lý của Đức Phật mà qua đó, chúng ta sẽ nhìn thấy được tất cả những gì cần được nhìn thấy ở Ngài. Thái độ quan trọng của chúng ta khi nhớ về Đức Phật phải là nhờ sự kết hợp nhuần nhuyễn đời sống của Ngài với cuộc tu của chính mình.

Một phương thức niệm Phật khác nữa là chúng ta hãy tự cố gắng xem như Ngài luôn hiện diện thật sự ngay trước mặt mình. Nếu chúng ta thực hiện được điều đó thì có lẽ chúng ta cũng thừa hiểu mình sẽ thu hoạch được thành quả gì trong cuộc tu, ít nhất cũng là về mặt tâm lý tu hành.

NUÔI LỚN TÌNH THƯƠNG

Ảnh: Thích Giác Thông

Trong đời sống thường nhật chúng ta có nhiều trường hợp và cấp độ để trưởng dưỡng và đánh thức tình thương vị tha. Ta có thể thực hiện điều đó ngay trong giờ tĩnh tọa, chỉ mình với mình. Những suy nghĩ hoặc các hình ảnh khả dĩ khơi gợi ở tâm hồn ta về những nỗi khổ của người khác hoặc một sự liên tưởng nào đó có nội dung tương tự, ta hãy dồn hết tâm lực để tự đặt mình vào hoàn cảnh của người, thực hiện một tình thương và mối giao hòa, đồng cảm tương ứng. Việc lập đi lập lại lời nguyện *"mong cho tất cả luôn được an lành"* cũng là một phương thức tốt để chúng ta tự nuôi lớn tình thương tha nhân ngay trong chính nội tâm mình. Lời nguyện này, buổi đầu là nhắm thẳng vào những đối tượng đang đau khổ và có thể được kéo dài trong đôi ba phút hoặc kéo dài suốt cả thiền tọa. Bên cạnh đó, chúng ta còn có thể tự thực hiện một tình thương vô tư ngay đối với chính bản thân mình vào những giây phút nhận ra những đau khổ tâm sinh lý xảy ra trong giờ thiền định.

Ngoài ra, ta có thể trưởng dưỡng và thể hiện tình thương với mình và thái độ sống hướng về người khác. Những khi nhìn thấy ai đó đang bị đọa đày trong bất cứ hình thức đau buồn nào, ta hãy dành chút thời gian cho họ càng lặng lẽ, càng kín đáo thì càng tốt. Hãy biết quan sát một cách cẩn thận tất cả những tâm lý phản ứng phức tạp luôn có thể xảy ra trong tâm hồn mình. Hãy thanh thản để mặt mọi thứ đến và đi, để giữ lại cho chính mình một thế giới nội tại yên tĩnh. Hãy nhìn thẳng vào người khác với một tình thương ấm áp và giản đơn, bất cầu báo và vô phân biệt. Nên thường xuyên có những tra vấn tự thân: Mình có hiểu được rằng mọi người đang triền miên đau khổ? Mình có tự tìm được rằng mọi người đang triền miên đau khổ? Mình có tự tìm được một chút gì giao hòa, đồng cảm với họ hay không? Giữa ta với người có một rào cản ngăn cách nào hay không? Tâm hồn của mình cũng được phơi mở hay vẫn bị khép kín? Nói chung, điều cần thiết là ta phải tự biết xây dựng một mối quan hệ mật thiết và chân thật đối với tha nhân bằng niềm mong mỏi cho họ được hạnh phúc. Bằng vào tất cả khả năng có được, ta hãy thường trực thực hiện công phu này cho đến khi nào giữa mình với người có một sự giao cảm và thương yêu thật sự.

THỰC HIỆN MỘT TINH THẦN THIỀN ĐỊNH TỰ TẠI

Thái độ tự tại dĩ nhiên là tư thái căn bản, cốt lõi của Thiền Quán nhưng bằng vào pháp môn tu tập về bốn pháp phạm trú (Từ, Bi, Hỷ, Xả), tinh thần tự tại cũng vẫn có thể được phát triển như một phương tiện thiết yếu. Tinh thần tự tại thường song hành và được vận dụng để điều động lòng từ bi. Và mặc dù chúng ta có cố gắng trưởng dưỡng, tu tập một lòng từ bi vô lượng đối với tha nhân bằng tất cả những cố gắng san sẻ hết mình những nỗi đau khổ trên toàn thế giới nhưng chắc chắn vẫn luôn có nhiều trường hợp, tình huống mà chúng ta không thể nào tìm thấy được một chút trắc ẩn, bất nhẫn. Thánh Francis đã có một lời nguyện rất nổi tiếng: *"Xin cho tôi có đủ sức mạnh để thay đổi mọi sự mà mình muốn thay đổi để tôi không phải bất lực trong khả năng đón nhận mọi sự, và xin cho tôi hãy có được cái trí tuệ để hiểu được những gì mà mình chưa biết đến"*. Một trí tuệ về nghiệp lý trong sự hiện hữu của tất cả chúng sinh luôn mang lại cho ta một tâm hồn sáng suốt cộng với một trái tim biết yêu thương không phân biệt.

Để có được một tư phong lẫn tâm thái tự tại, trước hết hành giả nên chọn lấy một tư thế ngồi thật thoải mái rồi nhắm mắt lại. Sau đó, hành giả tập trung tư tưởng vào hơi thở cho đến khi nào có được một sự cảm nhận chính chắn, khách quan rằng tâm sinh lý của mình đang ở trong tình trạng thật sự ổn định. Tiếp theo, hành giả hãy bắt đầu chiêm ngắm trực tiếp vào nội tâm vốn đang được quân bình và tự tại của mình. Hãy tự cảm nhận như là một sự thưởng thức chính thực tại đó và nếu cần, hành giả có thể tự ám thị mình bằng những lời thầm thì mang ý nghĩa xác định thực tại: *"Mong sao nội tâm tôi luôn được quân bình và an lành; mong sao tôi không bị quấy động bởi bất cứ tục sự nào,..."*. Rồi hành giả nên tự mình quán xét tổng quát bản chất vô thường của mọi thứ trên đời: Cái gì cũng tự đến rồi đi, không có chi là trường tồn bất biến. Từ niềm vui cho đến nỗi buồn, nỗi bất hạnh hay điều may mắn, con người, nhà cửa, súc vật, các dân tộc và kể cả toàn bộ các nền văn minh đều chỉ là bọt nước phù du. Hành giả nên luôn tâm niệm rằng mong sao mình có thể điềm nhiên ngắm nhìn tất cả những đổi thay trên đời bằng một nội tâm tự tại thăng bằng, đồng tự phơi mở tâm hồn mình để thương yêu tất cả vạn loài mà vẫn bằng tâm thái đó. Để xác quyết trí tuệ về nghiệp lý *"Mỗi người luôn chịu trách nhiệm về những sở hành thiện ác lớn nhỏ của mình"*, hành giả lại nên tiếp tục nuôi dưỡng ở chính tâm hồn mình cái khả năng yêu thương và tự tại trong mỗi biến cố của đời sống, dĩ nhiên vẫn với sự quân bình, điềm tĩnh và bình an của nội tâm.

CHIÊM NGẮM Ý HƯỚNG HÀNH ĐỘNG

Để hiểu được nghiệp lý, điều căn bản và cốt lõi là việc nhìn thấy phương thức vận động hoặc những khuynh

hướng ý thức mang tính quy định một chủng tử tạo quả trong tương lai trong chính hành động mà mỗi người thực hiện. Từ đó suy ra, một sở hành *(trong tam nghiệp)* được điều động bằng thiện tâm thì kết quả tất yếu của nó sẽ là các quả lành. Bằng ngược lại một sở hành được điều động bởi các phiền não thì hậu quả dĩ nhiên của nó sẽ là tất cả những gì cay đắng chua chát trong tương lai. Có điều là các quả nghiệp không phải luôn luôn là nhãn tiền nên ta phải nói rằng thật không dễ dàng gì nhìn thấy được quá trình quan hệ tương thuộc giữa nhân và quả.

Tuy nhiên trong đời sống thường nhật ta vẫn có lắm dịp để thấm thía một cách dễ dàng và trực tiếp vấn đề nghiệp lý xuyên qua trường hợp khẩu nghiệp, những ngôn ngữ đối giao với mọi người xung quanh. Chúng ta hãy làm một thử nghiệm bằng cách bỏ ra đôi ba ngày ghi nhận cẩn thận và trung thực từng động lực tâm sinh lý của mỗi lời nói mà mình phát biểu. Hãy cố gắng nhìn thẳng vào từng phút giây tâm não trạng gắn liền với ý muốn phát ngôn, nhìn thẳng vào những động lực, phản ứng tâm lý vào cả sự chọn lựa ngữ ngôn của mình. Hãy cố gắng tỉnh thức để nhận diện tất cả những gì thúc đẩy ta nói, bất luận đó là một thứ tâm trạng thô tế, tốt xấu ra sao. Đại khái, càng tỉnh thức càng tốt, đối với tất cả hình thái ý thức và những gì thật sự có tác động đến khẩu nghiệp của mình.

Ta chỉ nhìn ngắm thôi, một cách khách quan về đáy sâu thật sự của nội tâm mình, không thông qua một toan tính khuôn sáo nào cả. Hãy đơn giản ghi nhận các vận động sai biệt của ý thức cùng những ngôn ngữ mà chúng điều động.

Sau chừng đó nỗ lực, ta hãy tiếp tục ghi nhận ảnh hưởng của mỗi lời nói mà mình phát biểu: Ta sẽ phải nhận lấy những gì từ thế giới chung quanh khi ngôn ngữ của mình được phát biểu bằng một nội tâm nhỏ nhen, vị kỷ, cao ngạo,...? Người khác sẽ có phản ứng ra sao trước những câu nói đầy tình thương?

Qui luật nghiệp báo luôn buộc ta phải tự chịu trách nhiệm về tất cả những tác động của mình *(mà mỗi người có thể chọn lựa)* đối với thế giới chung quanh trong từng giây phút. Với sự khám phá tinh vi và kỳ thú về những năng lực nội tại này ở mỗi người cũng giúp ta tự qui định lấy điều kiện sinh tồn ngoại tại: Ta có thể chọn lấy cho mình một hướng đi an lành, giải thoát.

TẤM LÒNG VỊ THA

Hãy chọn ra một phút giây tĩnh lặng nào đó để tự hỏi lòng mình về khả năng yêu thương tha nhân. Trước hết, hãy ngồi im lặng trong đôi ba phút trong một tư thế sẵn sàng, thuận lợi cho việc trầm tư rồi tự nêu lên vấn đề đó với chính bản thân mình. Cứ sau mỗi tư tưởng tự vấn, ta hãy để lòng mình thanh thản trước khi trả lời và câu trả lời đó dĩ nhiên phải hết sức trung thực khách quan, tương ứng với trình độ của Từ tâm và Trí tuệ bản thân.

Hãy tự tưởng tượng rằng nếu trong vài ba năm trước đây mình là một con người có những công trình phụng sự tha nhân một cách đáng kể, những đóng góp to tát cho thế giới, thì khi đó mình sẽ ra sao? Lúc đó, cái gì sẽ làm mình hạnh phúc nhiều nhất? Những đóng góp mà mình đã thực hiện cho thế giới liệu có mang lại cho mình một sự thỏa mãn nào không?... Và quan trọng nhất là câu hỏi: *"Kể từ ngay bây giờ đã có thể sống đời vị tha được hay chưa? Nếu được, thì tại sao chúng ta lại không bắt đầu đi?"*.

NUÔI DƯỠNG CHÁNH NIỆM

Lập một thời khóa tọa thiền mỗi ngày

Đây là một phương cách để trưởng dưỡng công phu thiền định thường nhật, đồng thời cũng giúp ta kiểm tra những chu trình của nó một cách dễ dàng. Hãy thử bỏ ra một hoặc hai tháng với một cuốn sổ tay để bên cạnh chỗ mình tọa thiền rồi viết vào đó, một cách trung thực, thời gian tọa thiền cùng tất cả những gì xảy ra trong tâm mình. Chẳng hạn: Ngày X tháng Y, ngồi được một giờ đồng hồ, phóng tán hướng ngoại hoặc trong sáng định tĩnh, có hoặc không những chấn động cảm xúc...

Cuối thời gian đã định, hành giả đọc lại tất cả để đánh giá chính xác được từng bước công phu của mình rồi tự đưa ra những hướng đi thích ứng. Chánh niệm sẽ qua con đường này mà được nuôi lớn.

Tìm một ấn tượng để tập trung tinh thần *(tạo thói quen tỉnh thức để tỉnh thức trở thành thói quen)*

Hãy chú ý vào một hoạt động thường nhật nào đó mà ta thường thực hiện trong sự vô tâm rồi đưa hết chánh niệm vào đấy. Ta có thể lấy việc uống trà, tắm rửa, hoặc lái xe để làm bài thực tập bằng cách dành ra đôi ba phút trước khi bắt đầu làm việc đó. Công việc sẽ được thực hiện trong sự nhẹ nhàng, cẩn trọng và trở thành một công án thiền định tuyệt vời về thực tại, những gì đang xảy ra. Làm thế có nghĩa là hành giả đã mở ra tất cả cánh cửa lòng mình với vạn vật, với mọi sự. Ta có thể nuôi cái cảm giác rằng chính Đức Phật đang từng bước có mặt bên cạnh cuộc tu của mình như một sự gia trì thiêng liêng.

Ở đây, ta thử sống trầm lặng và tỉnh thức như một người Nhật Bản uống trà đúng theo nghi thức Trà Đạo, nhưng không dừng lại ở riêng một hoạt động nào mà là mọi hoạt động, luôn khi và mọi nơi. Công phu thực tập có thể kéo dài trong một tuần hay một tháng. Vấn đề thời gian không quan trọng, miễn sao chánh niệm của ta ngày một lớn mạnh thì thôi.

Thực hiện một kiểu sống giản dị tự nguyện

Cố gắng bỏ ra đôi ba ngày thử nghiệm một nếp sống không bị chi phối bởi một sinh quan văn minh hay tiện nghi nào để hòa mình với thiên nhiên. Trước hết hành giả ngồi lại trong im lặng rồi cố nhớ lại tất cả những gì là mật thiết trong đời sống bản thân bằng cách đưa vào tư tưởng mọi thứ mình đã sống qua: công việc, quan hệ xã hội, gia đình, nhà cửa, các hoạt động nổi bật, các thứ mình sở hữu được, những mục tiêu để vươn tới trong nay mai hoặc đời sống tinh thần hằng ngày...

Cứ mỗi một hình ảnh đi qua trong tư tưởng, hành giả

(Xem tiếp trang 57)

Khu nhà Tổ tại chùa Dâu.
Ảnh: Phùng Anh Tuấn

CHÙA DÂU
và lễ hội truyền thống Phật giáo lớn nhất Việt Nam

● NGUYỄN XUÂN HƯNG

LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

Vào ngày 8/4 âm lịch, hội chùa Dâu lại tưng bừng tại xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Đây có thể là lễ hội mang đậm màu sắc Phật giáo và có sự hoà trộn tín ngưỡng bản địa lớn nhất tại Việt Nam.

Hội chùa Dâu là sinh hoạt văn hóa Phật giáo của cư dân nông nghiệp. Tổng thể 5 chùa tròn vùng Dâu, mảnh đất thuộc đô thị cổ Luy Lâu cách đây khoảng 2000 năm, cùng mở hội. Theo truyền thống, hội tưởng nhớ và suy tôn Phật Mẫu Man Nương và 4 con gái bà là Pháp Vân *(Mây - Bà Dâu - thờ ở chùa Dâu)*, Pháp Vũ *(Mưa - Bà Đậu - thờ ở chùa Thành Đạo)*, Pháp Lôi *(Sấm, Sét - Bà Tương - thờ ở chùa Phi Tương)*, Pháp Điện *(Chớp - Bà Dàn -thờ ở chùa Phương Quan)*.

Lễ hội có lễ rước lớn, đám rước 4 chị em về chùa Tổ bái vọng mẹ. Dâng hương cầu kinh xong, đám rước lần lượt trở về các chùa. Trong lúc rước có các trò múa gậy, cướp nước, múa sư tử, múa hóa trang rùa, múa trống, đấu vật, cờ người, đốt cây bông. Hội có lễ tắm tượng Phật chùa Dâu là hội lớn với 12 làng trong tổng xưa mang theo đội múa rồng đến tham gia. Trong hội có rước tượng Sĩ Nhiếp - viên thái thú tương truyền là người cho tạc tượng tứ pháp: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Có cuộc thi *"cướp nước"* của hai bà Pháp Vân - Pháp Vũ.

TRUYỀN THUYẾT MAN NƯƠNG

Truyền thuyết kể rằng Phật Mẫu Man Nương là người con gái rất sùng đạo, năm 12 tuổi đến theo học đạo ở chùa Linh Quang, Tiên Du, Bắc Ninh. Tại chùa có thiền sư Khâu Đà La là một vị cao tăng đầu tiên sang Việt Nam truyền đạo tại đây. Một hôm Man Nương ngủ ở thềm, Khâu Đà La bước qua người, sau đó bà thụ thai. Cha mẹ Man Nương trách cứ thì Khâu Đà La dặn rằng đó là con Phật, không phải lo phiền.

Mười bốn tháng sau, Man Nương sinh hạ một người con vào ngày 8/4, đem đến chùa trả lại Thiền sư, ông gõ gậy tích trượng vào cây dung thụ *(cây đa)* ở cạnh chùa, cây đa tách ra, thiền sư để đứa trẻ vào trong, cây lại khép lại. Khâu Đà La trao cho Man Nương cây gậy và dặn khi nào hạn hán thì đem gậy cắm xuống đất để cứu

nhân dân. Khi vùng Dâu bị hạn hán 3 năm liền, nhớ đến lời dặn của ông, Man Nương đã đem cây gậy thần cắm xuống đất. Ngay lập tức nước phun lên, cây cối, ruộng đồng lại tươi tốt và chúng sinh thoát nạn hạn hán.

Tiếp đó có trận mưa to, cây đa bị gió bão quật đổ xuống sông Thiên Đức *(sông Dâu)* rồi trôi về Luy Lâu. Khi đó, Thái thú Sĩ Nhiếp cho quân lính vớt lên đã để làm nóc điện Kinh Thiên, nhưng không ai lay chuyển nổi. Man Nương đi qua liền xuống sông, buộc dải yếm vào thì kéo cây lên dễ dàng. Sĩ Nhiếp thấy thế kinh sợ, tuyển 10 người họ Đào tạc tượng Tứ pháp là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện tượng trưng cho Mây, Mưa, Sấm, Chớp để thờ. Khi thợ tạc tượng gặp trong thân cây một khối đá bèn vứt xuống sông. Đến đêm thấy lòng sông rực sáng, Sĩ Nhiếp cho người vớt nhưng không tài nào vớt được. Man Nương liền đi thuyền ra giữa sông thì khi khối đá tự nhiên nhảy vào lòng. Khối đá ấy được gọi là Thạch Quang Phật *(Phật đá tỏa sáng)*.

Bốn pho tượng Tứ Pháp được thờ ở 4 chùa Dâu, Đậu, Tướng, Dàn ở Thuận Thành, Bắc Ninh. Làng Mãn Xá lập chùa Phúc Nghiêm thờ Man Nương, gọi là Phật Mẫu, nên gọi chùa này là chùa Tổ. Hàng năm vào ngày hội chùa Dâu, thì ba làng Đậu, Tướng, Dàn rước tượng Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện về chùa Dâu gặp Pháp Vân rồi 4 chị em về chùa Tổ thăm Mẹ. Thời Pháp, chùa Đậu bị phá nên tượng Pháp Vũ để ở chùa Dâu. Thạch Quang Phật cũng được thờ ở đây.

CHÙA DÂU

Chùa Dâu, còn có tên là Diên Ứng (延應寺), Pháp Vân (法雲寺), hay Cổ Châu, là một ngôichùa nằm ở xã Thanh Khương, huyệnThuận Thành, tỉnhBắc Ninh, cách Hà Nộikhoảng 30 km. Chùa còn được người dân gọi với những tên gọi khác nhau như Chùa Cả, Cổ Châu tự, Diên Ứng tự. Đây là ngôi chùa được đánh giá là xưa nhất Việt Nam. Chùa nằm ở vùng Dâu, thời thuộc Hán gọi là Luy Lâu. Đây là trung tâm cổ xưa nhất của Phật giáoViệt Nam. Tại vùng Dâu có năm ngôi chùa cổ: chùa Dâu thờ Pháp Vân *(mây pháp)*, Chùa Đậu thờ Pháp Vũ *(mưa pháp)*,Chùa Tướng thờ Pháp Lôi *(sấm pháp)*, chùa Dàn thờ Pháp Điện *(chớp pháp)* và chùa Tổ thờ Man Nương là mẹ của Tứ Pháp. Năm chùa này ngoài thờPhật còn thờ các nữ thần. Chùa Đậu tại vùng Dâu đã bị phá hủy trong chiến tranh nên pho tượng Bà Đậu được thờ chung trong chùa Dâu.

Chùa được xây dựng vào buổi đầu Công Nguyên. Các nhà sư Ấn Độ đầu tiên đã từng đến đây. Vào cuối thế kỉ 6, nhà sư Tỳ Ni Đa Luu Chi từ TrungQuốcđến chùa này, lập nên một phái Thiền ở Việt Nam. Chùa được khởi công xây dựng năm 187 và hoàn thành năm 226, là ngôi chùa lâu đời nhất và gắn liền với lịch sử văn hóa, Phật giáo Việt Nam, được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử ngày 28/4/1962. Chùa Dâu gắn liền với sự tích Phật Mẫu Man Nương thờ tại chùa Tổ ở làng Mèn, Mãn Xá cách chùa Dâu 1 km. Chùa được xây dựng lại vào năm 1313 và trùng tu nhiều lần qua các thế kỷ tiếp theo. Vua Trần Anh Tông đã sai Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi về kiến thiết lại chùa Dâu thành chùa trăm gian, tháp chín tầng, cầu chín nhịp. Hiện nay, ở tòa thượng điện, chỉ còn sót lại vài mảng chạm khắc thời nhà Trầnvà thời nhà Lê.

Cũng như nhiều chùa chiền trên đất Việt Nam, chùa Dâu được xây dựng theo kiểu *"nội công ngoại quốc"*. Bốn dãy nhà liên thông hình chữ nhật bao quanh ba ngôi nhà chính: tiền đường, thiêu hương và thượng điện. Tiền đường của chùa Dâu đặt tượng Hộ pháp, tám vị Kim Cương; Gian thiêu hương đặt tượng Cửu Long, hai bên có tượng các vị Diêm Vương, Tam châu Thái tử, Mạc Đĩnh Chi. Thượng điện để tượng Bà Dâu *(Pháp Vân)*, Bà Đậu *(Pháp Vũ)*, và các hầu cận. Các pho tượng Bồ tát, Tam thế, Đức ông, Thánh tăng được đặt ở phần hậu điện phía sau chùa chính. Một trong những ấn tượng khó có thể quên được ở nơi đây là những pho tượng thờ. Ở gian giữa chùa có tượng Bà Dâu, hay nữ thần Pháp Vân, uy nghi, trầm mặc, màu đồng hun, cao gần 2m được bày ở gian giữa. Tượng có gương mặt đẹp với nốt ruồi to đậm giữa trán gợi liên tưởng tới những nàng vũ nữ Ấn Độ, tới quê hương Tây Trúc. Ở hai bên là tượng Kim Đồng và Ngọc Nữ. Phía trước là một hộp gỗ trong đặt Thạch Quang Phật là một khối đá, tương truyền là em út của Tứ Pháp.Do chùa Đậu *(Bắc Ninh)* bị Pháp phá hủy, nên tượng Bà Đậu *(Pháp Vũ)* cũng được đưa về thờ ở chùa Dâu. Tượng Pháp Vũ với những nét thuần Việt, đức độ, cao cả. Những tượng này đều có niên đại thế kỉ 18. Bên trái của thượng điện có pho tượng thiền sư Tỳ Ny Đa Lưu Chi, tượng được đặt trên một bệ gỗ hình sư tử đội tòa sen, có thể có niên đại thế kỉ 14. Giữa sân chùa trải rộng là cây tháp Hòa Phong. Tháp xây bằng loại gạch cỡ lớn ngày xưa, được nung thủ công tới độ có màu sẫm già của vại sành. Thời gian đã lấy đi sáu tầng trên của tháp, nay chỉ còn 3 tầng dưới, cao khoảng 17m nhưng vẫn uy nghi, vững chãi thế đứng ngàn năm. Mặt trước tầng 2 có gắn bảng đá khắc chữ *"Hòa Phong tháp"*. Chân tháp vuông, mỗi cạnh gần 7m. Tầng dưới có 4 cửa vòm. Trong tháp, treo một quả chuông đồng đúc năm 1793 và một chiếc khánh đúc năm 1817. Có 4 tượng Thiên Vương cao 1,6m ở 4 góc. Trước tháp, bên phải có tấm bia vuông dựng năm 1738, bên trái có tượng một con cừu đá dài 1,33m, cao 0,8m. Tượng này là dấu vết duy nhất còn sót lại từ thời nhà Hán.

VÀI SUY NGHĨ TỪ LỄ HỘI CHÙA DÂU 2009

Chùa Dâu và lễ hội chùa Dâu tại địa phận tỉnh Bắc Ninh, nhưng chỉ cách nội thành Hà Nội khoảng 30 km, vùng Bắc Ninh lại là nơi phát tích nhà Lý, nên việc kết tập các lễ hội xuân năm nay cũng là dịp để các nhà quản lý có cái nhìn toàn diện hơn cho tổ chức lễ hội vào năm 2010 tiến tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Song, đáng tiếc nhiều lễ hội diễn ra tuy có rầm rộ *(như lễ hội chùa Hương, đền Đô, Đống Đa...)*, nhưng vẫn không đạt đến sự trông mong của nhân dân, trong đó lễ hội chùa Dâu không phải là ngoại lệ. Mặc dù các cấp chính quyền đã có sự chuẩn bị, nhưng những thẩm

Chùa Dâu - Bắc Ninh Ảnh: Phùng Anh Tuấn

lậu về tệ nạn hàng quán, cờ bạc, mê tín vẫn diễn ra.

Ngay từ đầu năm, xã Thanh Khương *(Thuận Thành, Bắc Ninh)* đã thành lập ban tổ chức lễ hội với sự kết hợp của các đơn vị, chỉ đạo, quản lý, đảm bảo an toàn giao thông, trật tự an ninh, để lễ hội diễn ra văn minh, trật tự. Trước lễ hội, với sự đầu tư từ ngân sách tỉnh, từ sự hảo tâm đóng góp của nhân dân địa phương, chùa Dâu được tu bổ lại nhiều công trình, hạng mục công trình như khu nội tự, sân giữa, tường bao, hoành phi câu đối, cửa ra vào sơn son thếp vàng... tạo sự khang trang, đẹp đẽ... Tuy nhiên, phần hồn của lễ hội còn chưa được quan tâm tìm ra cách tuyên tuyền hay tổ chức thích hợp để thu hút du khách hơn nữa, xứng đáng là lễ hội Phật giáo lớn nhất vùng Bắc Bộ.

Về mặt văn hoá dân gian, lễ hội chùa Dâu cũng có mặt đặc sắc vì lễ hội là tấm gương phản chiếu tín ngưỡng cổ xưa bản địa là tục thờ Mẫu kết hợp với tín ngưỡng Phật giáo du nhập vào nước ta từ đầu thế kỷ. Các Thánh Mẫu của cư dân nông nghiệp Bắc Bộ hiện thân là các Phật Mẫu, dù cho có gương mặt Ấn Độ, nhưng vẫn mang tâm hồn Việt, phù hộ độ trì cho nông dân vùng quê Bắc Bộ. Không phải ngẫu nhiên mà Man Nương lại sinh ra 4 nữ Phật vào đúng ngày 8/4. Thời xa xưa, hẳn trình độ dân chúng còn hạn chế, lịch sử đức Phật chắc là được các trí thức trong xã hội khéo nhập vào một truyền thuyết thuần Việt, để chuyển tải tinh thần cứu dân độ thế của đức Phật. Trong câu chuyện này, truyền thống thờ Mẫu, thờ Thánh kết hợp nhuần nhuy với tín ngưỡng Phật giáo. Câu chuyện Man Nương còn là âm hưởng của một xã hội nguyên sơ tam giáo đồng nguyên ở đồng bằng Bắc Bộ.

Trong truyền thống lễ hội, còn có hiện diện bóng dáng một viên thái thú như Sĩ Nhiếp, người đóng góp công lao lớn cho việc xây dựng nếp sống văn hoá của cư dân trong vùng. Hẳn rằng viên thái thú này đã nghe thấy nguyện vọng nhân dân, khéo léo kết hợp tín ngưỡng bản địa với những đạo giáo do đương thời đưa đến. Nghiên cứu lễ hội chùa Dâu, chắc hẳn sẽ soi sáng được nhiều vấn đề về lịch sử văn hoá Việt Nam thời cổ trung đại.

HƯỚNG DẪN THỰC TẬP THIỀN

(Tiếp theo trang 54)

hãy tự đặt cho mình một câu hỏi: Có phải nó chỉ khiến cho ta thêm rắc rối cuộc đời hay không?

Hành giả lại tự trả lời, vẫn trong thinh lặng và một cách trung thực sau khi tự phản tỉnh, soi rọi. Sau đó, nên có thêm một câu tự vấn khác: Nếu mọi sự được giản xếp đơn giản hơn thế thì có phải là ta sẽ được hạnh phúc hơn không?

Mục tiêu của đời sống tinh thần phải là giây phút khám phá ra sự tự do, là sự hài hòa tích cực với cuộc đời chung quanh và nhận ra được bản chất thật sự trong sự hiện hữu của chính mình. Nếu cái cần thiết cho đời sống của chúng ta là việc giản dị hóa mọi sự và ta cũng đã tìm thấy được con đường để thực hiện nó thì hãy biết giữ nó lại cho mình như một hành trang để bước vào hành trình chuyển hóa, thăng hoa tâm linh.

Dựa theo tài liệu Thiền học Nam truyền Hướng dẫn hành thiền. Joseph Goldstein và Jack Kornfield *(Tỳ khưu Giác Nguyên dịch)*.

Sôi động LỄ HỘI PHẬT ĐẢN tại các nước châu Á

KHẮC NAM

Phật Đản là ngày lễ được tổ chức hằng năm bởi cả hai truyền thống Nam và Bắc tông, thường được người ta biết đến bằng tên gọi Vesak, thuật ngữ trong tiếng Sinhala hoặc Vaishaha trong tiếng Pali, là tên gọi của tháng Hai lịch pháp Ấn Độ giáo. Tuy nhiên tên gọi này ở nhiều nước cũng không đồng nhất. Ví dụ ở Ấn Độ, Nepal và Bangladesh, Vesak được gọi là Visakah Puji (Lễ hội Visakah), Indonexia gọi là Waisak, Tây Tạng gọi là Saga Daw É Ngày 15/12/1999 theo đề nghị của 34 nước và để tôn vinh giá trị đạo đức, văn hoá, tư tưởng hoà bình, đoàn kết hữu nghị của Đức Phật, Đại hội đồng LHQ trong phiên họp thứ 54, điều khoản 174 của chương trình nghị sự đã chính thức công nhận Đại lễ Vesak là một lễ hội văn hoá, tôn giáo quốc tế của LHQ vì vậy từ năm 2000 trở đi những gì có liên quan đến hoạt động này đã được diễn ra hằng năm tại trụ trở của LHQ và nhiều nơi trên thế giới. Nhân dịp lễ Phật Đản chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc một số hoạt động trong khuôn khổ ngày lễ Phật đản tại khu vực châu Á.

THÁI LAN

Tại Thái Lan, lễ hội Phật Đản được gọi là Vesak Day *(Ngày Vesak)* hay Visakha Bucha, đánh dấu sự ra đời, giác ngộ và qua đời của Đức Phật. Đây là một sự kiện trọng đại và thường được tổ chức vào những ngày trăng tròn, Phật tử ở khắp mọi nơi kéo về các đền chùa nghe tụng kinh, cầu nguyện, cầu may, làm lễ tắm Phật, phóng sinh, quy y, tham gia vẽ tranh, đám rước và nhiều hoạt động sôi động khác. Cùng với lễ hội Phật Đản, tại Thái Lan còn rất nhiều lễ hội mang tính tôn giáo trang nghiêm khác như lễ hội ăn chay, lễ hội té nước... tất cả các hoạt động này đều mang tính văn hoá, tôn vinh giá trị đạo đức, hoà bình, bác ái và cầu mong một tương lai tốt đẹp cho chúng sinh nhân loại. Năm 2007 Thái Lan đã đăng cai thành công Đại lễ Vesak của Liên Hợp Quốc và sau đó Uỷ ban tổ chức của LHQ đã chọn Việt Nam là nơi tổ chức Đại lễ Vesak 2008.

XINGAPO

Tại Singapore ngày Vesak là một sự kiện văn hoá vô cùng trọng đại và sôi động, được tổ chức vào tháng Ba hàng năm và hoàn toàn miễn phí, kỷ niệm những sự kiện liên quan đến Đức Phật. Tại các đền thờ, giới Phật tử và những người mộ đạo trong trang phục sặc sỡ tham gia các hoạt động cầu kinh niệm Phật, đám rước, phóng sinh, quy y... Đặc biệt còn có nhiều hoạt động thiết thực khác của thanh niên Phật giáo như hiến máu nhân đạo, cắm trại, phân phối quà tặng cho người nghèo. Vào buổi tối còn có nhiều hoạt động, đặc biệt là diễu hành rước nến. Những nơi có hoạt động sôi động phải kể đến Thung lũng sông Đường, đền Jalan Bukit Merah, Lian Shan Shuang, Jalan Toa Payoh...

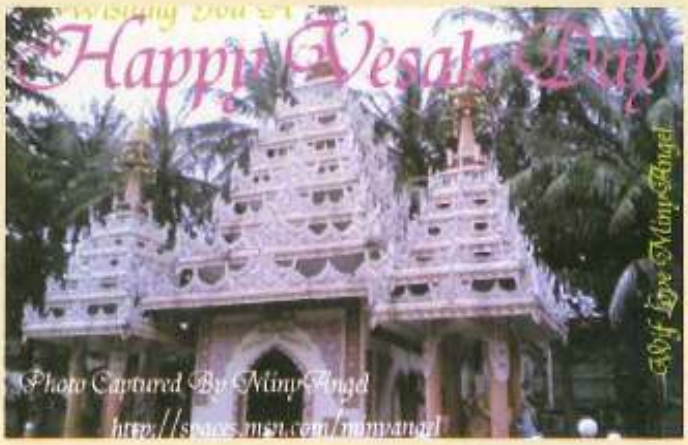

TRUNG QUỐC

Tại Trung Quốc lễ Phật Đản được gọi là Ngày Vesak Guanfo hoặc yufo *(tắm Đức Phật)*. Mọi nghi thức thường được thực hiện trước khi mặt trời mọc, đặc biệt là lễ tắm Phật để kỷ niệm ngày Đức Phật ra đời. Trong những ngày hội, Phật tử từ các nơi đổ về các ngôi đền, chùa lớn để tham dự các hoạt động cầu may, nghe giảng Phật pháp, tổ chức thắp nến hình bông sen, xếp biểu tượng của Phật, cúng lễ cầu may, dùng đồng xu cạm vào bát hương, một cử chỉ cầu may và nhiều hoạt động mang tính từ thiện như thả rùa, thả chim trong lễ phóng sinh, ghé thăm các trại mồ côi, nhà tế bần, dưỡng lão, cơ sở giáo dục... để làm từ thiện.

SRI LANKA

Tại Sri Lanka lễ Phật Đản *(Vesak Day)* là một sự kiện văn hoá rất phổ biến và trong suốt 2000 năm qua chưa năm nào bị gián đoạn bởi nói đến Sri Lanka là nói đến văn hoá Phật giáo. Vào dịp lễ hội trong các gia đình đều có thắp nến, trang trí đèn lồng và cờ Phật, còn tại các nơi công cộng ngoài trang trí cờ hoa, người ta còn đốt pháo, diễu hành voi, các màn trình diễn của các vũ công, các hoạt động mang tính tôn giáo như thổi lửa, xiên táo các vật nhọn qua cơ thể của những người

mộ đạo mà không hề có sự tổn thương hay rỉ máu và dường như những người này sinh ra để làm việc này nên mọi thao tác rất chuyên nghiệp và thuần thục. Có lẽ sôi động hơn cả phải kể đến các đám rước voi, đây là những con vật thân thiện, được đào tạo bài bản và rất thông minh, mang trang phục rất sực sỡ. Một con voi thủ lĩnh được mang một chiếc hộp trong đó có chứa các di tích của Đức Phật. Trong dịp này người ta còn cho xây một bảng điện tử khổng lồ tương đương ngôi nhà ba tầng hiển thị những thông tin nói về cuộc đời Đức Phật , giúp cho những người ở xa cũng có thể quan sát được. Ngoài việc tham gia các hoạt động mang tính tôn giáo, trong dịp này người ta còn tổ chức nhiều trò vui, các hoạt động từ thiện và những hoạt động thể hiện những điều Phật răn khi Ngài còn sống.

VIỆT NAM

Đại lễ Phật Đản Liên Hợp Quốc 2008 đã được tổ chức thành công tại tại Trung tâm hội nghị Quốc gia từ ngày 13 -15/5/2008 *(tức ngày 9 đến 13 tháng Tư âm lịch)* nhằm kỷ niệm sự kiện tam hợp của Đức Phật Thích Ca: Đản sinh, Thành đạo, nhập Niết bàn . Đề tài xuyên suốt của Đại lễ Vesak 2008 là tam hợp trên cơ sở tình thương, hoà bình và hoà hợp, với các nội dung chính như sự cống hiến của Phật giáo trong việc xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh; Hai là sự thay đổi khí hậu toàn cầu; Ba, những mâu thuẫn trong gia đình; Bốn, chiến tranh và hàn gắn; Năm, những thay đổi của xã hội; Sáu, giáo dục của Phật giáo; Bảy, Phật giáo nhập thế và Tám, Phật giáo trong giai đoạn kỹ thuật số. Đại lễ Vesak 2008 được xem là một sự kiện lịch sử Phật giáo quốc tế lớn nhất trong hơn 2000 năm lịch sử Phật giáo của Việt Nam. Tới dự Đại lễ Phật giáo Vesak 2008 có khoảng 100 quốc gia với 600 đoàn Phật giáo và hơn 5000 người tham dự . Ngoài những buổi hội thảo chính, trong những ngày diễn ra lễ hội còn có các hoạt động văn hoá sôi động như triển lãm nghệ thuật, triển lãm ẩm thực, biểu diễn các đoàn xe hoa, thả đèn lồng trên không... Ngày 16/5 sau khi kết thúc Đại lễ đã có buổi thắp nến cầu nguyện cho hoà bình thế giới với sự tham dự của trên 20.000 người đến từ khắp mọi miền của tổ quốc và khách quốc tế.

TIN TỨC PHẬT SỰ

Ngày 8/5/2009 tại chùa Linh Quang Phường Phương Liệt Quận Đống Đa Hà Nội. Tổ Phật tử Phúc Tuệ đã tiến hành buổi lễ mở tiền tiết kiệm trợ duyên cho Tăng Ni sinh Học viện Phật giáo Sóc Sơn. Được biết phong trào này ở tổ Phúc Tuệ đã được phát động cách đây 3 năm. Mỗi năm phong trào lại được nhân rộng với nhiều phật tử hưởng ứng tích cực. Năm 2008 số tiền tiết kiệm từ phong trào này là 32 triệu đồng. Năm nay 2009 là 35 triệu đồng với số lượng Phật tử tham gia là 300 người. Số tiền tuy rằng không lớn nhưng lại có ý nghĩa sâu sắc, bởi vì không chỉ ở các Phật tử lớn tuổi mà có cả phần đóng góp không nhỏ của các cháu bé từ 5 tuổi trở lên tham gia...Đồng thời đây cũng là điểm khơi dậy tấm lòng hướng thiện, tu thân tích đức, rèn luyện sáng nhân cách trở thành người con Phật của tất cả mọi người.

PHÙNG ANH TUẤN

SƯU TẦM TRỌN BỘ

Ảnh bìa Tạp chí Nghiên cứu Phật học.

Hãy sưu tầm trọn bộ Tạp chí Nghiên cứu Phật học. Bạn đọc quan tâm vui lòng liên hệ với Tòa soạn để biết thêm chi tiết về cước phí bưu điện.

Điện thoại: 04-39423887

1. Chúng tôi muốn tra cứu một số sách điện tử để tham khảo về Phật học, xin giới thiệu cho biết một số sách, hoặc đường dẫn để tra cứu.

(Nguyễn Văn Hoà, tổ 34, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội)

Trả lời: Có rất nhiều sách trên mạng về chủ đề Phật giáo. Có thể tìm bằng cách sau đây: Hoặc đánh câu từ khoá rồi tìm trên các phần mềm tìm kiếm hàng đầu như Google hoặc Yahoo.

Tại đây, chúng tôi dẫn ra mấy kết quả ngẫu nhiên:

+ Với đường link http://www.thuvien-ebook.com/forums/showthread.php?t=11169 của trang thư viện ebook, bạn có thể tìm thấy những sách sau: Những tinh hoa trí tuệ Phật giáo *(dịch)*; Đức Phật lịch sử *(dịch)*; Tuổi trẻ tình yêu và lý tưởng *(Thích Nhất Hạnh)*; Thử hoà điệu sống *(Võ Đình Cường)*; Làm lại tình thâm *(Nhất Hạnh)*; Câu chuyện dòng sông *(Hecman Hesso)*; Mười đệ tử Phật *(Thích Minh Tuệ)*; Tấm lòng rộng mở *(Datlai Latma)*; Ánh đạo vàng *(Võ Đình Cường)*; 33 vị tổ thiền Ấn - Hoa *(Thích Thanh Từ)*...

Với mỗi sách, lại có đươờn link riêng. Một lưu ý là các sách trên đây thuộc trang web này, đều có định dạng prc, muốn đọc sách này, phải cài phầm mềm đọc định dạng PRC *(Mobipocket Reader)*, như sau: http://www.mobipocket.com/en/DownloadSoft/default.asp?Language=EN

+ Còn một kho sách phật giáo nữa thuộc trang http://www.thuvienhoasen.org/index-kinhsach-e-book.htm cũng gồm rất nhiều sách phật giáo, trang này thì định dạng sách dạng .doc hoặc .pdf không cần thêm phần mềm nào khác.

+ Ngoài ra, rất nhiều trang phật giáo khác cũng có phần ebook.

2. Xin cho biết một số trang web về Phật giáo?

(Phật tử Tâm An Nguyễn Thị Dung, xã Nhân Dục, TP Hưng Yên)

Trả lời: Về các trang web phật giáo, hiện nay rất nhiều, có thể tìm bằng cách dùng từ khoá "phật" trên trang Google. Đơn cử một số như sau: www.phattuvietnam.net; www.phatgiao.vn; www.niemphat.com; www.phattuvietnam.org; www.phatviet.net; www.thaoluanphatphap.net....

3. Xin cho biết: vì sao một số người, hoặc sách lại gọi Phật Đà, vậy Phật Đà và Phật có phải hai người hay không?

(Nguyễn Hồng Hải, K42, Đại học Bách Khoa, Hà Nội)

Trả lời: Phật và Phật Đà chỉ là hai cách gọi của Đức Phật trong tiếng Việt. Đây có thể là cách dịch của từng tác giả.

Chúng tôi xin giới thiệu với bạn độc một cách giải thích do một tác giả vô danh trên trang từ điển wikimedia, trang web có tính tự lập dùng cho mọi người.

Phiên âm từ tiếng Phạn hoặc Pali Buddha sang Hán - Việt; dịch ý là Giác giả (覺者), tức *"Người tỉnh thức"*, người đã giác ngộ chân lý, đã đầy đủ, tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn, thấy biết tính tướng của tất cả pháp một cách đúng như thật và thành tựu chánh đẳng chánh giác, quả vị cao nhất trong Phật giáo.

Phật có thể là chữ viết tắt của Phật - đà (佛陀) theo tiếng Hán phiên âm sang tiếng Việt. Ngoài ra, có tác giả còn cho biết việc phiên âm chữ Buddha là Phù Đổ (浮屠/浮圖), Bột Đà (勃陀) Bộ Đa (部多), Bộ Đà (部陀), Phật Đồ 佛圖)... Tiếng Việt cố xưa còn gọi là Bụt (đọc Nôm chữ 孛 hoặc Bột 勃)...

Hiện nay, có nhiều tác giả vẫn gọi tiếng "Phật Đà" để chỉ đức Phật lịch sử Thích ca mâu ni.

Thích - ca Mâu - ni (釋迦牟尼, sa. śākyamuni, pi. sakkamuni, dịch nghĩa là *"Trí giả trầm lặng (muni) của dòng Thích - ca"*. Đây là danh hiệu của Tất - đạt - đa Cồ - đàm (sa.siddhārtha gautama, 悉達多 瞿曇), người sáng lập Phật giáo. Thái tử Tất - đạt - đa mang tên này sau khi từ bỏ các vị thầy và tự mình tìm đường giải thoát. Danh hiệu *"Thích - ca Mâu - ni"* thường được dùng để chỉ vị Phật lịch sử đã từng sống trên Trái Đất này, nhằm phân biệt với các vị Phật khác.

4. Trong dân gian có câu thần chú: "Ùm ba la bát mê hồng", nghe nói đó là câu thần chú của Phật giáo, xin cho biết lai lịch của câu thần chú này?

(Trần Văn Hữu, phố Đà Nẵng, Hải Phòng)

Trả lời: Nguyên văn châm ngôn tiếng Phạn **Oṃ Maṇi Padme Hūṃ** được xem là chân ngôn cầu Quán Thế Âm Bồ Tát và là chân ngôn quan trọng và lâu đời nhất của Phật giáo Tây Tạng. Nó còn được mệnh danh là *"Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn"* tức là *"Chân ngôn sáng rõ bao gồm sáu chữ"*. Theo âm Hán - Việt, câu này được đọc là *Úm ma ni bát ni hồng*, hoặc *Án ma ni bát mê hồng*. Dân gian đọc nôm *"Ùm ba la bát mê hồng"*. Có thể dịch câu này là **Oṃ**, ngọc quý trong hoa sen, **Hūṃ**.

Thông thường người ta không giảng nghĩa Chân ngôn này, nhưng ở đây cần nói thêm là: *"ngọc quý"* biểu hiện cho Bồ - đề tâm *(bodhicitta)*, *"hoa sen"* chỉ tâm thức con người, ý nghĩa là tâm Bồ - đề nở trong lòng người. Tuy nhiên Chân ngôn có những âm thanh riêng biệt và những tác dụng bí ẩn theo cách trình bày của Kim cương thừa. Đối với Phật giáo Tây tạng thì **Oṃ Maṇi Padme Hūṃ** chính là lòng từ bi rộng lớn, muốn đạt Niết - bàn vì lợi ích của chúng sinh. Vì vậy sáu âm tiết của thần chú này cũng được xem là tương ưng với sáu cõi tái sinh của dục giới...

Tượng Phật ngọc.

Ông bà Lan Green chủ nhân tượng Phật ngọc.

CHÙM ẢNH PHẬT NGỌC
tại TP. Hồ Chí Minh

Ảnh: Thích Giác Thông

Thượng tọa Thích Chân Tính trụ trì chùa Hoằng Pháp trao quà lưu niệm cho Ông bà Lan Green

Phát cơm chay tại buổi lễ.

Các chư tăng tôn đức cùng đồng bào tại Lễ khai mạc.

Chùa Hoằng pháp trong Lễ khai mạc.

Các Chư tăng trong Lễ khai mạc.

Phật tử hoan hỷ cung nghinh tượng Phật ngọc.

Điện Phật ngọc ngày khai mạc.

Quang cảnh buổi lễ cầu nguyện cho Hòa Bình.

PHƯƠNG DANH CÚNG DÀNG

Tạp chí Nghiên cứu Phật học số 3/2009

TT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	TỊNH TÀI
1	Đặng Thị Vân Anh	Số nhà 10 ngõ 596/9 Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ, HN	100.000
2	Mai Thị Nghĩa	Số nhà 37 làng Đại Yên, Ngọc Hà, Ba Đình, HN	100.000
3	Phạm Đăng Minh	Số 208, nhà D6 Tập thể Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	100.000
4	Vi Thiết Hùng	Khu 8 thị trấn Thanh Ba, Phú Thọ	50.000
5	Phạm Minh Hiếu	Khu 5 thị trấn Thanh Ba, Phú Thọ	50.000
6	Trần Thị Thái	Thái Nguyên	400.000
7	Bùi Thị Thanh Tơ	P219 C3 Vĩnh Hồ, Đ.Đa, HN	100.000
8	Nguyễn Đức Minh	202 nhà A5 TT Bắn Đồ, ngách 105/8, Láng Hạ, Đống Đa, HN	500.000
9	Thích Huệ Quang	Chùa Hưng Long, 207 Ấp Long Thuận, Long Trì, Châu Thành, Long An	50.000
10	Lê Mạnh Thắng	P8 - M7 - Bùi Ngọc Dương - Bạch Mai - Hai Bà Trưng - Hà Nội	2.000.000

Tạp chí xin chân thành cảm ơn Chư Tôn Đức Tăng Ni và Quý vị Phật tử đã hảo tâm ủng hộ hoạt động của Phân viện. Hoằng pháp lợi sinh là Phật sự trọng đại và lâu dài. Kính mong được sự giúp đỡ thường xuyên của Quý vị để Phân viện hoàn thành Phật sự.
Nam mô Công Đức Lâm Bồ Tát tác đại chứng minh.

PHÂN VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐẶT MUA TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC NĂM 2009

Kính mời: Quý chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, độc giả đăng ký mua Tạp chí Nghiên cứu Phật học năm 2009.

Họ và tên:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Đăng ký xin mua:.....

☐	Tạp chí số 1 Xuân 2009 (tháng 1 + 2)	= 20.000VND
☐	Tạp chí số 2 (tháng 3 + 4)	= 15.000VND
☐	Tạp chí số 3 mừng Phật đản (tháng 5 + 6)	= 20.000VND
☐	Tạp chí số 4 (tháng 7 +8)	= 15.000VND
☐	Tạp chí số 5 (tháng 9 + 10)	= 15.000VND
☐	Tạp chí số 6 (tháng 11 + 12)	= 15.000VND
☐	Tạp chí cả năm (6 số)	= 100.000VND

Xin Quý vị độc giả vui lòng tích vào ô trống theo nhu cầu đặt báo. Nếu Quý vị độc giả mua với số lượng nhiều, xin liên hệ trực tiếp với Văn phòng Tạp chí Nghiên cứu Phật học. Thư từ, phiếu chuyển tiền xin gửi đến:

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC
Chùa Quán Sứ, 73 phố Quán Sứ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại : 04.39423887
Hoặc chuyển tiền vào tài khoản theo địa chỉ : Phân viện Nghiên cứu Phật học - Sở giao dịch I - Ngân hàng Công thương Việt Nam. Số tài khoản : 102010000032825.
Tạp chí Nghiên cứu Phật học xin trân trọng cảm ơn.

VINCOM CITY TOWERS

"Where all the famous brands meet"

ADD:
191 Ba Trieu Str.,
Hai Ba Trung Dist., Hanoi
Tel: (84-4) 974 2899
Fax: (84-4) 974 2868
http://www.vincomjsc.com

VINCOM CITY TOWERS
Hanoi's most modern prestigious shopping complex with up to date fashion excellent food and great entertainment.

GREAT SHOPPING
International & famous Brands
Good warranties and services
Cool and fresh environment with fully air conditioning system

FOOD COMPLEX
Great restaurants Variety of Asian and Western food

MODERN CINEMA COMPLEX
(Openning 26th April 2006)
8 most modern cinemas

GAMES WORLD
A SAFE PLACE
TO LEAVE YOUR KIDS
(Legend Garden)
Fun and relaxing choice of games

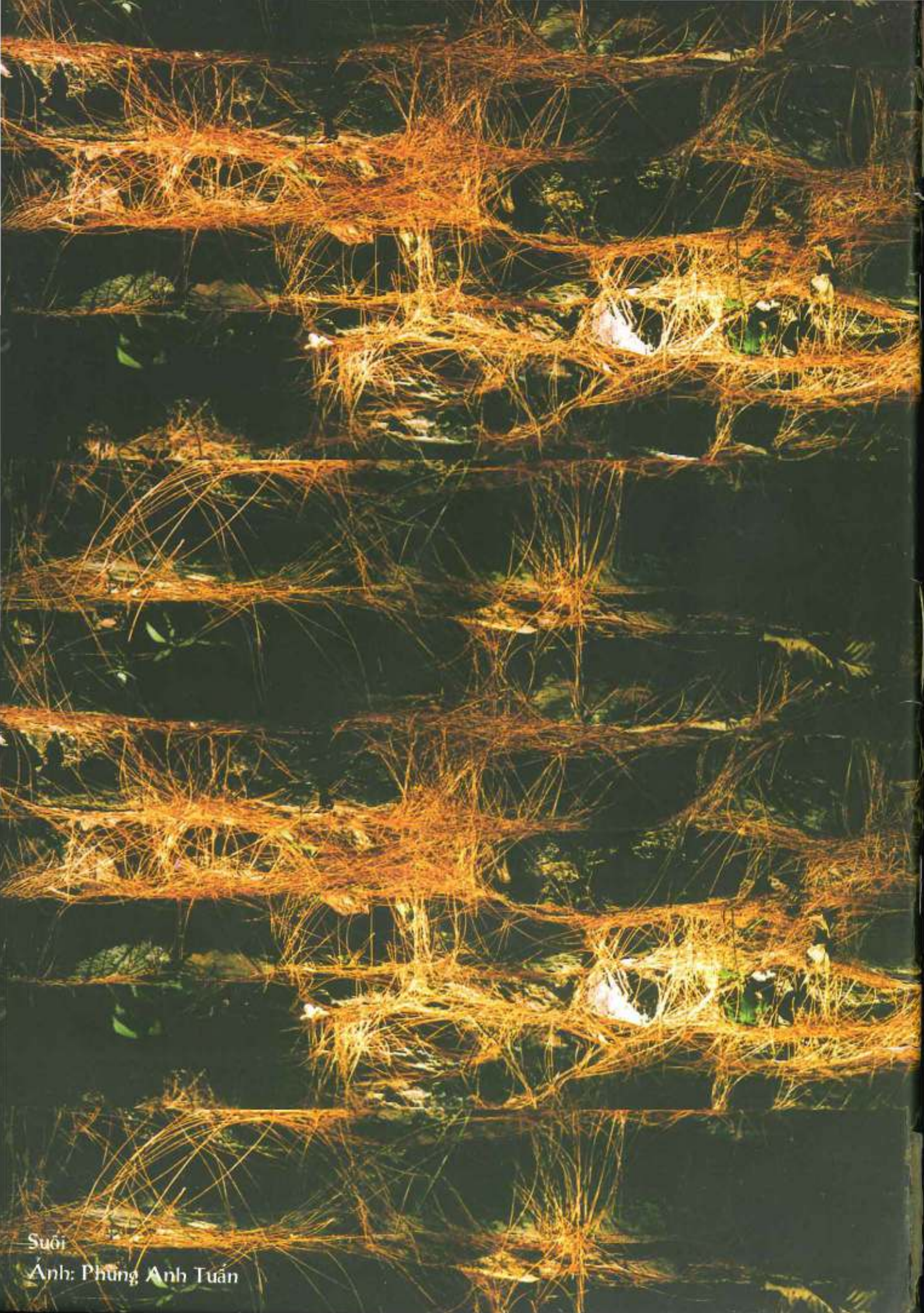

Suối
Ảnh: Phùng Anh Tuấn